

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **12460**/BTC-CST
V/v xin ý kiến thẩm định về
dự án Nghị định của Chính
phủ về LPTB

Hà Nội, ngày **29** tháng **10** năm 2021

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại Công văn số 1518/VPCP-KTTH ngày 24/6/2021 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính đã nghiên cứu, xây dựng dự án Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP về lệ phí trước bạ (LPTB).

Căn cứ quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã có Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 03/8/2021 về việc thành lập Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập để xây dựng dự án Nghị định.

Ngày 06/8/2021, Bộ Tài chính có công văn số 8836/BTC-CST gửi lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Hiệp hội, doanh nghiệp và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính để lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân về dự án Nghị định. Đồng thời, Bộ Tài chính đã có Công văn số 8837/BTC-CST gửi xin ý kiến thành viên Ban Soạn thảo và Công văn số 8845/BTC-CST này 09/8/2021 gửi xin ý kiến các Hiệp hội, tổ chức và một số Cục thuế về dự án Nghị định.

Bộ Tài chính đã nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia và hoàn chỉnh dự án Nghị định, trong đó có nội dung tiếp thu xây dựng Nghị định của Chính phủ về LPTB (thay thế Nghị định số 140/2016/NĐ-CP và Nghị định số 20/2019/NĐ-CP). Theo đó, Bộ Tài chính đã hoàn thiện hồ sơ dự án Nghị định của Chính phủ về LPTB (*Hồ sơ dự án kèm theo*).

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính xin gửi tới quý Bộ hồ sơ dự án Nghị định của Chính phủ về LPTB để quý Bộ thẩm định trước khi trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của quý Bộ. /

Nơi nhận: *ta*

- Như trên;
- Vụ Pháp chế, TCT;
- Lưu: VT, CST (4).*5*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

TỜ TRÌNH

Dự án Nghị định của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ

Kính gửi: Chính phủ
(Tài liệu phục vụ xin ý kiến thẩm định)

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự án Nghị định của Chính phủ về lệ phí trước bạ (sau đây gọi là dự án Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Luật Phí và lệ phí (khoản 3 Điều 18) quy định Chính phủ quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng, hướng dẫn thực hiện thống nhất các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền, trong đó có lệ phí trước bạ (LPTB). Thực hiện Luật Phí và lệ phí, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 về LPTB, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21/02/2019 của Chính phủ.

Qua tổng kết, đánh giá cho thấy chính sách thu LPTB hiện hành đã đạt được kết quả như sau:

- *Góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với tài sản, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người có quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản*

LPTB là một khoản tiền mà người có tài sản phải nộp khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thông qua việc kê khai LPTB, các dữ liệu về chủ sở hữu, sử dụng tài sản, dữ liệu về đặc điểm, giá trị tài sản được cập nhật kịp thời, đóng góp kho dữ liệu quan trọng cho cơ quan thuế và cơ quan quản lý nhà nước liên quan, từ đó góp phần tăng cường quản lý nhà nước về tài sản, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chủ sở hữu, sử dụng tài sản.

- *Góp phần cải cách thủ tục hành chính; đảm bảo sự minh bạch, rõ ràng và thống nhất trong quá trình thực hiện*

Thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015-2016 và Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử, tại Nghị định số 20/2019/NĐ-CP đã quy định giao Bộ Tài chính ban hành Bảng giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy để áp dụng chung trên toàn quốc, từ đó đã tạo thuận lợi cho việc khai, nộp LPTB điện tử, góp phần hạn chế các thủ tục hành chính không cần

thiết, góp phần thực hiện mục tiêu cải cách hành chính của Chính phủ và tăng cường công tác quản lý thuế.

Kết quả sau hơn 1 năm rưỡi triển khai thu LPTB điện tử (từ ngày 12/3/2020), số lượng ô tô, xe máy khai, nộp LPTB điện tử tại Hà Nội và Hồ Chí Minh là 24.139 xe nộp bằng phương thức điện tử và 71.892 xe khai bằng phương thức điện tử; với số tiền LPTB nộp điện tử là gần 678 tỷ đồng. Đối với 61 tỉnh thành phố còn lại, sau hơn 1 năm triển khai (tính từ ngày 01/8/2020) số lượng ô tô, xe máy khai, nộp LPTB điện tử là 297.175 xe, với số tiền LPTB nộp điện tử hơn 2.631 tỷ đồng. Việc thực hiện khai, nộp LPTB điện tử đối với ô tô, xe máy trên toàn quốc làm giảm chi phí tuân thủ của người nộp thuế ước tính khoảng 1.020 tỷ đồng/năm¹.

- Góp phần ổn định nguồn thu cho ngân sách nhà nước

Theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước (NSNN) thì LPTB là khoản thu ngân sách địa phương (NSDP) hưởng 100% và đây là nguồn thu đóng vai trò quan trọng trong tổng thu NSDP, góp phần đảm bảo ngân sách để chính quyền địa phương thực hiện các chức năng quản lý.

Số thu LPTB giai đoạn 2012-2020 bình quân khoảng 24.740 tỷ đồng/năm, chiếm khoảng 2,1% tổng thu NSNN; 2,9% tổng thu nội địa và 4,8% tổng thu NSDP. Số thu LPTB cũng tăng đều qua các năm với tốc độ tăng trung bình mỗi năm khoảng 16% so với năm trước liền kề. Nếu số thu LPTB năm 2012 chỉ đạt 11.816 tỷ đồng thì đến năm 2019 số thu LPTB tăng lên đạt 40.194 tỷ đồng, tăng 28.378 tỷ đồng, gấp 2,4 lần so với năm 2012.

Cơ cấu thu LPTB theo các nhóm tài sản cũng tăng đều qua các năm, trong đó số thu LPTB đối với ô tô chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng số thu LPTB với tỷ trọng bình quân (tính cho giai đoạn 2017-2020) khoảng 73% tổng số thu LPTB. Số thu LPTB đối với nhà, đất chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 với sự tăng trưởng ổn định qua các năm (giai đoạn 2017-2019, số thu LPTB bình quân đối với nhà, đất đạt khoảng 5.575 tỷ đồng, tăng gấp 2 lần so với bình quân của giai đoạn 2012-2016).

Riêng năm 2020, số thu LPTB giảm 28% so với năm 2019, chỉ đạt 31.295 tỷ đồng (trong đó số thu LPTB đối với ô tô là 24.679 tỷ đồng, đối với nhà, đất là 6.403 tỷ đồng). Nguyên nhân xuất phát từ những ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19, làm hạn chế nhu cầu tiêu dùng của người dân. Tuy nhiên, khi loại bỏ các yếu tố khách quan và bất khả kháng từ dịch bệnh, số thu LPTB luôn có tốc độ tăng ổn định trong các năm, chiếm một phần quan trọng trong tổng thu NSNN và tổng thu NSDP.

(Phụ lục số thu LPTB giai đoạn 2012-2020 trình kèm).

- Góp phần thực hiện chính sách ưu đãi của nhà nước

Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định các trường hợp được miễn LPTB, trong đó, ưu tiên

¹ Tính theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

các chính sách mang tính hỗ trợ, khuyến khích của Nhà nước trong các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; nghiên cứu khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo; phát triển giao thông vận tải... Đồng thời, chính sách cho phép ghi nợ LPTB đối với đất và nhà gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng ghi nợ tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất đã góp phần giải quyết khó khăn cho hộ gia đình, cá nhân nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa.

Bên cạnh kết quả đạt được như báo cáo nêu trên, chính sách thu LPTB hiện hành còn tồn tại một số hạn chế cần phải nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, cụ thể: (i) Một số quy định chưa phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, chưa đảm bảo thuận lợi, nhanh chóng trong quá trình triển khai thực hiện, cũng như chưa đảm bảo căn cứ pháp lý như quy định về đối tượng chịu LPTB đối với tàu thủy, xe tương tự; giá tính LPTB; thủ tục ghi nợ LPTB; miễn LPTB đối với tàu thủy, thuyền; khai, thu, nộp LPTB; trách nhiệm thi hành; (ii) Một số quy định chưa phù hợp với thực tế phát sinh như: chưa có quy định về đối tượng chịu LPTB đối với tàu tàu ngầm, tàu lặn, thân máy (block); chưa có quy định về miễn LPTB đối với tài sản hợp nhất của vợ, chồng sau khi kết hôn, tài sản phân chia cho vợ, chồng sau khi ly hôn và tàu chở rác; (iii) Quy định hiện hành chưa đảm bảo ưu đãi đối với xe ô tô điện chạy pin. Đồng thời, một số câu chữ tại Nghị định số 140/2016/NĐ-CP chưa phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

(Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Nghị định của Chính phủ về LPTB trình kèm).

Như vậy, để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện chính sách thu LPTB hiện hành, đảm bảo tính đồng bộ trong hệ thống pháp luật thì việc sửa đổi chính sách thu LPTB hiện hành là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

- Góp phần khuyến khích việc sản xuất và sử dụng ô tô điện chạy pin, nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.
- Đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất của chính sách thu LPTB với hệ thống pháp luật có liên quan.
- Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện chính sách thu LPTB hiện hành.
- Đảm bảo chính sách công khai, minh bạch, khả thi trong thực hiện, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và cơ quan thuế.

2. Quan điểm

- Phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc khuyến khích phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam, trong đó có phát triển các dòng xe thân thiện môi trường.

- Phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc thực hiện tăng cường quản lý Nhà nước đối với việc sở hữu, sử dụng tài sản, nhưng vẫn đảm bảo chính sách ưu đãi đối với một số trường hợp.

- Đảm bảo phù hợp với pháp luật có liên quan, phù hợp với tình hình thực tế cũng như xu hướng quốc tế.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN NGHỊ ĐỊNH

1. Về việc lập đề nghị xây dựng Nghị định

Tại khoản 1 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Chính phủ ban hành Nghị định để quy định: *“1. Chi tiết, điều khoản, điểm được giao trong Luật, Nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.”*

Tại khoản 1 Điều 84 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: *“1. Đề nghị xây dựng Nghị định được áp dụng đối với việc xây dựng, ban hành Nghị định theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 của Luật này.”*

Nghị định của Chính phủ quy định về LPTB là văn bản quy định chi tiết Luật Phí và lệ phí, thuộc trường hợp điều chỉnh tại khoản 1 Điều 19 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, việc xây dựng, ban hành Nghị định của Chính phủ về LPTB không thuộc trường hợp phải thực hiện quy trình lập đề nghị xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật nêu trên.

2. Quá trình xây dựng dự án Nghị định

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1518/VPCP-KTTH ngày 24/6/2021 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính đã thực hiện tổng kết, đánh giá tính hình thực hiện chính sách thu LPTB hiện hành và đã nghiên cứu xây dựng dự án Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP.

Ngày 03/8/2021 Bộ Tài chính đã có Quyết định số 1462/QĐ-BTC về việc thành lập Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập xây dựng dự án Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP.

Ngày 06/8/2021, Bộ Tài chính đã có Công văn số 8836/BTC-CST gửi xin ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương, các Hiệp hội, doanh nghiệp, đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính để lấy kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân trong toàn xã hội về dự án Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP. Đồng thời, Bộ Tài chính cũng đã có Công văn số 8837/BTC-CST ngày 06/8/2021 lấy ý kiến thành viên Ban Soạn thảo và Công văn số 8845/BTC-CST ngày 09/8/2021 gửi xin ý kiến các Hiệp hội, tổ chức và một số cục thuế về dự án Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP.

Trên cơ sở ý kiến góp ý, Bộ Tài chính đã nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý tại Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về dự án Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (kèm theo Công

văn số ~~12461~~/BTC-CST ngày 29/10/2021 gửi Công thông tin điện tử của Chính phủ). Trong đó, Bộ Tài chính đã tiếp thu ý kiến của các Bộ về hình thức văn bản và đã hoàn chỉnh hồ sơ dự án Nghị định của Chính phủ về LPTB thay cho Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP gửi xin ý kiến để đảm bảo thuận tiện, giúp người nộp thuế và cơ quan thuế dễ dàng trong việc tra cứu trong quá trình triển khai thực hiện. Theo đó, dự thảo Nghị định của Chính phủ về LPTB được quy định trên cơ sở kế thừa các quy định tại Nghị định số 140/2016/NĐ-CP và Nghị định số 20/2019/NĐ-CP mà trong quá trình thực hiện không có vướng mắc và các ý kiến góp ý không đề xuất sửa đổi, bổ sung và đề xuất sửa đổi một số nội dung có vướng mắc trong quá trình thực hiện.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Theo báo cáo tại Mục III nêu trên, trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ Tài chính hoàn chỉnh hồ sơ dự án Nghị định của Chính phủ về LPTB (sau đây gọi là dự án Nghị định) thay cho Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP đã gửi xin ý kiến. Theo đó, bố cục của Nghị định được thiết kế gồm 5 Chương 14 Điều:

- Chương I: Những quy định chung, bao gồm 5 Điều: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh; Điều 2. Đối tượng áp dụng; Điều 3. Đối tượng chịu LPTB; Điều 4. Người nộp LPTB; Điều 5. Áp dụng điều ước quốc tế.

- Chương II: Căn cứ tính LPTB, bao gồm 3 Điều: Điều 6. Căn cứ tính LPTB; Điều 7. Giá tính LPTB; Điều 8. Mức thu LPTB.

- Chương III: Ghi nợ, miễn LPTB, bao gồm 2 Điều: Điều 9. Ghi nợ LPTB; Điều 10. Miễn LPTB.

- Chương IV: Khai, thu, nộp và quản lý LPTB, bao gồm 2 Điều: Điều 11. Khai, thu, nộp LPTB; Điều 12. Quản lý LPTB.

- Chương V: Tổ chức thực hiện, bao gồm 2 Điều: Điều 13. Trách nhiệm thi hành; Điều 14. Điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định được quy định trên cơ sở kế thừa các quy định tại Nghị định số 140/2016/NĐ-CP và Nghị định số 20/2019/NĐ-CP về: (i) phạm vi điều chỉnh (Điều 1 dự thảo Nghị định); (ii) người nộp LPTB (Điều 4 dự thảo Nghị định); (iii) Áp dụng điều ước quốc tế (Điều 5 dự thảo Nghị định); (iv) Căn cứ tính LPTB (Điều 6 dự thảo Nghị định); (v) Quản lý LPTB (Điều 12 dự thảo Nghị định). Các quy định này trong quá trình triển khai thực hiện không có vướng mắc và các ý kiến góp ý không đề xuất sửa đổi, bổ sung.

Ngoài ra, trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

2.1. Về đối tượng áp dụng

Tại dự thảo Nghị định, đề nghị bổ sung 1 điều quy định về đối tượng áp dụng cho phù hợp với mẫu Nghị định quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

(Nội dung này thể hiện tại Điều 2 Dự thảo Nghị định).

2.2. Về đối tượng chịu LPTB

Tại dự thảo Nghị định kế thừa quy định 4 nhóm đối tượng chịu LPTB theo quy định tại Nghị định số 140/2016/NĐ-CP, gồm: (i) Nhà, đất; (ii) Súng săn, súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao; (iii) Thuyền, kể cả du thuyền; (iv) Tàu bay.

Đồng thời, đề nghị sửa đổi, bổ sung đối với 4 nhóm đối tượng chịu LPTB cho phù hợp, cụ thể như sau:

a) Về đối tượng chịu LPTB đối với tàu thủy

Tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định đối tượng chịu LPTB đối với “3. Tàu thủy, kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy.”

Thực tế triển khai thực hiện và qua rà soát các văn bản pháp luật có liên quan cho thấy:

- Theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật về hàng hải thì:

+ Phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi là phương tiện) là tàu, thuyền và các cấu trúc nổi khác, có động cơ hoặc không có động cơ, chuyên hoạt động trên đường thủy nội địa (khoản 7 Điều 3 Luật Giao thông đường thủy nội địa).

+ Tàu thuyền là phương tiện hoạt động trên mặt nước hoặc dưới mặt nước bao gồm cả tàu, thuyền và các phương tiện khác hoạt động có động cơ hoặc không có động cơ (khoản 1 Điều 4 Bộ luật Hàng hải Việt Nam). Ngoài ra, tại Bộ Luật Hàng hải Việt Nam có định nghĩa riêng đối với tàu ngầm, tàu lặn (khoản 3, khoản 4 Điều 4 Bộ luật Hàng hải Việt Nam).

+ Tàu biển (bao gồm cả tàu biển công vụ), tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động phải đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký theo quy định (Điều 24, Điều 27 Bộ luật Hàng hải Việt Nam).

Về bản chất, “tàu thủy” thuộc đối tượng chịu LPTB quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP là các loại tàu hoạt động trên giao thông đường thủy. Tuy nhiên, việc sử dụng cụm từ “tàu thủy” là chưa phù hợp với pháp luật về hàng hải và pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

Do đó, đề nghị sửa cụm từ “tàu thủy” tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP thành “tàu theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật về hàng hải (sau đây gọi là tàu thủy)” cho phù hợp với pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật về hàng hải, đồng thời

phân biệt với phương tiện giao thông đường sắt (tại Luật đường sắt cũng sử dụng khái niệm tàu để chỉ tàu hỏa) và tránh thay đổi cách hiểu về đối tượng chịu LPTB.

- Thực tế phát sinh trường hợp đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với *“Tàu lặn phục vụ chở khách du lịch”* để hoạt động trong vùng biển Việt Nam, chưa có quy định thuộc đối tượng chịu LPTB. Theo quy định của pháp luật về hàng hải nêu trên thì tàu ngầm, tàu lặn thuộc trường hợp phải đăng ký cấp Giấy chứng nhận. Do đó, đề nghị bổ sung thêm tàu ngầm, tàu lặn vào đối tượng chịu LPTB đối với tàu thủy.

- Đối với ụ nổi, kho chứa nổi và giàn di động là các cấu trúc nổi chuyên dùng để phục vụ cho hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí trên biển phải đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký theo quy định của pháp luật về hàng hải. Tuy nhiên, tại Điều 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP chưa quy định cụ thể ụ nổi, kho chứa nổi và giàn di động có thuộc đối tượng chịu LPTB. Tại điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định miễn LPTB đối với *“Đất được Nhà nước giao hoặc cho thuê sử dụng vào các mục đích thăm dò, khai thác khoáng sản”*. Do đó, để đảm bảo thống nhất về chính sách LPTB đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, đề nghị bổ sung quy định việc loại trừ *“ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động”* ra khỏi đối tượng chịu LPTB.

Theo đó, khoản 3 Điều 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP được sửa đổi như sau: ***“3. Tàu theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật về hàng hải (sau đây gọi là tàu thủy), kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy, tàu ngầm, tàu lặn; trừ ụ nổi, kho chứa nổi và giàn di động.”²***

(Nội dung được thể hiện tại khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị định).

b) Về đối tượng chịu LPTB đối với ô tô, xe máy, các loại xe tương tự

Tại khoản 6, khoản 7 Điều 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định đối tượng chịu LPTB đối với ô tô, xe máy, các loại xe tương tự phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Tại Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt chỉ quy định các loại xe tương tự xe ô tô, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy. Do đó, để phù hợp với quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, tránh vướng mắc trong triển khai thực hiện, đề nghị quy định rõ đối tượng chịu LPTB đối với các loại xe tương tự thuộc đối tượng chịu LPTB là các loại xe tương tự xe ô tô và các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy.

Theo đó, khoản 6, khoản 7 Điều 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP được sửa đổi như sau:

“6. Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm

² Nội dung nghiêng, đậm hoặc gạch bỏ là nội dung sửa đổi, bổ sung.

quyền cấp (sau đây gọi chung là xe máy).

7. Ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp."

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã rà soát để sửa đổi các nội dung quy định về giá tính LPTB, mức thu LPTB đối với xe tương tự để đảm bảo thống nhất.

(Nội dung này được thể hiện tại khoản 6, khoản 7 Điều 3 và khoản 5 Điều 8 dự thảo Nghị định).

c) Về đối tượng chịu LPTB đối với vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy

Tại khoản 8 Điều 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định đối tượng chịu LPTB đối với vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy của tài sản mà phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Theo Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 của Bộ Công an thì trường hợp thay thế thân máy (block) xe cũng phải đăng ký cấp lại biển số xe. Do đó, để đảm bảo tính bao quát, phù hợp với quy định của pháp luật về cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện, đề nghị bổ sung thân máy (block) vào đối tượng chịu LPTB như đối với vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy.

Theo đó, khoản 8 Điều 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP được sửa đổi như sau: "8. Vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, **thân máy (block)** của tài sản quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều này được thay thế mà phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền."

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã rà soát để sửa các nội dung tại dự thảo Nghị định quy định về giá tính LPTB, mức thu LPTB, miễn LPTB đối với vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, thân máy (block) để sửa đổi cho thống nhất.

(Nội dung này thể hiện tại khoản 8 Điều 3; khoản 6 Điều 8; khoản 23, khoản 24, khoản 27 Điều 10 dự thảo Nghị định).

2.3. Về giá tính LPTB

Tại dự thảo Nghị định cơ bản quy định kế thừa quy định về giá tính LPTB quy định tại Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP).

Ngoài ra, đề nghị sửa đổi một số nội dung sau:

a) Về giá tính LPTB đối với nhà, đất

Tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định:

- Giá tính LPTB đối với đất là giá đất tại bảng giá đất do UBND cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm kê khai LPTB.

- Giá tính LPTB đối với nhà là giá do UBND cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật về xây dựng tại thời điểm kê khai LPTB.

- Đồng thời quy định một số trường hợp riêng về giá tính LPTB đối với nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê, nhà mua theo phương thức

đấu giá; và quy định trường hợp giá nhà, đất tại hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng mua bán cao hơn giá do UBND cấp tỉnh ban hành thì giá tính LPTB là giá tại hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng mua bán.

Tại Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về LPTB có hướng dẫn giá tính LPTB đối với đất kèm theo nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê, nhà chung cư, đất mua theo phương thức đấu giá, đấu thầu. Các nội dung này quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính là chưa đảm bảo tính pháp lý. Do đó, để đảm bảo tính pháp lý, đề nghị chuyển các quy định về giá tính LPTB đối với đất trong một số trường hợp tại Thông tư số 301/2016/TT-BTC lên quy định tại Nghị định, đồng thời đề nghị chỉnh sửa lại quy định về hóa đơn và quy định về tên gọi của nhà chung cư cho phù hợp với quy định pháp luật về hóa đơn, chứng từ, pháp luật về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

Theo đó, quy định về giá tính LPTB đối với nhà trong một số trường hợp được thay bằng quy định chung về giá tính LPTB đối với nhà, đất trong một số trường hợp như sau:

“- Giá tính LPTB đối với nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của pháp luật về bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, bao gồm cả đất kèm theo là giá bán thực tế ghi trên hoá đơn theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Giá tính LPTB đối với nhà, đất mua theo phương thức đấu giá, đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu giá, đấu thầu là giá trúng đấu giá, đấu thầu thực tế ghi trên hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật bán hàng theo quyết định của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc giá trúng đấu giá, đấu thầu thực tế theo biên bản trúng đấu giá, đấu thầu hoặc theo văn bản phê duyệt kết quả đấu giá, đấu thầu (nếu có) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Giá tính LPTB đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư bao gồm cả giá trị đất được phân bổ. Giá trị đất được phân bổ được xác định bằng giá đất tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành nhân với hệ số phân bổ. Hệ số phân bổ được xác định theo quy định tại Nghị định số 53/2011/NĐ-CP ngày 01/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung (nếu có).”

(Nội dung này thể hiện tại điểm c khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị định).

b) Về giá tính LPTB đối với các tài sản khác (trừ nhà, đất)

Tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định:

- Giá tính LPTB đối với các tài sản là súng săn, súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao; tàu thủy, thuyền; vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy của các tài sản trên và ô tô, xe máy; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô là giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường của từng loại tài sản.

- Giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường của từng loại tài sản được căn cứ vào các cơ sở dữ liệu như giá trên hóa đơn bán hàng hợp pháp, giá theo thông báo của doanh nghiệp sản xuất chính hãng, giá bán tài sản cùng loại hoặc tương đương, trị giá tính thuế nhập khẩu; thông báo của doanh nghiệp nhập khẩu được ủy quyền thay mặt doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài; giá trên ứng dụng quản lý trước bạ của cơ quan thuế.

Tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định:

- Giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy, bao gồm cả xe ô tô chuyên dùng và xe máy chuyên dùng (trừ rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô) là giá tại Quyết định về Bảng giá tính LPTB do Bộ Tài chính ban hành. Giá tính LPTB tại Bảng giá tính LPTB được xác định theo nguyên tắc đảm bảo phù hợp với giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường tại thời điểm xây dựng Bảng giá tính LPTB (đối với ô tô là theo kiểu loại xe).

- Đồng thời, quy định giá tính LPTB đối với trường hợp phát sinh loại ô tô, xe máy mới mà tại thời điểm nộp tờ khai LPTB chưa có trong Bảng giá tính LPTB và nguyên tắc để Bộ Tài chính ban hành Quyết định về Bảng giá tính LPTB điều chỉnh, bổ sung.

Trong quá trình triển khai thực hiện đã phát sinh một số vướng mắc như sau:

(i) Qua rà soát pháp luật về hóa đơn, chứng từ đã thay đổi và có rất nhiều loại hóa đơn, chứng từ như hóa đơn điện tử, hóa đơn VAT, hóa đơn bán hàng,... nên nếu chỉ quy định căn cứ vào giá trên hóa đơn bán hàng hợp pháp để xác định giá chuyển nhượng trên thị trường của tài sản mua bán trong nước là chưa phù hợp với pháp luật về hóa đơn, chứng từ, gây khó khăn cho cơ quan thuế và người nộp thuế. Do đó, đề nghị sửa đổi quy định về cơ sở dữ liệu đối với tài sản sản xuất trong nước tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP như sau: *“Đối với tài sản sản xuất trong nước là giá trên hóa đơn, chứng từ bán hàng hợp pháp theo quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng (nếu có)”*.

(Nội dung này được thể hiện tại gạch đầu dòng thứ nhất khoản 2 Điều 7 dự thảo Nghị định).

(ii) Thực tế phát sinh trường hợp tài sản của tổ chức, cá nhân mua nguyên vật liệu rồi thuê một đơn vị khác gia công thành tài sản thuộc đối tượng chịu LPTB như tàu, thuyền... sau đó bàn giao lại cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng. Tài sản thuê gia công này lần đầu tiên xuất hiện trên thị trường, chưa có tài sản cùng loại hoặc tương đương trên thị trường nên không có căn cứ để xác định giá tính LPTB. Do đó, để đảm bảo căn cứ pháp lý, đề nghị bổ sung cơ sở dữ liệu đối với tài sản thuê sản xuất, chế tạo tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP như sau: *“- Đối với tài sản tự sản xuất, chế tạo để tiêu dùng hoặc thuê sản xuất, chế tạo là giá bán tài sản cùng loại hoặc tương đương, bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng (nếu có). Trường hợp tài sản tự sản xuất, chế tạo hoặc thuê sản xuất, chế tạo mà không có giá bán*

của tài sản cùng loại hoặc tương đương là giá thành sản phẩm, cộng (+) thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng (+) thuế giá trị gia tăng (nếu có)."

(Nội dung này được thể hiện tại gạch đầu dòng thứ ba khoản 2 Điều 7 dự thảo Nghị định).

(iii) Trong quá trình xác định giá tính LPTB đối với xe máy nhập khẩu, cơ quan thuế có tiếp nhận Thông báo của doanh nghiệp nhập khẩu được ủy quyền thay mặt doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp xe máy nước ngoài như công ty Honda Việt Nam, Công ty Chu Lai - Trường Hải... Tại Nghị định số 20/2019/NĐ-CP chỉ quy định căn cứ vào Thông báo của doanh nghiệp nhập khẩu được ủy quyền thay mặt doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài. Do đó, để đảm bảo căn cứ pháp lý cho việc xác định giá chuyển nhượng trên thị trường đối với xe máy nhập khẩu, đảm bảo bao quát, đề nghị bỏ cụm từ "ô tô" tại quy định về cơ sở dữ liệu xác định giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường đối với tài sản nhập khẩu như sau: "...*Thông báo của doanh nghiệp nhập khẩu được ủy quyền thay mặt doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ~~ô tô~~ nước ngoài*".

(Nội dung này được thể hiện tại gạch đầu dòng thứ tư khoản 2 Điều 7 dự thảo Nghị định).

(iv) Thực tế có nhiều loại ô tô chuyên dùng, xe máy chuyên dùng được đặt hàng sản xuất, chế tạo cho nhiều mục đích chuyên dùng của từng cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh, dẫn đến khó khăn cho Bộ Tài chính trong việc ban hành kịp thời, chính xác Bảng giá giá tính LPTB đối với các loại xe này, từ đó kéo dài thời gian chờ đợi của người nộp LPTB, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong khi giá trị tài sản giữa bảng giá và giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường chênh lệch không đáng kể. Do đó, đề nghị quy định giá tính LPTB đối với xe ô tô chuyên dùng, xe máy chuyên dùng là giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường (hiện hành đang quy định giá tính LPTB đối với các loại xe này là giá tại Bảng giá do Bộ Tài chính ban hành).

Theo đó, đề nghị bổ sung xe ô tô chuyên dùng, xe máy chuyên dùng vào khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP như sau: "*3. Giá tính LPTB đối với tài sản là súng săn, súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao, tàu thủy, kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy, **tàu ngầm, tàu lặn**, thuyền, kể cả du thuyền, tàu bay quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 3 Nghị định này; vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy của tài sản quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 3 Nghị định này; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, **xe ô tô chuyên dùng, xe máy chuyên dùng** là giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường của từng loại tài sản.*"

(Nội dung này được thể hiện tại khoản 2 Điều 7 dự thảo Nghị định).

(v) Hiện nay nguyên tắc xây dựng giá tính LPTB đối với ô tô là căn cứ vào kiểu loại xe. Thực tế, do đặc thù đăng kiểm của xe tải, xe khách thường xuyên thay đổi mẫu mã, kiểu xe, đổi tên đăng kiểm do được cải hoán, nâng cấp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh vận tải, hành khách, nên nếu chỉ căn cứ vào kiểu loại xe như các loại ô tô khác để xây dựng giá tính LPTB chi tiết cho từng kiểu xe sẽ làm tăng thời gian chờ đợi không cần thiết của người nộp thuế, từ đó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, để tháo gỡ khó khăn,

vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, tạo thuận lợi cho cơ quan thuế và người nộp LPTB trong việc xác định giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy, tạo thuận lợi trong việc xác định và ban hành Bảng giá tính LPTB kịp thời, đề nghị bổ sung quy định xác định giá tính LPTB đối với xe tải, xe khách theo khung tiêu chí kỹ thuật, cụ thể: Đối với xe ô tô, *xe máy* là theo kiểu loại xe; *đối với xe tải là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông; đối với xe khách là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, số người cho phép chở kể cả lái xe.*

(Nội dung này được thể hiện tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 7 dự thảo Nghị định).

c) Về giá tính LPTB đối với tài sản đã qua sử dụng

Tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định: *“Giá tính LPTB đối với tài sản (trừ nhà, đất) đã qua sử dụng, trừ tài sản nhập khẩu đã qua sử dụng là giá trị còn lại tính theo thời gian sử dụng của tài sản. Đối với ô tô, xe máy đã qua sử dụng mà chưa có trong Bảng giá tính LPTB thì giá tính LPTB là giá trị sử dụng còn lại của kiểu loại xe tương đương có giá tính LPTB trong nhóm kiểu loại xe đã có trong Bảng giá tính LPTB.”*

Quy định hiện hành nêu trên dễ dẫn đến hiểu nhầm là phải ban hành Bảng giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy đã qua sử dụng và chỉ được xác định giá tính LPTB theo giá của kiểu loại xe tương đương trong bảng giá. Do đó, đề nghị quy định rõ giá tính LPTB của ô tô, xe máy đã qua sử dụng là giá trị còn lại theo thời gian sử dụng của ô tô, xe máy mới cùng loại trong Bảng giá tính LPTB hoặc tương đương nếu chưa có giá tính LPTB ô tô, xe máy mới cùng loại trong Bảng giá tính LPTB. Đồng thời, đề nghị bổ sung loại trừ đối với tài sản mua theo phương thức xác lập tài sản thuộc sở hữu toàn dân đã qua sử dụng tại khoản này vì giá tính LPTB đối với tài sản này đã được xác định theo giá bán tài sản công tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP.

Theo đó, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Giá tính LPTB đối với tài sản thuộc đối tượng chịu LPTB đã qua sử dụng (trừ nhà, đất; tài sản đã qua sử dụng nhập khẩu; tài sản mua theo phương thức xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân đã qua sử dụng) là giá trị còn lại tính theo thời gian sử dụng của tài sản.

Đối với ô tô, xe máy đã qua sử dụng mà chưa có trong Bảng giá tính LPTB thì giá tính LPTB là giá trị sử dụng còn lại của ô tô, xe máy mới có cùng kiểu loại xe có giá tính LPTB tương đương trong nhóm kiểu loại xe đã có trong Bảng giá tính LPTB. Trường hợp chưa có giá tính LPTB của ô tô, xe máy mới có cùng kiểu loại trong Bảng giá tính LPTB thì giá tính LPTB của ô tô, xe máy đã qua sử dụng là giá trị còn lại của kiểu loại xe tương đương đã có giá tính LPTB trong Bảng giá tính LPTB.”

(Nội dung này thể hiện tại khoản 4 Điều 7 dự thảo Nghị định).

d) Về giá tính LPTB đối với tài sản mua theo phương thức xác lập tài sản thuộc sở hữu toàn dân

Tại điểm b khoản 5 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định: Giá tính LPTB đối với tài sản mua theo phương thức xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân (tài sản tịch thu) là giá trúng đấu giá hoặc giá do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý và sử dụng tài sản công thì việc bán đấu giá, chỉ định hoặc niêm yết giá trong quá trình xử lý tài sản công đều phải xuất hóa đơn bán tài sản công theo quy định. Do đó, để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, đề nghị căn cứ vào giá trên hóa đơn bán tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công để xác định giá tính LPTB đối với tài sản xác lập sở hữu toàn dân (tài sản tịch thu).

Theo đó, khoản 5 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung như sau: ***“Giá tính LPTB đối với tài sản mua theo phương thức xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân (tài sản tịch thu) là giá trên hóa đơn bán tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công giá trúng đấu giá đối với tài sản mua theo hình thức đấu giá hoặc giá do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với tài sản mua theo hình thức chỉ định hoặc hình thức niêm yết giá, bao gồm cả thuế nhập khẩu (nếu có), thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng (nếu có).”***

(Nội dung này thể hiện tại khoản 5 Điều 7 dự thảo Nghị định).

2.4. Về mức thu LPTB

a) Về mức thu LPTB đối với tàu ngầm, tàu lặn

Đề nghị bổ sung mức thu LPTB đối với tàu ngầm, tàu lặn là 1% bằng mức thu LPTB đối với tàu thủy do đã đề nghị bổ sung tàu ngầm, tàu lặn vào đối tượng chịu LPTB tại điểm 2.2 Tờ trình.

(Nội dung này thể hiện tại khoản 3 Điều 8 dự thảo Nghị định).

b) Về mức thu LPTB đối với xe con pick-up

Tại điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định về mức thu LPTB lần đầu đối với ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống nộp LPTB.

Theo TCVN 7271:2003 và Tiêu chuẩn quốc gia sửa đổi 2:2010 TCVN 7271:2003 về Phương tiện giao thông đường bộ-ô tô-phân loại theo mục đích sử dụng thì ô tô pick-up được phân thành 2 loại: (i) Ô tô pick-up chở hàng; (ii) Ô tô pick-up chở người và là xe ô tô con. Đối với ô tô pick-up chở người và là xe ô tô con: Trên Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và BVMT sẽ ghi là ô tô con hoặc ô tô con pick-up. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP thì mức thu LPTB lần đầu đối với loại xe này trong khung 10-15%. Tuy nhiên, để đảm bảo căn cứ pháp lý, rõ ràng trong thực hiện,

đề nghị bổ sung quy định “Ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống (**bao gồm ô tô con pick-up**)” tại điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP.

(Nội dung này thể hiện tại điểm a khoản 5 Điều 8 dự thảo Nghị định).

c) Về mức thu LPTB đối với ô tô pick-up, xe tải VAN

Tại điểm b, điểm c khoản 5 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định: Mức thu LPTB lần đầu đối với ô tô vừa chở người, vừa chở hàng (Ô tô pick-up chở hàng) có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 1.500 kg và có từ 5 chỗ ngồi trở xuống, Ô tô tải VAN có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 1.500 kg bằng 60% mức thu LPTB lần đầu đối với ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống, mức thu LPTB từ lần thứ 2 trở đi là 2% và áp dụng thống nhất trên toàn quốc.

Quy định này được xây dựng để đồng bộ với quy định của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7271:2003 về phân loại ô tô theo mục đích sử dụng và quy định “ô tô pick-up, xe tải VAN được xem là xe con” theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ - QCVN 41:2016/BGTVT (ban hành theo Thông tư số 06/2016/TT-BGTVT ngày 08/4/2016 của Bộ GTVT), từ đó đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật về đăng kiểm, quản lý phương tiện giao thông đường bộ với công tác triển khai thu LPTB của cơ quan thuế.

Từ ngày 01/7/2020, khi Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 41:2019/BGTVT có hiệu lực thi hành (thay thế QCVN 41:2016/BGTVT) đã thay đổi, theo đó, ô tô pick-up, xe tải VAN có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông dưới 950 kg mới được xem là xe con (xe pick-up, xe tải VAN có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông từ 950 kg trở lên được tính là xe tải). Ngoài ra, theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7271:2003 về phân loại ô tô theo mục đích sử dụng thì không có “Ô tô vừa chở người, vừa chở hàng”.

Do đó, để đảm bảo thống nhất với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 41:2019/BGTVT và Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7271:2003, đề nghị sửa đổi quy định về khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông đối với ô tô pick-up, xe tải VAN từ “nhỏ hơn 1.500kg” thành “nhỏ hơn 950kg”, đồng thời bỏ cụm từ “Ô tô vừa chở người, vừa chở hàng” tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP. Cụ thể như sau: “~~Ô tô vừa chở người, vừa chở hàng~~ (Ô tô pick-up chở hàng) có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn ~~1.500 kg~~ **950 kg** và có từ 5 chỗ ngồi trở xuống, Ô tô tải VAN có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn ~~1.500 kg~~ **950 kg** nộp LPTB lần đầu với mức thu bằng 60% mức thu LPTB lần đầu đối với ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống.”

(Nội dung này thể hiện tại điểm b khoản 5 Điều 8 dự thảo Nghị định).

d) Về mức thu LPTB đối với xe ô tô điện chạy pin

Ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu đang là vấn đề toàn cầu. Chất lượng môi trường không khí nói chung và tại các đô thị lớn nói riêng chịu ảnh hưởng

xấu do phát sinh bụi, khí thải từ các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, giao thông vận tải... Trong đó, khí thải từ các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lượng phát thải gây ô nhiễm môi trường không khí đô thị. Bên cạnh đó, việc gia tăng nhanh chóng số lượng xe ô tô sử dụng nhiên liệu gốc hóa thạch trong những năm gần đây là tác nhân lớn gây ra ô nhiễm không khí ngày càng trầm trọng, đặc biệt tại 02 thành phố lớn là Hà Nội và Hồ Chí Minh (thường được ghi nhận có nhiều ngày trong năm ô nhiễm ở mức báo động và nằm trong danh sách các thành phố ô nhiễm không khí).

Phương tiện chạy bằng nhiên liệu hóa thạch (xăng, dầu) ở Việt Nam ngày càng gia tăng nhanh chóng, thể hiện qua số liệu về tổng số xe ô tô chạy xăng, dầu bán ra tại thị trường Việt Nam các năm gần đây như sau: năm 2017 là 303.000 chiếc, năm 2018 là 352.000 chiếc, năm 2019 là 426.000 chiếc, năm 2020 là 416.000 chiếc (trong đó: xe ô tô sản xuất trong nước năm 2017 là 225.000 chiếc, năm 2018 là 279.000 chiếc, năm 2019 là 293.000 chiếc, năm 2020 là 306.000 chiếc; xe ô tô nhập khẩu chiếm khoảng 25-29% tổng số xe bán ra tại thị trường Việt Nam). *Nguồn số liệu: Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA).*

Trong khi đó ở Việt Nam hiện nay, nhìn chung, các dòng xe ô tô điện chưa phổ biến, trong nước chưa có sản xuất xe ô tô điện và mới bắt đầu có nhập khẩu xe ô tô điện trong vài năm gần đây. Theo Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam tính đến hết năm 2020, số lượng xe ô tô điện chạy pin bán ra trên thị trường khoảng 130 chiếc. Như vậy, Việt Nam có thể hứa hẹn là một thị trường tiềm năng cho ngành công nghiệp xe ô tô điện chạy pin nếu có chính sách hỗ trợ ưu đãi phù hợp và có doanh nghiệp đầu tư bài bản, đồng bộ.

Để góp phần bảo vệ môi trường và đón đầu xu thế chung của ngành công nghiệp ô tô, nhiều ý kiến nhận định cho rằng thời điểm hiện nay đối với ngành ô tô điện chạy pin thì xuất phát điểm giữa Việt Nam và các quốc gia ASEAN là gần như tương tự nhau. Vì vậy, cơ hội để thu hút các dự án đầu tư sản xuất, lắp ráp ô tô điện chạy pin của Việt Nam là rất tiềm năng nếu Nhà nước sớm ban hành các chính sách ưu đãi, hỗ trợ hơn nữa cho ngành này phát triển, trong đó có chính sách LPTB.

Kinh nghiệm các nước cho thấy, để khuyến khích việc sản xuất và sử dụng xe ô tô điện chạy pin, một số nước đã thực hiện miễn lệ phí đăng ký phương tiện hoặc thuế phương tiện đối với xe ô tô điện chạy pin như Cộng hòa Síp, Hy Lạp, Hungary, Hà Lan, Ba Lan, Ai Sê Len, Latvia, Tây Ban Nha; một số nước giảm hoặc thu ở mức thấp như Trung Quốc (giảm 50%); Pháp (giảm từ 50%-100% tùy từng địa phương); Phần Lan (thu ở mức thấp 2,7% - xe chạy xăng mức cao nhất là 48,9%), Slovakia (thu ở mức thấp nhất là 33 Euro), Lük-xembua (thu ở mức thấp nhất là 30 Euro); một số nước chỉ áp dụng dụng chính sách ưu đãi LPTB ở một số địa phương như Bỉ, Úc (một số bang miễn, một số bang thu ở mức thấp); một số nước không áp dụng chính sách ưu đãi LPTB như Áo, Séc, Anh, Colombia, Đan Mạch (Đan Mạch có áp dụng ưu đãi LPTB đối với xe ô tô điện chạy pin trước năm 2020, cụ thể: năm 2017 được giảm 60%, năm 2018 được giảm 35%, năm 2019 được giảm 10%).

Tại khoản 7 Điều 65 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có quy định như sau: “7. Chính phủ ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích phát triển phương tiện giao thông công cộng, phương tiện giao thông sử dụng năng lượng tái tạo, mức tiêu hao nhiên liệu thấp, phát thải thấp hoặc không phát thải; lộ trình chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường.”

Tại điểm 3 Thông báo số 135/TB-VPCP ngày 29/5/2021 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại cuộc họp về kiến nghị của Tập đoàn Vingroup về chính sách khuyến khích sản xuất và kích thích người tiêu dùng sử dụng xe ô tô điện thân thiện với môi trường, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái chỉ đạo:

“3. Về kiến nghị trước mắt áp dụng thí điểm chính sách ưu đãi về thuế tiêu thụ đặc biệt (TTDB) và LPTB trong 5 năm theo đề xuất của Vingroup: Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải và VCCI, tiếp thu đầy đủ các ý kiến tại cuộc họp, tổng hợp, hoàn thiện lại nội dung đánh giá về đề xuất của Tập đoàn Vingroup, trong đó cần làm rõ sự cần thiết, đánh giá và hướng xử lý cụ thể phù hợp với thẩm quyền và quy định của pháp luật (các văn bản pháp luật cần ban hành hay sửa đổi, bổ sung, tiến độ thực hiện, thời hạn trình các cấp có thẩm quyền...), báo cáo Thủ tướng Chính phủ.”

Vì vậy, để triển khai thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái, nhằm góp phần ngăn chặn tác động đến môi trường do xe chạy xăng, dầu gây ra, góp phần giảm hiệu ứng nhà kính, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường từ khí thải phương tiện giao thông; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư sản xuất, tận dụng thời cơ cung ứng xe ô tô điện chạy pin đáp ứng nhu cầu của thị trường Việt Nam cũng như khu vực, quốc tế và kích thích người tiêu dùng sử dụng ô tô điện chạy pin; đồng thời tránh gây áp lực cho cân đối NSNN, đặc biệt là NSDP, cùng với các giải pháp khác để khuyến khích việc sản xuất và sử dụng xe ô tô điện chạy pin, tại dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài chính đã đề nghị quy định về mức thu LPTB lần đầu đối với ô tô điện chạy pin bằng 50% mức thu LPTB lần đầu đối với ô tô chạy xăng, dầu có cùng số chỗ ngồi trong vòng 5 năm kể từ ngày Nghị định có hiệu lực thi hành; Mức thu LPTB đối với ô tô điện từ lần thứ 2 trở đi là 2% và áp dụng thống nhất trên toàn quốc.

Sau khi tổng hợp ý kiến các Bộ, ngành, địa phương thì đa số các ý kiến đối với nội dung này đều cho rằng cần có chính sách ưu đãi đủ mạnh để khuyến khích hơn nữa việc sử dụng xe ô tô điện chạy pin thay thế dần ô tô dùng nhiên liệu hóa thạch, từ đó giảm lượng khí thải ra môi trường của phương tiện giao thông, góp phần bảo vệ môi trường. Cụ thể, các Bộ: Công thương, TNMT, GTVT, KH-CN, NN&PTNT; Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Cục thuế thành phố Hải Phòng đề xuất quy định mức thu LPTB đối với ô tô điện chạy pin là 0% trong 5 năm. Ngoài ra, một số ý kiến đề xuất áp dụng mức thu LPTB đối với ô tô điện chạy pin là 0% và 50% cho từng giai đoạn (Bộ

VHTT&DL, Cục thuế thành phố Hà Nội, UBND tỉnh Quảng Ninh, UBND tỉnh Long An).

Trên cơ sở tổng hợp, tiếp thu các ý kiến tham gia, Bộ Tài chính đề nghị quy định mức thu LPTB đối với ô tô điện chạy pin như sau:

- Trong vòng 3 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành: nộp LPTB lần đầu với mức thu là 0%.

- Trong vòng 2 năm tiếp theo: nộp LPTB lần đầu với mức thu bằng 50% mức thu đối với ô tô chạy xăng, dầu có cùng số chỗ ngồi.

(Nội dung này được thể hiện tại điểm c, điểm d khoản 5 Điều 8 dự thảo Nghị định).

Theo tính toán, giả sử sản lượng tiêu thụ xe ô tô điện chạy pin bằng với kế hoạch bán xe ô tô điện chạy pin (sản xuất trong nước) năm 2022 của Vinfast là khoảng 9.500 xe, giá bán bình quân khoảng 600 triệu đồng (chưa bao gồm pin), mức thu LPTB bình quân khoảng 11% và giả sử số lượng xe ô tô điện chạy pin tăng lên sẽ tương đương số lượng xe ô tô chạy xăng, dầu giảm xuống thì mức giảm thu NSNN theo phương án trên là khoảng 627 tỷ đồng/năm.

(Đánh giá tác động chi tiết của việc giảm mức thu LPTB đối với xe ô tô điện chạy pin tại Báo cáo đánh giá tác động trình kèm).

2.5. Về ghi nợ LPTB

Tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định: Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được ghi nợ LPTB nhà, đất thực hiện khai và nộp hồ sơ khai LPTB (trong đó có giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được ghi nợ LPTB) theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 10 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP.

Hiện nay, tại pháp luật về quản lý thuế đã quy định cụ thể hồ sơ khai LPTB. Do đó, đề nghị sửa quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP như sau: ***“Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được ghi nợ LPTB nhà, đất nêu tại khoản 1 Điều này thực hiện khai LPTB và nộp hồ sơ khai LPTB theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. ~~(trong đó có giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được ghi nợ LPTB nêu tại khoản 1 Điều này) theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 10 Nghị định này.~~”***

(Nội dung này được thể hiện tại điểm a khoản 3 Điều 9 dự thảo Nghị định).

2.6. Về miễn LPTB

a) Về miễn LPTB đối với tài sản đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng của hộ gia đình

Tại điểm c khoản 16 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định miễn LPTB đối với: ***“c) Tài sản đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng của hộ gia đình khi phân chia tài sản đó theo quy định của pháp luật cho các***

thành viên hộ gia đình đăng ký lại.”

Hiện nay, đối với tài sản của hộ gia đình thì trên hóa đơn không ghi cấp cho hộ gia đình mà ghi tên toàn bộ thành viên gia đình hoặc từng thành viên gia đình. Theo Luật hôn nhân và gia đình chỉ có khái niệm “thành viên gia đình”, không có khái niệm “thành viên hộ gia đình”. Bên cạnh đó, thực tế phát sinh trường hợp vợ chồng sau khi kết hôn có nhu cầu hợp nhất tài sản và tài sản do vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân được xác định là tài sản chung của vợ chồng, khi ly hôn được phân chia theo quyết định của Tòa án.

Để đảm bảo phù hợp với quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, đảm bảo quyền lợi của vợ, chồng hợp nhất tài sản khi kết hôn và phân chia tài sản sau khi ly hôn, tương tự như trường hợp chia, tách, hợp nhất, sát nhập công ty cũng được miễn LPTB, đề nghị sửa quy định tại điểm c khoản 16 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP như sau: ***“c) Tài sản đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng chung của hộ gia đình hoặc của các thành viên gia đình khi phân chia tài sản đó theo quy định của pháp luật cho các thành viên hộ gia đình đăng ký lại; Tài sản hợp nhất của vợ chồng sau khi kết hôn; Tài sản phân chia cho vợ, chồng khi ly hôn theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.”***

(Nội dung này thể hiện tại điểm c khoản 16 Điều 10 dự thảo Nghị định).

b) Về miễn LPTB đối với tài sản được cấp lại giấy chứng nhận do mất, rách, nát, ố, nhòe, hư hỏng

Tại điểm d khoản 16 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định miễn LPTB đối với tài sản được cấp lại giấy chứng nhận do mất, rách, nát, ố, nhòe, hư hỏng. Cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng cho tổ chức, cá nhân khi có đề nghị.

Để đảm bảo việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với các tài sản này được thuận lợi, tránh gây thủ tục phiền hà cho người nộp thuế phải làm hồ sơ miễn LPTB mới được cấp lại giấy chứng nhận, đề nghị sửa quy định tại điểm d khoản 16 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP như sau: ***“d) Tài sản của tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng khi được cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng tài sản do giấy chứng nhận bị mất, rách nát, ố, nhòe, hư hỏng. Tổ chức, cá nhân không phải kê khai, làm thủ tục miễn LPTB khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp này. ~~Cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng cho tổ chức, cá nhân khi có đề nghị.~~”***

(Nội dung này thể hiện tại điểm d khoản 16 Điều 10 dự thảo Nghị định).

c) Về miễn LPTB đối với tàu thủy, thuyền

Tại khoản 27 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định miễn LPTB đối với ***“27. Tàu thủy, thuyền không có động cơ, trọng tải toàn phần đến 15 tấn; tàu thủy, thuyền có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa; tàu thủy,***

thuyền có sức chở người đến 12 người; tàu thủy, thuyền chở khách tốc độ cao và tàu thủy, thuyền vận tải công-ten-nơ.”

- Tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06/9/2016 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa chỉ định nghĩa về “Tàu khách cao tốc (Tàu cao tốc chở khách).”

- Thực tế phát sinh loại phương tiện “Tàu thu gom tự động rác nổi trên sông”. Tại Quyết định số 890/QĐ-TTg ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý tiếp nhận khoản viện trợ phi dự án “*Thu gom tự động rác nổi trên sông tại thành phố Cần Thơ*” do Tổ chức “*Làm sạch biển*” (TOC) của Hà Lan viện trợ không hoàn lại. Tại Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa Cục Đăng kiểm Việt Nam xác định đây thuộc loại “Tàu khác”, được cố định một chỗ, không đảm bảo bị trôi dạt, thu gom rác thải trên đường thủy nội địa.

- Ngoài ra, quy định miễn LPTB tại khoản 27 chỉ nhằm ưu đãi đối với các loại tàu, thuyền nhỏ di chuyển trên đường thủy nội địa và việc miễn LPTB đối với tàu khách tốc độ cao, tàu thủy, thuyền vận tải công-ten-nơ là theo quy định tại Quyết định số 45/2015/QĐ-TTg ngày 05/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích giao thông vận tải đường thủy nội địa. Tại Thông tư số 301/2016/TT-BTC đã hướng dẫn cụ thể nội dung này.

Vì vậy, để thống nhất với pháp luật về vận tải đường thủy nội địa, phù hợp với thực tế phát sinh và đảm bảo việc miễn LPTB đúng đối với đối tượng cần ưu đãi, đề nghị sửa quy định về miễn LPTB tại khoản 27 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP như sau:

*“27. Tàu thủy, thuyền không có động cơ, trọng tải toàn phần đến 15 tấn; tàu thủy, thuyền có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa; tàu thủy, thuyền có sức chở người đến 12 người; ~~Tàu thủy, thuyền chở khách tốc độ cao~~ **Tàu khách cao tốc (Tàu cao tốc chở khách)**, **tàu thu gom rác** và **tàu thủy, thuyền vận tải công-ten-nơ**.*

Các phương tiện nêu trên được xác định theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và các văn bản hướng dẫn thi hành (kể cả vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, thân máy (block) tương ứng lắp thay thế vào các loại phương tiện này).

(Nội dung này thể hiện tại khoản 27 Điều 10 dự thảo Nghị định).

2.7. Về khai, nộp LPTB

Tại Điều 10 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 20/2016/NĐ-CP) quy định về khai, thu, nộp LPTB.

Các nội dung về khai, nộp LPTB đã được quy định tại pháp luật về quản lý thuế. Bên cạnh đó, trong thời gian vừa qua việc sử dụng dữ liệu nộp LPTB điện tử được Tổng cục Thuế ký số là một trong những căn cứ để giải quyết thủ

tục hành chính liên quan đến việc đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản như chứng từ bản giấy.

Do đó, để đảm bảo thống nhất thực hiện việc khai, nộp LPTB theo quy định của pháp luật về quản lý thuế; đảm bảo cơ sở pháp lý của việc sử dụng dữ liệu nộp LPTB điện tử được ký số cũng là căn cứ để giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, đề nghị sửa đổi Điều 10 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP như sau: “Tổ chức, cá nhân khai, nộp LPTB theo quy định của pháp luật về quản lý thuế khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Dữ liệu điện tử nộp LPTB được Tổng cục Thuế ký số có giá trị như chứng từ bản giấy để giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.”

(Nội dung này thể hiện tại Điều 11 dự thảo Nghị định).

2.8. Về trách nhiệm thi hành

Tại dự thảo Nghị định, đề nghị sửa một số nội dung sau:

- Bổ sung trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc: “Quy định chi tiết các nội dung được giao theo quy định tại Nghị định” và “Chỉ đạo Tổng cục Thuế ký số trên dữ liệu điện tử nộp LPTB của tổ chức, cá nhân nộp LPTB qua Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và cung cấp cho tổ chức có thẩm quyền đã kết nối thông tin với cơ quan thuế để giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản” để đảm bảo căn cứ pháp lý cho Tổng cục Thuế thực hiện việc ký số và truyền dữ liệu điện tử cho các cơ quan có liên quan, từ đó đảm bảo thuận lợi trong việc sử dụng dữ liệu nộp LPTB điện tử được ký số là căn cứ để giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, góp phần giảm thủ tục hành chính cho người nộp thuế.

- Bổ quy định về trách nhiệm của các Bộ trong việc triển khai thí điểm khai, nộp LPTB điện tử do việc thí điểm triển khai thu LPTB điện tử đã được Bộ Tài chính (Tổng cục thuế) phối hợp với Bộ Công an (Cục Cảnh sát giao thông) triển khai trong năm 2020 và triển khai mở rộng toàn quốc đầu năm 2021.

- Sửa đổi về thẩm quyền mẫu Tờ khai LPTB tại điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) cho phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý thuế như sau: “b) Kết nối, chia sẻ dữ liệu về thông tin tài sản thuộc đối tượng chịu LPTB theo các tiêu chí tại mẫu Tờ khai LPTB được ban hành kèm theo Nghị định này do Bộ Tài chính ban hành và quy định về việc liên thông điện tử.”

- Bổ sung trách nhiệm của UBND cấp tỉnh trong việc ban hành Bảng giá đất theo quy định của pháp luật về đất đai, giá tính LPTB đối với nhà và trách nhiệm trong việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành mức thu LPTB đối với ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống để đảm bảo cơ sở thu LPTB kịp thời và triển khai Nghị định theo quy định.

(Nội dung này thể hiện tại Điều 13 dự thảo Nghị định).

2.9. Điều khoản thi hành

- Về hiệu lực thi hành của Nghị định: Bộ Tài chính đề xuất ghi cụ thể ngày có hiệu lực thi hành của Nghị định, đảm bảo không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày ký để phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Nghị định này sẽ bãi bỏ: Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về LPTB; Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21/2/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về LPTB.

(Nội dung này thể hiện tại Điều 14 dự thảo Nghị định).

Trên đây là nội dung của dự án Nghị định của Chính phủ về LPTB. Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, quyết định./

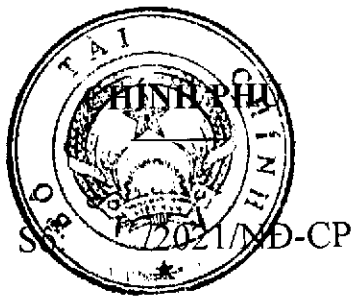
(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị định; Báo cáo đánh giá tác động chính sách tại dự thảo Nghị định; Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 140/2016/NĐ-CP; Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; Ý kiến góp ý về dự án Nghị định).

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Vụ PC; Tổng cục Thuế; Viện CL&CSTC;
- Lưu: VT, CST (P4).


KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Dự thảo¹

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về lệ phí trước bạ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
Chính phủ ban hành Nghị định quy định về lệ phí trước bạ.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về đối tượng chịu lệ phí trước bạ, người nộp lệ phí trước bạ, căn cứ tính lệ phí trước bạ, ghi nợ, miễn lệ phí trước bạ, chế độ khai, thu, nộp và quản lý lệ phí trước bạ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nộp lệ phí trước bạ.
2. Cơ quan thuế.
3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Đối tượng chịu lệ phí trước bạ

1. Nhà, đất.
2. Súng săn; súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao.
3. Tàu theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật về hàng hải (sau đây gọi là tàu thủy), kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy, tàu ngầm, tàu lặn; trừ u nổi, kho chứa nổi và giàn di động.
4. Thuyền, kể cả du thuyền.
5. Tàu bay.

¹ Chữ nghiêng gạch chân hoặc gạch bỏ là nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung.

6. Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (sau đây gọi chung là xe máy).

7. Ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

8. Vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, thân máy (block) của tài sản quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều này được thay thế mà phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này².

Điều 4. Người nộp lệ phí trước bạ

Tổ chức, cá nhân có tài sản thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ quy định tại Điều 3 Nghị định này phải nộp lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ các trường hợp thuộc đối tượng miễn lệ phí trước bạ theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

Điều 5. Áp dụng điều ước quốc tế

Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Chương II

CĂN CỨ TÍNH LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ

Điều 6. Căn cứ tính lệ phí trước bạ

Căn cứ tính lệ phí trước bạ là giá tính lệ phí trước bạ và mức thu lệ phí trước bạ theo tỷ lệ (%).

Điều 7. Giá tính lệ phí trước bạ

1. Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà, đất:

a) Giá tính lệ phí trước bạ đối với đất là giá đất tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ.

Trường hợp đất thuê của Nhà nước theo hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà thời hạn thuê đất nhỏ hơn thời hạn của loại đất quy định tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành thì giá đất của thời hạn thuê đất tính lệ phí trước bạ được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá đất của thời hạn} \\ \text{thuê đất tính lệ phí} \\ \text{trước bạ} \end{array} = \frac{\text{Giá đất tại Bảng giá đất}}{70 \text{ năm}} \times \text{Thời hạn thuê đất}$$

b) Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà là giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành theo quy định của pháp luật về xây dựng tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ.

² Nội dung này sửa đổi cho phù hợp với quy định của Luật ban hành VBQPPL

Riêng

c) Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà, đất trong một số trường hợp đặc biệt:

- Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của pháp luật về bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, bao gồm cả đất kèm theo là giá bán thực tế ~~ghi trên hóa đơn~~ theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà, đất mua theo phương thức đấu giá, đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu giá, đấu thầu là giá trúng đấu giá, đấu thầu thực tế ghi trên hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật hoặc giá trúng đấu giá, đấu thầu thực tế theo biên bản trúng đấu giá, đấu thầu hoặc theo văn bản phê duyệt kết quả đấu giá, đấu thầu (nếu có) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư bao gồm cả giá trị đất được phân bổ. Giá trị đất được phân bổ được xác định bằng giá đất tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành nhân với hệ số phân bổ. Hệ số phân bổ được xác định theo quy định tại Nghị định số 53/2011/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung (nếu có).

d) Trường hợp giá nhà, đất tại hợp đồng mua bán nhà, hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất cao hơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành thì giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà, đất là giá tại hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất, hợp đồng mua bán nhà.

2. Giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản là súng săn, súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao, tàu thủy, kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy, tàu ngầm, tàu lặn, thuyền, kể cả du thuyền, tàu bay quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 3 Nghị định này; vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, thân máy (block) của tài sản quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 3 Nghị định này; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, xe ô tô chuyên dùng, xe máy chuyên dùng là giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường của từng loại tài sản.

Giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường của từng loại tài sản được xác định căn cứ vào các cơ sở dữ liệu sau:

- Đối với tài sản mua bán trong nước là giá trên hóa đơn, chứng từ bán hàng hợp pháp theo quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng (nếu có).

- Đối với tài sản sản xuất trong nước là giá theo Thông báo của doanh nghiệp sản xuất chính hãng.

- Đối với tài sản tự sản xuất, chế tạo ~~để tiêu dùng~~ hoặc thuê sản xuất, chế tạo là giá bán tài sản cùng loại hoặc tương đương, bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng (nếu có). Trường hợp tài sản tự sản xuất, chế tạo hoặc thuê sản xuất, chế tạo mà không có giá bán của tài sản cùng loại hoặc

tương đương là giá thành sản phẩm, cộng (+) thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng (+) thuế giá trị gia tăng (nếu có).

- Đối với tài sản nhập khẩu (bao gồm cả tài sản đã qua sử dụng³ nhập khẩu ~~đã qua sử dụng~~) là trị giá tính thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về hải quan, cộng (+) thuế nhập khẩu (nếu có), cộng (+) thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng (+) thuế giá trị gia tăng (nếu có); hoặc là giá theo Thông báo của doanh nghiệp nhập khẩu được ủy quyền thay mặt doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài. Trường hợp miễn thuế nhập khẩu theo quy định thì giá tính lệ phí trước bạ bao gồm cả thuế nhập khẩu được miễn.

- Giá tính lệ phí trước bạ trên ứng dụng quản lý trước bạ của cơ quan thuế; giá bán tài sản cùng loại hoặc tương đương, bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng (nếu có).

3. Giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản là ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô (sau đây gọi chung là ô tô) và xe máy quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 3 Nghị định này (trừ rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, xe ô tô chuyên dùng, xe máy chuyên dùng) là giá tại Quyết định về Bảng giá tính lệ phí trước bạ do Bộ Tài chính ban hành.

a) Giá tính lệ phí trước bạ tại Bảng giá tính lệ phí trước bạ được xác định theo nguyên tắc đảm bảo phù hợp với giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường tại thời điểm xây dựng Bảng giá tính lệ phí trước bạ.

Giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường của từng loại ô tô, xe máy (đối với xe ô tô, xe máy là theo kiểu loại xe; đối với xe tải là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông; đối với xe khách là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, số người cho phép chở kể cả lái xe) được căn cứ vào các cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Trường hợp phát sinh loại ô tô, xe máy mới mà tại thời điểm nộp tờ khai lệ phí trước bạ chưa có trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ thì cơ quan thuế căn cứ vào cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 2 Điều này quyết định giá tính lệ phí trước bạ của từng loại ô tô, xe máy mới phát sinh (đối với xe ô tô, xe máy là theo kiểu loại xe; đối với xe tải là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông; đối với xe khách là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, số người cho phép chở kể cả lái xe).

c) Trường hợp phát sinh loại ô tô, xe máy mới chưa có trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ hoặc ô tô, xe máy có trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ mà giá chuyển nhượng ô tô, xe máy trên thị trường tăng hoặc giảm từ 5% trở lên so với giá tại Bảng giá tính lệ phí trước bạ thì Cục Thuế tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính trước ngày mùng 5 của tháng cuối quý.

Bộ Tài chính ban hành Quyết định về Bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung trước ngày 25 của tháng cuối quý để áp dụng kể từ ngày đầu của quý tiếp theo. Bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung được ban hành theo quy định về ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ quy định tại điểm b khoản này hoặc căn cứ vào trung bình cộng giá tính lệ phí trước bạ của cơ quan

³ Nội dung này sửa về câu chữ cho thống nhất với khoản 4.

thuế các địa phương.

4. Giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ đã qua sử dụng (trừ nhà, đất; tài sản đã qua sử dụng nhập khẩu; tài sản mua theo phương thức xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân đã qua sử dụng) là giá trị còn lại tính theo thời gian sử dụng của tài sản.

Đối với ô tô, xe máy đã qua sử dụng ~~mà chưa có trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ~~ thì giá tính lệ phí trước bạ là giá trị sử dụng còn lại của ô tô, xe máy mới có cùng kiểu loại xe ~~có giá tính lệ phí trước bạ tương đương trong nhóm kiểu loại xe đã có trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ~~. Trường hợp chưa có giá tính lệ phí trước bạ của ô tô, xe máy mới có cùng kiểu loại trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ thì giá tính lệ phí trước bạ của ô tô, xe máy đã qua sử dụng là giá trị còn lại của kiểu loại xe tương đương đã có giá tính lệ phí trước bạ trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ.

5. Giá tính lệ phí trước bạ đối với một số trường hợp đặc biệt:

a) Giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản mua theo phương thức trả góp là giá trả một lần (không bao gồm lãi trả góp) được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này, bao gồm cả thuế nhập khẩu (nếu có), thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng (nếu có).

b) Giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản mua theo phương thức xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân (~~tài sản tịch thu~~)⁴ là giá trên hóa đơn bán tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công ~~giá trúng đấu giá đối với tài sản mua theo hình thức đấu giá hoặc giá do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với tài sản mua theo hình thức chỉ định hoặc hình thức niêm yết giá, bao gồm cả thuế nhập khẩu (nếu có), thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng (nếu có).~~

Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Điều 8. Mức thu lệ phí trước bạ theo tỷ lệ (%)

1. Nhà, đất: Mức thu là 0,5%.
2. Súng săn; súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao: Mức thu là 2%.
3. Tàu thủy, kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy, tàu ngầm, tàu lặn; thuyền, kể cả du thuyền; tàu bay: Mức thu là 1%.
4. Xe máy: Mức thu là 2%.

Riêng:

a) Xe máy của tổ chức, cá nhân ở các thành phố trực thuộc trung ương; thành phố thuộc tỉnh; thị xã nơi Ủy ban nhân dân tỉnh đóng trụ sở nộp lệ phí trước bạ lần đầu với mức thu là 5%.

b) Đối với xe máy nộp lệ phí trước bạ lần thứ 2 trở đi được áp dụng mức thu là 1%. Trường hợp chủ tài sản đã kê khai, nộp lệ phí trước bạ đối với xe máy là 2%, sau đó chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn quy định tại điểm a khoản này thì nộp lệ phí trước bạ với mức thu là 5%.

⁴ Tài sản thuộc sở hữu toàn dân đã bao gồm tài sản tịch thu.

5. Ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô: Mức thu là 2%.

Riêng:

a) Ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống (bao gồm cả xe con pick-up): nộp lệ phí trước bạ lần đầu với mức thu là 10%. Trường hợp cần áp dụng mức thu cao hơn cho phù hợp với điều kiện thực tế tại từng địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định điều chỉnh tăng nhưng tối đa không quá 50% mức quy định chung tại điểm này.

b) ~~Ô tô vừa chở người, vừa chở hàng~~ (Ô tô pick-up chở hàng) có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 950 kg ~~1.500 kg~~ và có từ 5 chỗ ngồi trở xuống, Ô tô tải VAN có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 950 kg; ~~1.500 kg~~ nộp lệ phí trước bạ lần đầu với mức thu bằng 60% mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống.

"c) Ô tô điện chạy pin:

- Trong vòng 3 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành: nộp lệ phí trước bạ lần đầu với mức thu là 0%.

- Trong vòng 2 năm tiếp theo: nộp lệ phí trước bạ lần đầu với mức thu bằng 50% mức thu đối với ô tô chạy xăng, dầu có cùng số chỗ ngồi.

e)d) Các loại ô tô quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này⁵: ~~Ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống (bao gồm cả xe con pick-up), Ô tô vừa chở người, vừa chở hàng (Ô tô pick-up chở hàng) có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 1.500 kg và có từ 5 chỗ ngồi trở xuống, Ô tô tải VAN có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 1.500 kg,~~ nộp lệ phí trước bạ lần thứ 2 trở đi với mức thu là 2% và áp dụng thống nhất trên toàn quốc.

Căn cứ vào loại phương tiện ghi tại Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan đăng kiểm Việt Nam cấp, cơ quan thuế xác định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự theo quy định tại Khoản này.

6. Đối với vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, thân máy (block) quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định này được thay thế mà phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì áp dụng mức thu lệ phí trước bạ tương ứng của từng loại tài sản.

7. Tổ chức, cá nhân đã được miễn hoặc không phải nộp lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy lần đầu, nếu chuyển nhượng cho các tổ chức, cá nhân khác hoặc chuyển mục đích sử dụng mà không thuộc diện được miễn lệ phí trước bạ theo quy định thì tổ chức, cá nhân đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy nộp lệ phí trước bạ với mức thu lần đầu trên giá trị sử dụng còn lại của tài sản.

⁵ Sửa để tránh phải liệt kê nhiều.

8. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng ô tô, xe máy, xác lập sở hữu toàn dân (~~tài sản tịch thu~~) theo quy định của pháp luật mà ô tô, xe máy xác lập sở hữu toàn dân có đăng ký quyền sở hữu trước đó thì tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng khi đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy nộp lệ phí trước bạ với mức thu lần thứ 2 trở đi.

Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng ô tô, xe máy xác lập sở hữu toàn dân (~~tài sản tịch thu~~) theo quy định của pháp luật mà ô tô, xe máy xác lập sở hữu toàn dân không có đăng ký quyền sở hữu trước đó hoặc không có cơ sở để xác định việc đã đăng ký quyền sở hữu trước đó thì tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng khi đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy nộp lệ phí trước bạ với mức thu lần đầu.

Mức thu lệ phí trước bạ đối với tài sản quy định tại Điều này không chế tối đa là 500 triệu đồng/1 tài sản/1 lần trước bạ, trừ ô tô chở người từ 9 chỗ trở xuống, tàu bay, du thuyền.

Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Chương III

GHI NỢ, MIỄN LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ

Điều 9. Ghi nợ lệ phí trước bạ

1. Ghi nợ lệ phí trước bạ đối với đất và nhà gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được ghi nợ tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai về thu tiền sử dụng đất. Khi thanh toán nợ lệ phí trước bạ thì hộ gia đình, cá nhân phải nộp lệ phí trước bạ tính theo giá nhà, đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ lệ phí trước bạ theo quy định tại khoản 1 Điều này nếu chuyển nhượng, chuyển đổi, tặng cho quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân khác (trừ trường hợp tặng cho nhà, đất giữa các đối tượng quy định tại khoản 10 Điều 10 Nghị định này) thì phải nộp đủ số lệ phí trước bạ còn nợ trước khi chuyển nhượng, chuyển đổi, tặng cho.

3. Thủ tục ghi nợ lệ phí trước bạ

a) Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được ghi nợ lệ phí trước bạ nhà, đất nêu tại khoản 1 Điều này thực hiện khai lệ phí trước bạ và nộp hồ sơ khai lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. (~~trong đó có giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được ghi nợ lệ phí trước bạ nêu tại khoản 1 Điều này~~) theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 10 Nghị định này.

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất kiểm tra hồ sơ, nếu xác định đúng đối tượng được ghi nợ lệ phí trước bạ nhà, đất nêu tại khoản 1 Điều này thì ghi vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất: “Nợ lệ phí trước bạ” trước khi cấp cho chủ sở hữu, sử dụng nhà, đất.

c) Trường hợp nhận được hồ sơ làm thủ tục chuyển nhượng, chuyển đổi, tặng cho quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân còn ghi

nợ lệ phí trước bạ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất có trách nhiệm chuyển hồ sơ, kèm theo “Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai” sang cho Cơ quan Thuế để tính và thông báo để hộ gia đình, cá nhân có nhà, đất nộp đủ số tiền lệ phí trước bạ còn nợ trước khi làm thủ tục chuyển nhượng, chuyển đổi, tặng cho.

Điều 10. Miễn lệ phí trước bạ

1. Nhà, đất là trụ sở của cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự, cơ quan Đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc và nhà ở của người đứng đầu cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự, cơ quan Đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam.

2. Tài sản (trừ nhà, đất) của tổ chức, cá nhân nước ngoài sau đây:

a) Cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự, cơ quan Đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc.

b) Viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự, nhân viên hành chính kỹ thuật của cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự, thành viên cơ quan Đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc và thành viên của gia đình họ không phải là công dân Việt Nam hoặc không thường trú tại Việt Nam được Bộ Ngoại giao Việt Nam cấp chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ.

c) Tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc đối tượng quy định tại điểm a và b khoản này, nhưng được miễn hoặc không phải nộp lệ phí trước bạ theo các cam kết quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Đất được Nhà nước giao hoặc cho thuê theo hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê sử dụng vào các mục đích sau đây:

a) Sử dụng vào mục đích công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Thăm dò, khai thác khoáng sản; nghiên cứu khoa học theo giấy phép hoặc xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng (không phân biệt đất trong hay ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất), đầu tư xây dựng nhà để chuyển nhượng, bao gồm cả trường hợp tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng để tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hoặc xây dựng nhà để chuyển nhượng. Các trường hợp này nếu đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng để cho thuê hoặc tự sử dụng thì phải nộp lệ phí trước bạ.

4. Đất được Nhà nước giao, cho thuê hoặc công nhận sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và làm muối.

5. Đất nông nghiệp chuyển đổi quyền sử dụng giữa các hộ gia đình, cá nhân trong cùng xã, phường, thị trấn để thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật đất đai.

6. Đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân tự khai hoang phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, không có

tranh chấp mà được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Đất thuê của Nhà nước theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm hoặc thuê của tổ chức, cá nhân đã có quyền sử dụng đất hợp pháp.

8. Nhà, đất sử dụng vào mục đích cộng đồng của các tổ chức tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng được Nhà nước công nhận hoặc được phép hoạt động.

9. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa.

10. Nhà, đất nhận thừa kế hoặc là quà tặng giữa: Vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; cha vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội, bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh, chị, em ruột với nhau nay được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

11. Nhà ở của hộ gia đình, cá nhân tạo lập thông qua hình thức phát triển nhà ở riêng lẻ theo quy định của Luật nhà ở.

12. Tài sản cho thuê tài chính được chuyển quyền sở hữu cho bên thuê khi kết thúc thời hạn thuê thông qua việc nhượng, bán tài sản cho thuê thì bên thuê được miễn nộp lệ phí trước bạ; trường hợp công ty cho thuê tài chính mua tài sản của đơn vị có tài sản đã nộp lệ phí trước bạ sau đó cho chính đơn vị bán tài sản thuê lại thì công ty cho thuê tài chính được miễn nộp lệ phí trước bạ.

13. Nhà, đất, tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh.

14. Nhà, đất thuộc tài sản công ~~nhà nước~~ dùng làm trụ sở cơ quan của cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

15. Nhà, đất được bồi thường, tái định cư (kể cả nhà, đất mua bằng tiền được bồi thường, hỗ trợ) khi Nhà nước thu hồi nhà, đất theo quy định của pháp luật.

Việc miễn lệ phí trước bạ quy định tại khoản này được áp dụng đối với đối tượng bị thu hồi nhà, đất.

16. Tài sản của tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng khi đăng ký lại quyền sở hữu, sử dụng được miễn nộp lệ phí trước bạ trong những trường hợp sau đây:

a) Tài sản đã được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng nay đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng mới mà không thay đổi chủ sở hữu tài sản.

b) Tài sản của doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được cổ phần hóa thành công ty cổ phần hoặc các hình thức sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

c) Tài sản đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng chung của hộ gia đình hoặc của các thành viên gia đình khi phân chia tài sản đó theo quy định của pháp luật cho các thành viên hộ gia đình đăng ký lại; Tài sản hợp nhất của vợ chồng sau khi kết hôn; Tài sản phân chia cho vợ, chồng khi ly hôn theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

d) Tài sản của tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng khi được cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng tài sản do giấy chứng nhận bị mất, rách nát, ố, nhòe, hư hỏng. Tổ chức, cá nhân không phải kê khai, làm thủ tục miễn lệ phí trước bạ khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp này.

~~Cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng cho tổ chức, cá nhân khi có đề nghị.~~

đ) Trường hợp khi cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có phát sinh chênh lệch diện tích đất tăng thêm nhưng ranh giới của thửa đất không thay đổi thì được miễn nộp lệ phí trước bạ đối với phần diện tích đất tăng thêm.

e) Tổ chức, cá nhân được nhà nước giao đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phải chuyển sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định của Luật đất đai từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

g) Trường hợp khi đăng ký lại quyền sử dụng đất do được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà không thay đổi người có quyền sử dụng đất và không thuộc đối tượng phải nộp tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất.

17. Tài sản của tổ chức, cá nhân đã nộp lệ phí trước bạ (trừ trường hợp được miễn nộp lệ phí trước bạ) chuyển cho tổ chức, cá nhân khác đăng ký quyền sở hữu, sử dụng được miễn nộp lệ phí trước bạ trong những trường hợp sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân, xã viên hợp tác xã đem tài sản của mình góp vốn vào doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, hợp tác xã hoặc khi doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, hợp tác xã giải thể hoặc phân chia hoặc rút vốn cho tổ chức, cá nhân thành viên tài sản mà tổ chức, cá nhân thành viên đã góp trước đây.

b) Tài sản của doanh nghiệp điều động trong nội bộ của doanh nghiệp đó hoặc cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp điều động tài sản trong nội bộ một cơ quan, đơn vị dự toán theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

18. Tài sản của tổ chức, cá nhân đã nộp lệ phí trước bạ được chia hay góp do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, đổi tên tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

19. Tài sản của tổ chức, cá nhân đã nộp lệ phí trước bạ chuyển đến địa phương nơi sử dụng mà không thay đổi chủ sở hữu.

20. Nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, nhà được hỗ trợ mang tính chất nhân đạo, kể cả đất kèm theo nhà được đăng ký sở hữu, sử dụng tên người được tặng.

21. Xe cứu hỏa, xe cứu thương, xe chiếu chụp X-quang, xe cứu hộ (bao gồm cả xe kéo xe, xe chở xe); xe chở rác, xe phun nước, xe tưới nước, xe xi téc phun nước, xe quét đường, xe hút bụi, xe hút chất thải; xe ô tô chuyên dùng, xe

máy chuyên dùng cho thương binh, bệnh binh, người tàn tật đăng ký quyền sở hữu tên thương binh, bệnh binh, người tàn tật.

22. Tàu bay sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách.

23. Tàu, thuyền đánh bắt thủy sản, tàu dịch vụ hậu cần khai thác thủy sản xa bờ và vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, thân máy (block) của tàu, thuyền đánh bắt thủy sản, tàu dịch vụ hậu cần khai thác thủy sản xa bờ được thay thế mà phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

24. Vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, thân máy (block) quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định này được thay thế mà phải đăng ký lại trong thời hạn bảo hành.

25. Nhà xưởng của cơ sở sản xuất; nhà kho, nhà ăn, nhà để xe của cơ sở sản xuất, kinh doanh. Nhà xưởng theo quy định tại khoản này được xác định theo pháp luật về phân cấp công trình xây dựng.

26. Nhà ở, đất ở của hộ nghèo; nhà ở, đất ở của đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã, phường, thị trấn thuộc vùng khó khăn, Tây Nguyên; nhà ở, đất ở của hộ gia đình, cá nhân ở các xã thuộc Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

27. Tàu thủy, thuyền không có động cơ, trọng tải toàn phần đến 15 tấn; tàu thủy, thuyền có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa; tàu thủy, thuyền có sức chở người đến 12 người; ~~tàu thủy, thuyền chở khách tốc độ cao~~ Tàu khách cao tốc (Tàu cao tốc chở khách), tàu thu gom rác và tàu thủy, thuyền vận tải công-ten-nơ.

Các phương tiện nêu trên được xác định theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và các văn bản hướng dẫn thi hành (kể cả vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, thân máy (block) tương ứng lắp thay thế vào các loại phương tiện này).

28. Nhà, đất của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa; thể dục thể thao; môi trường theo quy định của pháp luật đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà phục vụ cho các hoạt động này.

29. Nhà, đất của cơ sở ngoài công lập đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà phục vụ cho các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo; y tế; văn hóa; thể dục thể thao; khoa học và công nghệ; môi trường; xã hội; dân số, gia đình, bảo vệ chăm sóc trẻ em theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 28 Điều này.

30. Nhà, đất của doanh nghiệp khoa học và công nghệ đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

31. Phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt sử dụng năng lượng sạch.

Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Chương IV

KHAI, NỘP VÀ QUẢN LÝ LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ

Điều 11. Khai, nộp lệ phí trước bạ

Tổ chức, cá nhân khai, nộp lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật về quản lý thuế khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Dữ liệu điện tử nộp lệ phí trước bạ được Tổng cục Thuế ký số có giá trị như chứng từ bản giấy để giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.

Điều 12. Quản lý lệ phí trước bạ

Cơ quan thu lệ phí trước bạ nộp 100% số tiền lệ phí trước bạ thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng quy trình phối hợp liên thông điện tử trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ quy định tại Điều 3 Nghị định này.

b) Xây dựng, ban hành Quyết định về Bảng giá tính lệ phí trước bạ, Bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung và quy định chi tiết các nội dung được giao theo quy định tại Nghị định này.

c) Chỉ đạo Tổng cục Thuế ký số trên dữ liệu điện tử nộp lệ phí trước bạ của tổ chức, cá nhân nộp lệ phí trước bạ qua Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và cung cấp cho tổ chức có thẩm quyền đã kết nối thông tin với cơ quan thuế để giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.

2. Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Xây dựng hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu để giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký tài sản;

b) Kết nối, chia sẻ dữ liệu về thông tin tài sản thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ theo các tiêu chí tại mẫu Tờ khai lệ phí trước bạ ~~được ban hành kèm theo Nghị định này do Bộ Tài chính ban hành~~ và quy định về việc liên thông điện tử.

~~e) Thống nhất chuẩn kết nối dữ liệu và tổ chức triển khai thí điểm khai nộp, trao đổi dữ liệu điện tử lệ phí trước bạ được thực hiện trong năm 2020. Trên cơ sở kết quả triển khai thí điểm sẽ triển khai toàn quốc. Việc trao đổi dữ liệu phải được ký số theo quy định về Luật giao dịch điện tử.~~

3. Bộ Giao thông vận tải (Cục Đăng kiểm Việt Nam) có trách nhiệm phân loại phương tiện giao thông làm cơ sở cho việc thu lệ phí trước bạ theo quy định.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Ban hành Bảng giá đất theo quy định của pháp luật về đất đai và ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà để làm căn cứ tính lệ phí trước bạ theo quy định tại Nghị định này.

b) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức thu tính lệ phí trước bạ đối với xe ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống tại địa phương theo điểm a khoản 5 Điều 8 Nghị định này.

4. 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm

2. Nghị định này bãi bỏ:

a) Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ.

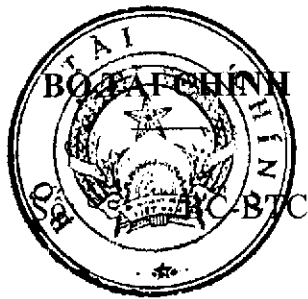
b) Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21 tháng 2 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH

Dự án Nghị định của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ

(Kèm theo Tờ trình số ~~16~~/TTr-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính)

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Luật Phí và lệ phí (khoản 3 Điều 18) quy định: Chính phủ quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng, hướng dẫn thực hiện thống nhất các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền, trong đó có lệ phí trước bạ (LPTB).

Thực hiện Luật Phí và lệ phí, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 về LPTB, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21/2/2019 của Chính phủ).

Sau 5 năm thực hiện, chính sách thu LPTB hiện hành đã đạt được kết quả như sau:

- Góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với tài sản, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người sở hữu, sử dụng tài sản.
- Góp phần cải cách thủ tục hành chính; đảm bảo sự minh bạch, rõ ràng và thống nhất trong quá trình thực hiện.
- Góp phần ổn định nguồn thu cho ngân sách nhà nước.
- Góp phần thực hiện chính sách ưu đãi của nhà nước.

Bên cạnh kết quả đạt được như nêu trên, chính sách thu LPTB vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần phải nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Cụ thể:

- Quy định về đối tượng chịu LPTB chưa bao quát các trường hợp phát sinh trên thực tế và chưa đồng bộ với quy định pháp luật liên quan như: quy định tên "tàu thủy" hiện hành chưa đồng bộ với pháp luật về hàng hải, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa; chưa có quy định thu LPTB đối với tàu ngầm, tàu lặn cũng như giá tính LPTB và mức thu LPTB đối với tàu ngầm, tàu lặn; quy định đối tượng chịu LPTB là xe tương tự chưa rõ ràng, chưa phù hợp với quy định của pháp luật về giao thông đường bộ; quy định về đối tượng chịu LPTB đối với vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy chưa phù hợp với quy định về cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện.

- Quy định về giá tính LPTB còn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, chưa đảm bảo kịp thời, nhanh chóng, thuận lợi cho người nộp thuế và

cơ quan thuế trong việc khai, tính và nộp LPTB, cụ thể quy định về: giá tính LPTB đối với nhà, đất trong một số trường hợp riêng; cơ sở xác định giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường; giá tính LPTB đối với xe ô tô chuyên dùng, xe máy chuyên dùng, xe khách, xe tải.

- Quy định miễn LPTB chưa phù hợp với thực tế, chưa đảm bảo đồng bộ với quy định của pháp luật giao thông đường thủy nội địa; chưa đảm bảo phù hợp với quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản; chưa đảm bảo thực hiện chính sách ưu đãi của Nhà nước cũng như chưa đảm bảo công bằng giữa các đối tượng do chưa có quy định miễn LPTB đối với tài sản phân chia, hợp nhất và phân chia giữa vợ, chồng khi kết hôn hoặc khi ly hôn; tàu thu gom rác.

- Quy định về khai, thu, nộp LPTB chưa đảm bảo thống nhất thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế; đồng thời chưa đảm bảo căn cứ pháp lý cho việc lập và cấp chứng từ thu, nộp LPTB điện tử, góp phần đơn giản hóa TTHC, thuận lợi cho cơ quan quản lý và người nộp LPTB.

- Quy định về trách nhiệm của các bộ, ngành chưa đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý thuế về mẫu Tờ khai và thực tế đã triển khai thực hiện trong thời gian qua.

Ngoài ra, theo Thông báo số 135/TB-VPCP ngày 29/5/2021 và Công văn số 1518/VPCP-KTTH của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái chỉ đạo: *“Trước mắt áp dụng thí điểm chính sách ưu đãi về thuế tiêu thụ đặc biệt và LPTB trong 5 năm theo đề xuất của Vingroup”* và giao Bộ Tài chính tổng kết, đánh giá tổng thể tình hình thực hiện chính sách thu LPTB tại Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016, đồng thời nghiên cứu đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp, trong đó có mức thu LPTB đối với ô tô điện chạy pin. Do đó, cần thiết bổ sung quy định mức thu LPTB đối với xe ô tô điện chạy pin nhằm khuyến khích việc sản xuất và sử dụng ô tô điện chạy pin, góp phần giảm thiểu lượng khí thải của các phương tiện giao thông, từ đó góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

Từ những lý do trên và để thuận tiện trong việc tra cứu, cần thiết ban hành Nghị định của Chính phủ về LPTB để thay thế Nghị định số 140/2016/NĐ-CP và Nghị định số 20/2019/NĐ-CP.

2. Mục đích, quan điểm xây dựng Nghị định

a) Mục đích

- Góp phần khuyến khích việc sản xuất và sử dụng ô tô điện chạy pin, nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất của chính sách thu LPTB với hệ thống pháp luật có liên quan.

- Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện chính sách thu LPTB hiện hành.

- Đảm bảo chính sách công khai, minh bạch, khả thi trong thực hiện, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và cơ quan thuế.

b) Quan điểm

- Phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc khuyến khích phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam, trong đó có phát triển các dòng xe thân thiện môi trường.

- Phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc thực hiện tăng cường quản lý Nhà nước đối với việc sở hữu, sử dụng tài sản, nhưng vẫn đảm bảo chính sách ưu đãi đối với một số trường hợp.

- Đảm bảo phù hợp với pháp luật có liên quan, phù hợp với tình hình thực tế cũng như xu hướng quốc tế.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Về đối tượng chịu LPTB

1.1. Về tàu thủy

a) Xác định vấn đề

Tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định đối tượng chịu LPTB đối với:

"3. Tàu thủy, kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy."

Khoản 7 Điều 3 Luật Giao thông đường thủy nội địa quy định:

"7. Phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi là phương tiện) là tàu, thuyền và các cấu trúc nổi khác, có động cơ hoặc không có động cơ, chuyên hoạt động trên đường thủy nội địa".

Khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 4 Bộ luật Hàng hải Việt Nam quy định về giải thích từ ngữ đối với tàu thuyền, tàu ngầm, tàu lặn như sau:

"1. Tàu thuyền là phương tiện hoạt động trên mặt nước hoặc dưới mặt nước bao gồm cả tàu, thuyền và các phương tiện khác hoạt động có động cơ hoặc không có động cơ.

...3. Tàu ngầm là phương tiện có khả năng hoạt động độc lập trên mặt nước và dưới mặt nước.

4. Tàu lặn là phương tiện có khả năng hoạt động dưới mặt nước phụ thuộc vào sự hỗ trợ của các phương tiện, thiết bị trên mặt nước hoặc trên bờ."

Điều 13 Bộ luật Hàng hải Việt Nam quy định: *"Tàu biển là phương tiện nổi di động chuyên dùng hoạt động trên biển. Tàu biển quy định trong Bộ luật này không bao gồm tàu quân sự, tàu công vụ, tàu cá, phương tiện thủy nội địa, tàu ngầm, tàu lặn, thủy phi cơ, kho chứa nổi, giàn di động, ụ nổi."*

Điều 14 Bộ luật Hàng hải Việt Nam quy định: *"Tàu biển Việt Nam là tàu biển đã được đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam hoặc đã được cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài cấp giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam."*

Điều 27 Bộ luật Hàng hải Việt Nam quy định: *"Tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động được đăng ký theo quy định tại Mục này."*

Theo Thông tư số 55/2019/TT-BGTVT ngày 31/12/2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về danh mục giấy chứng nhận và tài liệu của tàu biển, tàu

biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động Việt Nam thì tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động thuộc trường hợp phải đăng ký giấy chứng nhận đăng ký theo quy định tại Bộ luật Hàng hải Việt Nam.

Căn cứ theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật về hàng hải thì (i) Tàu thuyền là phương tiện hoạt động trên mặt nước hoặc dưới mặt nước bao gồm cả tàu, thuyền và các phương tiện khác hoạt động có động cơ hoặc không có động cơ; (ii) Tàu biển (bao gồm cả tàu biển công vụ), tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động phải đăng ký cấp giấy chứng nhận theo quy định (không quy định tên gọi tàu thủy).

Theo đó:

- Việc sử dụng cụm từ “tàu thủy” tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP là chưa phù hợp với pháp luật về hàng hải và pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

- Tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP chưa quy định đối tượng chịu LPTB đối với tàu ngầm, tàu lặn là chưa phù hợp với pháp luật về hàng hải và chưa bao quát các trường hợp phát sinh trên thực tế. Thực tế phát sinh trường hợp đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với “*Tàu lặn phục vụ chở khách du lịch*” để hoạt động trong vùng biển Việt Nam, chưa có quy định thuộc đối tượng chịu LPTB.

- Đối với ụ nổi, kho chứa nổi và giàn di động là các cấu trúc nổi chuyên dùng để phục vụ cho hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí trên biển và thuộc trường hợp phải đăng ký Giấy chứng nhận đăng ký theo quy định của pháp luật về hàng hải. Mặt khác, tại điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định miễn LPTB đối với “*Đất được Nhà nước giao hoặc cho thuê sử dụng vào các mục đích thăm dò, khai thác khoáng sản*”. Tuy nhiên, quy định hiện hành chưa quy định rõ ụ nổi, kho chứa nổi và giàn di động có thuộc đối tượng chịu LPTB hay không.

b) *Mục tiêu giải quyết vấn đề*

- Khắc phục vướng mắc hiện hành, tạo cơ sở pháp lý để cơ quan quản lý và tổ chức, cá nhân thực hiện; bao quát các trường hợp phát sinh thực tế.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và phù hợp với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

c) *Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

(c1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

(c2) Giải pháp 2: Sửa đổi quy định về đối tượng chịu thuế đối với tàu thủy như sau: “3. Tàu theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật về hàng hải (sau đây gọi là tàu thủy), kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy, tàu ngầm, tàu lặn, trừ ụ nổi, kho chứa nổi và giàn di động.”

d) *Đánh giá tác động của các giải pháp*

(d1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

Thực hiện theo phương án này sẽ:

* Tác động tích cực: Không phát sinh việc sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật.

* Tác động tiêu cực:

- Không giải quyết được vướng mắc phát sinh, không đảm bảo tính pháp lý trong quá trình triển khai thực hiện. Thực tế đã phát sinh tàu ngầm phải đăng ký quyền sở hữu nhưng chưa được quy định vào đối tượng chịu LPTB.

- Không đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật về hàng hải do “Tàu thủy” không có khái niệm trong pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật về hàng hải.

- Chưa bao quát các loại tàu phải đăng ký theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật như tàu ngầm, tàu lặn.

(d2) Giải pháp 2: Sửa đổi quy định về đối tượng chịu thuế đối với tàu thủy như sau: “3. Tàu theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật về hàng hải (sau đây gọi là tàu thủy), kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy, tàu ngầm, tàu lặn, trừ ụ nổi, kho chứa nổi và giàn di động.”

* Tác động tích cực: Thực hiện theo phương án này sẽ đảm bảo:

- Khắc phục vướng mắc hiện hành trong quá trình triển khai thực hiện, đảm bảo cơ sở pháp lý để cơ quan quản lý và tổ chức, cá nhân thực hiện trong việc thu LPTB đối với tàu ngầm, tàu lặn; bao quát các trường hợp phát sinh thực tế, bao quát các loại tàu phải đăng ký theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật về hàng hải.

- Đối với hệ thống pháp luật: Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và phù hợp với quy định của pháp luật về hàng hải và pháp luật về giao thông đường thủy nội địa về quy định đối với các loại tàu phải đăng ký; đồng thời đảm bảo phân biệt với quy định của Luật đường sắt về phương tiện giao thông đường sắt.

- Góp phần tăng tính minh bạch của chính sách nhưng cũng không xáo trộn trong quá trình thực hiện.

- Đảm bảo ưu đãi của nhà nước đối với các tài sản dùng cho hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản vì ụ nổi, kho chứa nổi và giàn di động là các cấu trúc nổi là các tài sản chuyên dùng để phục vụ cho hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí trên biển, mặc dù vẫn thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định của pháp luật về hàng hải. Đồng thời đảm bảo tính thống nhất với quy định về miễn LPTB đối với đất được Nhà nước giao hoặc cho thuê sử dụng vào các mục đích thăm dò, khai thác khoáng sản.

* Tác động tiêu cực: Phát sinh chi phí cho việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật.

đ) Kiến nghị và lựa chọn giải pháp

Sau khi nghiên cứu tác động của các giải pháp, đề nghị chọn giải pháp 2 là sửa đổi quy định về đối tượng chịu thuế đối với tàu thủy như sau: “3. Tàu theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật về hàng hải (sau đây gọi là tàu thủy), kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy, tàu ngầm, tàu lặn, trừ ụ nổi, kho chứa nổi và giàn di động.”

Thực hiện theo giải pháp này thì đồng thời, đề nghị bổ sung mức thu LPTB đối với tàu lặn, tàu ngầm như các loại tàu khác là 1%. Ngoài ra, do tàu ngầm, tàu lặn là tài sản có giá trị lớn như tàu bay, do đó đề nghị bổ sung quy định không khống chế mức thu tối đa là 500 triệu đồng/1 tài sản/1 lần trước bạ như tàu bay.

1.2. Về các loại xe tương tự

a) Xác định vấn đề

Tại khoản 6, khoản 7 Điều 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định đối tượng chịu LPTB đối với:

“6. Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

7. Ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.”

Tại khoản 18 Điều 3 Luật giao thông đường bộ quy định: *“18. Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi là xe cơ giới) gồm xe ô tô; máy kéo; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô, máy kéo; xe mô tô hai bánh; xe mô tô ba bánh; xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự.”*

Theo quy định tại Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định chỉ có quy định các loại xe tương tự xe ô tô, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy. Trong đó, các loại xe tương tự xe ô tô là loại phương tiện giao thông đường bộ chạy bằng động cơ có từ hai trục, bốn bánh xe trở lên, có phần động cơ và thùng hàng (nếu có) lắp trên cùng một xát xi (kể cả loại xe 4 bánh chạy bằng năng lượng điện).

Như vậy, quy định đối tượng chịu LPTB đối với các loại xe tương tự quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP không rõ ràng, gây khó khăn cho cơ quan thuế trong việc xác định đối tượng chịu LPTB đối với xe tương tự.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Khắc phục vướng mắc hiện hành, tạo cơ sở pháp lý để cơ quan quản lý và tổ chức, cá nhân thực hiện.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và phù hợp với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Đảm bảo tính minh bạch của chính sách, hạn chế rủi ro cho cơ quan thuế trong việc xác định đối tượng chịu LPTB.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(c1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành

(c2) Giải pháp 2: Sửa đổi quy định về đối tượng chịu LPTB đối với các loại xe tương tự như sau:

“6. Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (sau đây gọi chung là xe máy).”

7. Ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp."

d) *Đánh giá tác động của các giải pháp*

(d1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

* Tác động tích cực: Chính sách không thay đổi thì không phát sinh chi phí nghiên cứu sửa đổi văn bản pháp luật.

* Tác động tiêu cực:

- Không đồng bộ và phù hợp với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về giao thông đường bộ.

- Quy định không rõ ràng, gây khó khăn cho cơ quan thuế trong việc xác định đối tượng chịu LPTB đối với xe tương tự từ đó, dễ gây thất thu thuế.

(d2) Giải pháp 2: Sửa đổi quy định về đối tượng chịu LPTB đối với các loại xe tương tự.

* Tác động tích cực:

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và phù hợp với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về giao thông đường bộ.

- Khắc phục vướng mắc hiện hành, tạo cơ sở pháp lý để cơ quan quản lý và tổ chức, cá nhân thực hiện.

- Đối tượng chịu LPTB được quy định rõ ràng sẽ góp phần tăng tính minh bạch của chính sách từ đó, giúp cơ quan thuế hạn chế rủi ro trong việc xác định đối tượng chịu thuế và tránh thất thu thuế.

* Tác động tiêu cực: Qua đánh giá cho thấy thực hiện theo giải pháp này sẽ không gây tác động tiêu cực.

đ) *Kiến nghị và lựa chọn giải pháp*

Trên cơ sở so sánh đánh giá tác động tiêu cực và tác động tích cực, nhằm hạn chế tối đa các tác động tiêu cực và đảm bảo mục tiêu giải quyết thì đề nghị chọn giải pháp 2 là sửa đổi quy định về đối tượng chịu LPTB đối với các loại xe tương tự như sau:

"6. Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (sau đây gọi chung là xe máy)."

7. Ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp."

Trên cơ sở đề xuất nêu trên, đề nghị rà soát các nội dung có liên quan đến xe tương tự tại dự thảo Nghị định sửa đổi cho thống nhất.

1.3. Về vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy

a) *Xác định vấn đề*

Tại khoản 8 Điều 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định đối tượng chịu LPTB đối với vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy của tài sản mà phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Theo Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 của Bộ Công an thì trường hợp thay thế thân máy (block) xe phải đăng ký cấp lại biển số xe.

Như vậy, chính sách LPTB hiện hành chưa quy định rõ trường hợp thay thế thân máy (block) xe phải đăng ký cấp lại biển số xe có phải nộp LPTB hay không do đối tượng chịu LPTB chưa định đối tượng thân máy (block). Do đó cần thiết có quy định rõ về đối tượng này.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Để đảm bảo tính bao quát, phù hợp với quy định của pháp luật về cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện.
- Tạo cơ sở pháp lý để cơ quan quản lý và tổ chức, cá nhân thực hiện.
- Đối tượng chịu LPTB được quy định rõ ràng sẽ góp phần tăng tính minh bạch của chính sách từ đó, giúp cơ quan thuế hạn chế rủi ro trong việc xác định đối tượng chịu thuế và tránh thất thu thuế.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(c1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

(c2) Giải pháp 2: Bổ sung thân máy (block) vào đối tượng chịu LPTB đối với vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

(d1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

* Tác động tích cực: Không phát sinh kinh phí sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật do chính sách không thay đổi.

* Tác động tiêu cực:

- Không phù hợp với quy định của pháp luật về cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện.
- Chính sách không rõ ràng, gây thất thu NSNN do thiếu quy định để thu LPTB.

- Gây phiền hà cho người nộp thuế khi cơ quan công an yêu cầu phải có giấy tờ về LPTB mới được cấp lại biển số xe.

(d2) Giải pháp 2: Bổ sung thân máy (block) vào đối tượng chịu LPTB đối với vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy.

* Tác động tích cực:

- Để đảm bảo tính bao quát, phù hợp với quy định của pháp luật về cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện.
- Tạo cơ sở pháp lý để cơ quan quản lý và tổ chức, cá nhân thực hiện.
- Đối tượng chịu LPTB được quy định rõ ràng sẽ góp phần tăng tính minh bạch của chính sách từ đó, giúp cơ quan thuế hạn chế rủi ro trong việc xác định đối tượng chịu thuế và tránh thất thu thuế.
- Việc bổ sung đối tượng chịu LPTB sẽ góp phần tăng thu cho NSNN.

* Tác động tiêu cực: Tăng chi phí cho người nộp LPTB.

đ) Kiến nghị và lựa chọn giải pháp: Trên cơ sở đánh giá tác động tích và tác động tiêu cực của các giải pháp thì đề nghị bổ sung thân máy (block) vào đối

tượng chịu LPTB như đối với vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy quy định tại khoản 8 Điều 8 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP như sau: “8. *Vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, thân máy (block) của tài sản quy định tại các khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều này được thay thế mà phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.*”

2. Về quy định giá tính LPTB

2.1. Về giá tính LPTB đối với nhà, đất

a) Xác định vấn đề

Tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định về giá tính LPTB đối với nhà, đất quy định một số trường hợp giá tính LPTB đối với nhà như sau:

“- *Giá tính LPTB đối với nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của pháp luật về bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước là giá bán thực tế ghi trên hoá đơn bán nhà theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.*

- *Giá tính LPTB đối với nhà mua theo phương thức đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đấu giá là giá trúng đấu giá thực tế ghi trên hoá đơn bán hàng.*”

Tại Thông tư số 301/2016/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 20/2019/TT-BTC) có quy định giá tính LPTB đối với đất mua theo phương thức đấu giá, đấu thầu, đất kèm theo nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê và giá tính LPTB đối với nhà chung cư ngoài các trường hợp đã được quy định tại Nghị định.

Tại Nghị định số 53/2011/NĐ-CP ngày 01/7/2011 của Chính phủ về thuế SDĐPNN sử dụng cụm từ “đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư”, không sử dụng cụm từ “nhà chung cư”.

Như vậy, quy định tại Nghị định chưa quy định giá tính LPTB đối với đất kèm theo nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê, đất mua theo phương thức đấu giá, đấu thầu, nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư nên chưa đảm bảo tính pháp lý trong quá trình thực hiện, cũng như chưa đảm bảo tính thống nhất với quy định của pháp luật có liên quan.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Nâng cao tính pháp lý trong việc xác định giá tính LPTB đối với đất mua theo phương thức đấu giá, đấu thầu, đất kèm theo nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê và giá tính LPTB đối với nhà chung cư.

- Đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật về thuế trong việc gọi tên đối với nhà chung cư.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(c1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

(c2) Giải pháp 2: Bỏ nội dung quy định về giá tính LPTB đối với nhà trong một số trường hợp cụ thể và bổ sung thêm nội dung quy định về giá tính LPTB đối với nhà, đất trong một số trường hợp cụ thể, trong đó quy định giá tính

LPTB đối với: nhà, đất mua theo phương thức đấu giá, đấu thầu; nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê (bao gồm cả đất kèm theo) và nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

(d1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

* Tác động tích cực: Thực hiện theo giải pháp này không làm phát sinh việc sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật.

* Tác động tiêu cực:

- Chưa đảm bảo tính pháp lý trong việc xác định giá tính LPTB đối với đất mua theo phương thức đấu giá, đấu thầu, nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê (bao gồm cả đất kèm theo) và giá tính LPTB đối với nhà nhiều tầng, nhiều hộ ở, nhà chung cư.

- Gây rủi ro cho cơ quan thuế vì khó xác định được LPTB trong các trường hợp vướng mắc nêu trên do không đủ cơ sở pháp lý để cơ quan thuế thực hiện xác định giá tính LPTB.

(d2) Giải pháp 2: Bỏ nội dung quy định về giá tính LPTB đối với nhà trong một số trường hợp cụ thể và bổ sung thêm nội dung quy định về giá tính LPTB đối với nhà, đất trong một số trường hợp cụ thể, trong đó quy định giá tính LPTB đối với: nhà, đất mua theo phương thức đấu giá, đấu thầu; nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê (bao gồm cả đất kèm theo) và nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư.

* Tác động tích cực:

- Đảm bảo tính pháp lý trong việc thu LPTB đối với nhà, đất mua theo phương thức đấu giá, đấu thầu, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đấu giá, đấu thầu, hạn chế vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Đảm bảo tính pháp lý trong việc thu LPTB đối với nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê (bao gồm cả đất kèm theo).

- Đảm bảo tính pháp lý trong việc thu LPTB đối với nhà nhiều tầng, nhiều hộ ở, nhà chung cư. Qua đánh giá cho thấy việc thực hiện xác định hệ số phân bổ giá trị đất đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư quy định tại Nghị định số 53/2011/NĐ-CP ngày 01/7/2011 của Chính phủ về thuế SDĐPNN chưa phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện và hiện cũng đang là căn cứ tính thu tiền sử dụng đất đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư.

* Tác động tiêu cực: Phải thực hiện sửa đổi, bổ sung chính sách, dẫn đến phát sinh nguồn lực cho việc triển khai thực hiện.

đ) Kiến nghị và lựa chọn giải pháp

Sau khi nghiên cứu tác động của các giải pháp, để đảm bảo chính sách minh bạch, rõ ràng, đồng bộ và nâng cao tính pháp lý, đảm bảo đồng bộ trong hệ thống pháp luật về thuế thì đề nghị chọn giải pháp 2. Theo đó, đề nghị bỏ nội dung quy định về giá tính LPTB đối với nhà trong một số trường hợp cụ thể và bổ sung thêm nội dung quy định về giá tính LPTB đối với nhà, đất trong một số trường hợp cụ thể, trong đó quy định giá tính LPTB đối với: nhà, đất mua theo

phương thức đấu giá, đấu thầu; nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê (bao gồm cả đất kèm theo) và nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư, cụ thể như sau:

“- Giá tính LPTB đối với nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của pháp luật về bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, bao gồm cả đất kèm theo là giá bán thực tế theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Giá tính LPTB đối với nhà, đất mua theo phương thức đấu giá, đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu giá, đấu thầu là giá trúng đấu giá, đấu thầu thực tế ghi trên hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật hoặc giá trúng đấu giá, đấu thầu thực tế theo biên bản trúng đấu giá, đấu thầu hoặc theo văn bản phê duyệt trúng đấu giá, đấu thầu (nếu có) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Giá tính LPTB đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư bao gồm cả giá trị đất được phân bổ. Giá trị đất được phân bổ được xác định bằng giá đất tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành nhân với hệ số phân bổ. Hệ số phân bổ được xác định theo quy định tại Nghị định số 53/2011/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung (nếu có).”

2.2. Về cơ sở dữ liệu xác định giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường của từng loại tài sản

a) Xác định vấn đề

Tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) về giá tính LPTB đối với các tài sản là súng săn, súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao; tàu, thuyền; vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy của các tài sản trên và ô tô, xe máy; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô quy định: Giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường của từng loại tài sản được căn cứ vào các cơ sở như giá trên hóa đơn bán hàng hợp pháp, giá theo thông báo của doanh nghiệp sản xuất chính hãng, giá bán tài sản cùng loại hoặc tương đương, trị giá tính thuế nhập khẩu, Thông báo của doanh nghiệp nhập khẩu được ủy quyền thay mặt doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài, giá trên ứng dụng quản lý trước bạ của cơ quan thuế...

Trong quá trình triển khai thực hiện phát sinh một số vướng mắc như sau:

- Phát sinh trường hợp tài sản của tổ chức, cá nhân mua nguyên vật liệu rồi thuê một đơn vị khác gia công thành tài sản thuộc đối tượng chịu LPTB như tàu, thuyền... sau đó bàn giao lại cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng. Tài sản thuê gia công này lần đầu tiên xuất hiện trên thị trường, chưa có tài sản cùng loại hoặc tương đương trên thị trường nên không có căn cứ để xác định giá tính LPTB.

- Quy định “giá hóa đơn bán hàng hợp pháp” để xác định giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường đối với tài sản sản xuất trong nước chưa phù hợp do hiện nay có rất nhiều loại hóa đơn, từ đó gây khó khăn cho cơ quan thuế và người nộp thuế trong việc xác định thế nào là hóa đơn bán hàng hợp pháp.

- Trong quá trình xác định giá tính LPTB đối với xe máy nhập khẩu, cơ quan thuế có tiếp nhận Thông báo của doanh nghiệp nhập khẩu được ủy quyền thay mặt doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp xe máy nước ngoài (như công ty Honda Việt Nam nhập khẩu các dòng xe máy nhập khẩu mang thương hiệu Honda, công ty Chu Lai - Trường Hải nhập khẩu dòng xe máy nhập khẩu BMW... theo các hợp đồng ủy quyền nhập khẩu, phân phối độc quyền tại Việt Nam) để có thêm cơ sở tham khảo xác định giá tính LPTB đối với xe máy nhập khẩu (tại Nghị định số 20/2019/NĐ-CP chỉ quy định căn cứ vào Thông báo của doanh nghiệp nhập khẩu được ủy quyền thay mặt doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài).

Do đó, cần sửa đổi, bổ sung quy định về cơ sở dữ liệu xác định giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường đối với một số trường hợp cho phù hợp.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện xác định giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy.

- Đảm bảo đầy đủ căn cứ để xác định giá tính LPTB đối với các trường hợp phát sinh trên thực tế.

- Tạo thuận lợi cho người nộp thuế trong việc khai, nộp LPTB được kịp thời, nhanh chóng, thuận tiện, không ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Đảm bảo chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi cho cơ quan thuế trong việc xác định giá tính LPTB một cách kịp thời, nhanh chóng, chính xác, phù hợp với đặc điểm của từng loại tài sản.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(c1) Giải pháp 1: Sửa đổi quy định về cơ sở dữ liệu xác định giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường đối với một số trường hợp như sau:

- Bổ sung quy định “Trường hợp tài sản tự sản xuất, chế tạo hoặc thuê sản xuất, chế tạo mà không có giá bán của tài sản cùng loại hoặc tương đương là giá thành sản phẩm, cộng (+) thuế tiêu thu đặc biệt (nếu có), cộng (+) thuế giá trị gia tăng (nếu có).” làm căn cứ xác định giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường đối với trường hợp tài sản tự sản xuất, chế tạo.

- Sửa đổi quy định về cơ sở dữ liệu đối với tài sản sản xuất trong nước như sau: “Đối với tài sản sản xuất trong nước là giá trên hóa đơn, chứng từ bán hàng hợp pháp theo quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng (nếu có)” để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ, thuận lợi cho cơ quan thuế và người nộp thuế.

- Sửa đổi, bổ sung cơ sở dữ liệu xác định giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường đối với tài sản nhập khẩu như sau: “...Thông báo của doanh nghiệp nhập khẩu được ủy quyền thay mặt doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài” để bao quát các loại tài sản nhập khẩu.

- Bổ sung cơ sở dữ liệu là “giá tính LPTB trên ứng dụng quản lý trước bạ của cơ quan thuế” để tạo thuận lợi cho việc xác định giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy mới phát sinh tại thời điểm kê khai LPTB chưa có trong Bảng giá tính LPTB.

(c2) Giải pháp 2: Giữ nguyên quy định hiện hành.

d) *Đánh giá tác động của các giải pháp*

(d1) Giải pháp 1: Sửa đổi quy định về cơ sở dữ liệu xác định giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường đối với một số trường hợp như sau:

- Bổ sung quy định “Trường hợp tài sản tự sản xuất, chế tạo hoặc thuê sản xuất, chế tạo mà không có giá bán của tài sản cùng loại hoặc tương đương là giá thành sản phẩm, cộng (+) thuế tiêu thu đặc biệt (nếu có), cộng (+) thuế giá trị gia tăng (nếu có).” làm căn cứ xác định giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường đối với trường hợp tài sản tự sản xuất, chế tạo.

- Sửa đổi quy định về cơ sở dữ liệu đối với tài sản sản xuất trong nước như sau: “Đối với tài sản sản xuất trong nước là giá trên hóa đơn, chứng từ bán hàng hợp pháp theo quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng (nếu có)” để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ, thuận lợi cho cơ quan thuế và người nộp thuế.

- Sửa đổi, bổ sung cơ sở dữ liệu xác định giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường đối với tài sản nhập khẩu như sau: “...Thông báo của doanh nghiệp nhập khẩu được ủy quyền thay mặt doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô-tô nước ngoài” để bao quát các loại tài sản nhập khẩu.

- Bổ sung cơ sở dữ liệu là “giá tính LPTB trên ứng dụng quản lý trước bạ của cơ quan thuế” để tạo thuận lợi cho việc xác định giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy mới phát sinh tại thời điểm kê khai LPTB chưa có trong Bảng giá tính LPTB.

* Tác động tích cực: Thực hiện theo giải pháp này sẽ đảm bảo:

- Giải quyết được những hạn chế của của chính sách LPTB hiện hành; phù hợp với thực tế phát sinh, tạo thuận lợi cho người nộp thuế trong việc khai, nộp LPTB được kịp thời, nhanh chóng, không ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Đồng thời, góp phần cải cách thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện theo Nghị quyết số 19/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2015-2016 và Nghị quyết số 36a/NQ-CP về Chính phủ điện tử.

- Tạo thuận lợi trong việc xác định giá tính LPTB và điều chỉnh, bổ sung Bảng giá tính LPTB một cách kịp thời, nhanh chóng, chính xác, phù hợp với đặc điểm của từng loại tài sản, từ đó chống thất thu NSNN.

* Tác động tiêu cực: Đối với cơ quan thuế: Tăng khối lượng công việc do phải thực hiện bổ sung cơ sở dữ liệu về xác định giá tính LPTB.

(d2) Giải pháp 2: Giữ nguyên quy định hiện hành.

* Tác động tích cực: Chính sách được ổn định, cơ quan thuế không phải sửa đổi cơ sở dữ liệu để xác định giá tính LPTB; không phát sinh nguồn lực do phải sửa đổi văn bản pháp luật.

* Tác động tiêu cực:

- Thực hiện theo giải pháp này thì không tháo gỡ những tồn tại, vướng mắc trong việc xác định giá tính LPTB, chưa tạo thuận lợi cho cơ quan thuế và người nộp thuế, chưa bao quát các trường hợp phát sinh trên thực tế.

- Gây rủi ro cho cơ quan thuế vì khó xác định được LPTB trong các trường hợp vướng mắc nêu trên do không đủ cơ sở pháp lý để cơ quan thuế thực hiện xác định giá tính LPTB, gây thất thu NSNN.

đ) Kiến nghị và lựa chọn giải pháp

Sau khi nghiên cứu tác động của các giải pháp, để đảm bảo chính sách minh bạch, rõ ràng, tháo gỡ vướng mắc phát sinh hiện hành thì đề nghị chọn giải pháp 1. Theo đó, đề nghị sửa đổi quy định về cơ sở dữ liệu xác định giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường đối với một số trường hợp như sau:

“Giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường của từng loại tài sản được xác định căn cứ vào các cơ sở dữ liệu sau:

- Đối với tài sản mua bán trong nước là giá trên hóa đơn, chứng từ bán hàng hợp pháp theo quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng (nếu có).

- Đối với tài sản tự sản xuất, chế tạo hoặc thuê sản xuất, chế tạo là giá bán tài sản cùng loại hoặc tương đương, bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng (nếu có). Trường hợp tài sản tự sản xuất, chế tạo hoặc thuê sản xuất, chế tạo mà không có giá bán của tài sản cùng loại hoặc tương đương là giá thành sản phẩm, cộng (+) thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng (+) thuế giá trị gia tăng (nếu có).

- Đối với tài sản nhập khẩu (bao gồm cả tài sản đã qua sử dụng nhập khẩu) là trị giá tính thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về hải quan, cộng (+) thuế nhập khẩu (nếu có), cộng (+) thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng (+) thuế giá trị gia tăng (nếu có); hoặc là giá theo Thông báo của doanh nghiệp nhập khẩu được ủy quyền thay mặt doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô-tô nước ngoài. Trường hợp miễn thuế nhập khẩu theo quy định thì giá tính LPTB bao gồm cả thuế nhập khẩu được miễn.

- Giá tính LPTB trên ứng dụng quản lý trước bạ của cơ quan thuế; giá bán tài sản cùng loại hoặc tương đương, bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng (nếu có).”

2.3. Quy định giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy

a) Xác định vấn đề

Tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định:

- Giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy, bao gồm cả xe ô tô chuyên dùng và xe máy chuyên dùng (trừ rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô) là giá tại Quyết định về Bảng giá tính LPTB do Bộ Tài chính ban hành. Giá tính LPTB tại Bảng giá tính LPTB được xác định theo nguyên tắc đảm bảo phù hợp với giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường tại thời điểm xây dựng Bảng giá tính LPTB (đối với ô tô là theo kiểu loại xe).

- Trường hợp phát sinh loại ô tô, xe máy mới mà tại thời điểm nộp tờ khai LPTB chưa có trong Bảng giá tính LPTB thì cơ quan thuế căn cứ vào cơ sở dữ liệu quy định để quyết định giá tính LPTB của từng loại ô tô, xe máy mới phát sinh. Trường hợp giá chuyển nhượng ô tô, xe máy trên thị trường tăng hoặc giảm từ 5% trở lên so với giá tại Bảng giá tính LPTB thì Cục thuế tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính trước ngày mùng 5 của tháng cuối quý để điều chỉnh Bảng giá tính LPTB cho phù hợp.

- Bộ Tài chính ban hành Quyết định về Bảng giá tính LPTB điều chỉnh, bổ sung trước ngày 25 của tháng cuối quý theo nguyên tắc đảm bảo phù hợp với giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường hoặc căn cứ vào trung bình cộng giá tính LPTB của cơ quan thuế các địa phương.

Việc quy định giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy như hiện hành là để tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện khai, nộp LPTB điện tử theo Nghị quyết số 19/NQ-CP và Nghị quyết số 36a/NQ-CP của Chính phủ; đồng thời cũng góp phần giải quyết khó khăn trong quá trình xây dựng ứng dụng khai, nộp LPTB điện tử (như khó khăn trong việc xây dựng trường dữ liệu liên quan đến giá tính LPTB; khó khăn trong việc cập nhật, điều chỉnh kịp thời dữ liệu vào Bảng giá tính LPTB cho phù hợp với thực tế tại các địa phương), từ đó góp phần cải cách thủ tục hành chính, tăng cường công tác quản lý thuế.

Thực tế triển khai thực hiện đã phát sinh một số vướng mắc sau:

- Quy định loại trừ rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô tại khoản này là chưa đảm bảo đồng bộ về giá tính thuế, cơ sở dữ liệu để xác định giá chuyển nhượng tài sản đối với tài sản cùng loại, dẫn đến khó khăn trong việc tra cứu.

- Thường xuyên có nhiều loại ô tô, xe máy mới phát sinh do sự phát triển của sản xuất và nhu cầu thị trường mà chưa có giá tính LPTB tại Bảng giá; Việc xác định giá tính LPTB gặp nhiều khó khăn, không kịp thời, đặc biệt là đối với nhóm xe tải, xe khách, xe ô tô chuyên dùng, xe máy chuyên dùng (như xe ô tô quét đường; ô tô hút chất thải; ô tô trộn vữa; ô tô trộn bê tông, xe chở tiền, xe máy thi công, xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp và các loại xe đặc chủng khác...).
Cụ thể:

Đối với xe tải, xe khách: Do đặc thù của xe tải, xe khách thường xuyên thay đổi mẫu mã, kiểu xe, đổi tên đăng kiểm do được cải hoán, nâng cấp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, nên nếu chỉ căn cứ vào kiểu loại xe như các loại ô tô khác để xây dựng giá tính LPTB chi tiết cho từng kiểu xe sẽ làm tăng thời gian chờ đợi không cần thiết của người nộp thuế, từ đó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Đối với xe ô tô chuyên dùng, xe máy chuyên dùng: Loại xe này có nhiều kiểu xe tương ứng cho nhiều mục đích chuyên dùng của từng cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh đặt hàng cho đơn vị sản xuất, chế tạo, nên từ đó, gây khó khăn cho cơ quan thuế trong việc xác định chính xác giá tính LPTB, kéo dài thời gian chờ đợi của người nộp thuế.

Do đó, cần phải nghiên cứu sửa đổi, bổ sung giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy cho phù hợp.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện xác định giá tính LPTB đối với xe chuyên dùng, ô tô tải, ô tô khách.

- Tạo thuận lợi cho người nộp thuế trong việc khai, nộp LPTB được kịp thời, nhanh chóng, thuận tiện, không ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Đảm bảo chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi cho cơ quan thuế trong việc xác định giá tính LPTB một cách kịp thời, nhanh chóng, chính xác, phù hợp với đặc điểm của ô tô tải, ô tô khách và *xe ô tô chuyên dùng, xe máy chuyên dùng* đồng thời, tạo điều kiện cho việc mở rộng triển khai khai điện tử đối với xe tải, xe khách, qua đó hỗ trợ tốt nhất cho người dân, doanh nghiệp làm thủ tục hành chính về đăng ký trước bạ, đăng ký xe.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(c1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

(c2) Giải pháp 2: Sửa đổi khoản 3 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định giá tính LPTB đối với xe ô tô, xe máy như sau:

- Đề nghị quy định giá tính LPTB đối với xe ô tô chuyên dùng, xe máy chuyên dùng là giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường (hiện hành đang quy định giá tính LPTB đối với các loại xe này là giá tại Bảng giá do Bộ Tài chính ban hành).

- Đề nghị bổ sung quy định xác định giá tính LPTB đối với xe tải, xe khách theo khung tiêu chí kỹ thuật, cụ thể: Đối với xe ô tô, *xe máy* là theo kiểu loại xe; *đối với xe tải là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông; đối với xe khách là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, số người cho phép chở kể cả lái xe.*

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

(d1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

* Tác động tích cực: Không phát sinh nguồn lực nghiên cứu, sửa đổi bổ sung văn bản pháp luật do không thay đổi chính sách.

* Tác động tiêu cực:

Thực hiện theo giải pháp này sẽ không tháo gỡ những tồn tại, vướng mắc trong việc xác định giá tính LPTB. Gây khó khăn cho cơ quan thuế trong việc xác định chính xác giá tính LPTB, dẫn đến kéo dài thời gian chờ đợi của người nộp thuế, mà đối tượng đăng ký xe chủ yếu là doanh nghiệp thương mại, vận tải, du lịch, từ đó ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

(d2) Giải pháp 2: Sửa đổi khoản 3 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định giá tính LPTB đối với xe ô tô, xe máy như sau:

- Đề nghị quy định giá tính LPTB đối với xe ô tô chuyên dùng, xe máy chuyên dùng là giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường (hiện hành đang quy định giá tính LPTB đối với các loại xe này là giá tại Bảng giá tính LPTB do Bộ Tài chính ban hành).

- Đề nghị bổ sung quy định xác định giá tính LPTB đối với xe tải, xe khách theo khung tiêu chí kỹ thuật, cụ thể: Đối với xe ô tô, xe máy là theo kiểu loại xe; đối với xe tải là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông; đối với xe khách là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, số người cho phép chở kể cả lái xe.

* Tác động tích cực: Thực hiện theo giải pháp này sẽ đảm bảo:

- Giải quyết được những hạn chế của của chính sách LPTB hiện hành; phù hợp với thực tế phát sinh, tạo thuận lợi cho người nộp thuế trong việc khai, nộp LPTB, tạo thuận lợi cho cơ quan thuế xác định giá tính LPTB được kịp thời, nhanh chóng, không ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tạo thuận lợi cho việc thực hiện khai, nộp LPTB qua mạng đối với xe tải, xe khách, từ đó góp phần cải cách thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện theo Nghị quyết số 19/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2015-2016 và Nghị quyết số 36a/NQ-CP về Chính phủ điện tử.

- Tạo thuận lợi trong việc xác định giá tính LPTB và điều chỉnh, bổ sung Bảng giá tính LPTB một cách kịp thời, nhanh chóng, chính xác, phù hợp với đặc điểm của từng loại tài sản, từ đó chống thất thu NSNN.

* Tác động tiêu cực: Tăng khối lượng công việc để nhập cơ sở dữ liệu xác định giá tính LPTB của cơ quan thuế.

đ) Kiến nghị và lựa chọn giải pháp

Sau khi nghiên cứu tác động của các giải pháp, để đảm bảo chính sách minh bạch, rõ ràng, tháo gỡ vướng mắc phát sinh hiện hành thì đề nghị chọn giải pháp 2.

2.4. Về giá tính LPTB đối với tài sản đã qua sử dụng

a) Xác định vấn đề

Theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định:

“4. Giá tính LPTB đối với tài sản thuộc đối tượng chịu LPTB đã qua sử dụng (trừ nhà, đất và tài sản nhập khẩu đã qua sử dụng) là giá trị còn lại tính theo thời gian sử dụng của tài sản.

Đối với ô tô, xe máy đã qua sử dụng mà chưa có trong Bảng giá tính LPTB thì giá tính LPTB là giá trị sử dụng còn lại của kiểu loại xe tương đương có giá tính LPTB trong nhóm kiểu loại xe đã có trong bảng giá tính LPTB.”

Quy định nêu trên sẽ dẫn đến hiểu nhầm là phải ban hành Bảng giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy đã qua sử dụng và chỉ được xác định giá tính LPTB theo giá của kiểu loại xe tương đương trong bảng giá. Đồng thời, quy định nêu trên được hiểu là áp dụng cả đối với tài sản mua theo phương thức xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân đã qua sử dụng trong khi tài sản này đã được quy định giá tính LPTB tại điểm b khoản 5 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP). Do đó, cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tránh cách hiểu khác trong việc triển khai thực hiện.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(c1) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành.

(c2) Giải pháp 2: Sửa lại quy định về giá tính LPTB đối với tài sản đã qua sử dụng như sau:

“4. Giá tính LPTB đối với tài sản thuộc đối tượng chịu LPTB đã qua sử dụng (trừ nhà, đất; tài sản đã qua sử dụng nhập khẩu; tài sản mua theo phương thức xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân đã qua sử dụng) là giá trị còn lại tính theo thời gian sử dụng của tài sản.

Đối với ô tô, xe máy đã qua sử dụng mà chưa có trong Bảng giá tính LPTB thì giá tính LPTB là giá trị sử dụng còn lại của ô tô, xe máy mới có cùng kiểu loại xe có giá tính LPTB tương đương trong nhóm kiểu loại xe đã có trong Bảng giá tính LPTB. Trường hợp chưa có giá tính LPTB của ô tô, xe máy mới có cùng kiểu loại trong Bảng giá tính LPTB thì giá tính LPTB của ô tô, xe máy đã qua sử dụng là giá trị còn lại của kiểu loại xe tương đương đã có giá tính LPTB trong Bảng giá tính LPTB.”

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

(d1) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành.

* Tác động tích cực: Không phát sinh nguồn lực nghiên cứu, sửa đổi bổ sung văn bản pháp luật do không thay đổi chính sách.

* Tác động tiêu cực: Dễ dẫn đến cách hiểu khác trong quá trình thực hiện, dẫn đến Bộ Tài chính phải ban hành Bảng giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy đã qua sử dụng, trong khi đã có cách tính đối với loại xe này dựa trên giá trị còn lại dựa theo thời hạn sử dụng tài sản.

(d2) Giải pháp 2: Sửa lại quy định về giá tính LPTB đối với tài sản đã qua sử dụng như sau:

“4. Giá tính LPTB đối với tài sản thuộc đối tượng chịu LPTB đã qua sử dụng (trừ nhà, đất; tài sản đã qua sử dụng nhập khẩu; tài sản mua theo phương thức xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân đã qua sử dụng) là giá trị còn lại tính theo thời gian sử dụng của tài sản.

Đối với ô tô, xe máy đã qua sử dụng mà chưa có trong Bảng giá tính LPTB thì giá tính LPTB là giá trị sử dụng còn lại của ô tô, xe máy mới có cùng kiểu loại xe có giá tính LPTB tương đương trong nhóm kiểu loại xe đã có trong Bảng giá tính LPTB. Trường hợp chưa có giá tính LPTB của ô tô, xe máy mới có cùng kiểu loại trong Bảng giá tính LPTB thì giá tính LPTB của ô tô, xe máy đã qua sử dụng là giá trị còn lại của kiểu loại xe tương đương đã có giá tính LPTB trong Bảng giá tính LPTB.”

* Tác động tích cực: Đảm bảo tính thống nhất trong quá trình thực hiện.

* Tác động tiêu cực: Qua đánh giá cho thấy giải pháp này không có tác động tiêu cực do đã có cách tính đối với loại xe này dựa trên giá trị còn lại dựa theo thời hạn sử dụng tài sản.

đ) Kiến nghị và lựa chọn giải pháp

Từ phân tích tác động tích cực và tiêu cực của từng giải pháp, để đảm bảo tính thống nhất, tránh hiểu nhầm, đề nghị thực hiện giải pháp 2.

2.5. Giá tính LPTB đối với tài sản mua theo phương thức xác lập tài sản thuộc sở hữu toàn dân

a) Xác định vấn đề

Tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được bổ sung tại Nghị định số 20/2019/NĐ-CP của Chính phủ) quy định:

“5. Giá tính LPTB đối với một số trường hợp:

...b) Giá tính LPTB đối với tài sản mua theo phương thức xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân (tài sản tịch thu) là giá trúng đấu giá đối với tài sản mua theo hình thức đấu giá hoặc giá do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với tài sản mua theo hình thức chỉ định hoặc hình thức niêm yết giá, bao gồm cả thuế nhập khẩu (nếu có), thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng (nếu có)”.

Theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý và sử dụng tài sản công thì việc bán đấu giá, chỉ định hoặc niêm yết giá trong quá trình xử lý tài sản công đều phải xuất hóa đơn bán tài sản công theo quy định.

Theo đó, quy định về giá tính LPTB đối với tài sản mua theo phương thức xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân là chưa phù hợp với quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về tài sản công.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(c1) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành.

(c2) Giải pháp 2: Sửa đổi quy định về giá tính LPTB đối với tài sản mua theo phương thức xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân như sau:

“Giá tính LPTB đối với tài sản mua theo phương thức xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân là giá trên hóa đơn bán tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.”

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

(d1) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành

* Tác động tích cực: Không phát sinh nguồn lực nghiên cứu, sửa đổi bổ sung văn bản pháp luật do không thay đổi chính sách.

* Tác động tiêu cực: chưa đảm bảo bao quát các trường hợp về xử lý tài sản công, chưa phù hợp với pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản công, dễ phát sinh vướng mắc khi thực hiện.

(d2) Giải pháp 2: Sửa đổi quy định về giá tính LPTB đối với tài sản mua theo phương thức xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân như sau:

“Giá tính LPTB đối với tài sản mua theo phương thức xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân là giá trên hóa đơn bán tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.”

* Tác động tích cực: đảm bảo đồng bộ với pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản công.

* Tác động tiêu cực: Qua đánh giá cho thấy giải pháp này không có tác động tiêu cực do đã đảm bảo bao quát các trường hợp về xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân theo pháp luật về tài sản công.

đ) Kiến nghị và lựa chọn giải pháp

Từ phân tích tác động tích cực và tiêu cực của từng giải pháp, để đảm bảo thống nhất với pháp luật về tài sản công, đề nghị thực hiện giải pháp 2.

3. Về quy định mức thu LPTB

3.1. Về mức thu LPTB đối với xe con pick-up

a) Xác định vấn đề

Tại điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định về mức thu LPTB lần đầu đối với ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống nộp LPTB.

Theo TCVN 7271:2003 và Tiêu chuẩn quốc gia sửa đổi 2:2010 TCVN 7271:2003 về Phương tiện giao thông đường bộ-ô tô-phân loại theo mục đích sử dụng thì ô tô pick-up được phân thành 2 loại: (i) Ô tô pick-up chở hàng; (ii) ô tô pick-up chở người và là xe ô tô con. Đối với ô tô pick-up chở người và là xe ô tô con: Trên Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và BVMT sẽ ghi là ô tô con hoặc ô tô con pick-up. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP thì mức thu LPTB lần đầu đối với loại xe này trong khung 10-15%. Tuy nhiên, do tại điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP chưa quy định cụ thể mức thu đối với loại xe này nên trong quá trình triển khai thực hiện gặp vướng mắc, khiếu nại của người dân. Do đó, cần nghiên cứu bổ sung mức thu LPTB đối với loại xe ô tô này để đảm bảo căn cứ pháp lý, rõ ràng trong thực hiện.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo căn cứ pháp lý để thực hiện.
- Đảm bảo phù hợp với quy định của Theo TCVN 7271:2003 và Tiêu chuẩn quốc gia sửa đổi 2:2010 TCVN 7271:2003 về Phương tiện giao thông đường bộ-ô tô-phân loại theo mục đích sử dụng.
- Đảm bảo chính sách rõ ràng, công bằng và thống nhất.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(c1) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành.

(c2) Giải pháp 2: Bổ sung quy định “Ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống (**bao gồm ô tô con pick-up**)” tại điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

(d1) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành.

* Tác động tích cực: Không phát sinh kinh phí nghiên cứu, sửa đổi văn bản pháp luật.

* Tác động tiêu cực:

- Chính sách không rõ ràng, gây khó khăn cho cơ quan thuế triển khai thực hiện.

(d2) Giải pháp 2: Bổ sung quy định “Ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống (***bao gồm ô tô con pick-up***)” tại điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP.

* Tác động tích cực:

- Đảm bảo chính sách rõ ràng, công bằng và thống nhất.
 - Đảm bảo tính thống nhất và phù hợp với thực tế.
 - Đảm bảo căn cứ pháp lý để thực hiện.
 - Đảm bảo phù hợp với quy định của Theo TCVN 7271:2003 và Tiêu chuẩn quốc gia sửa đổi 2:2010 TCVN 7271:2003 về Phương tiện giao thông đường bộ-ô tô-phân loại theo mục đích sử dụng.

* Tác động tiêu cực: Thực hiện theo giải pháp này sẽ không gây tác động tiêu cực do việc sửa đổi là nhằm làm cho quy định rõ ràng hơn.

đ) *Kiến nghị và lựa chọn giải pháp*: Trên cơ sở đánh giá tác động tiêu cực và tích cực của từng giải pháp, đề nghị thực hiện theo giải pháp 2.

3.2. Về quy định mức thu LPTB đối với ô tô pick-up chở hàng, ô tô tải VAN

a) Xác định vấn đề

Tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định:

“a) ...Ô tô vừa chở người, vừa chở hàng (Ô tô pick-up chở hàng) có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 1.500 kg và có từ 5 chỗ ngồi trở xuống, Ô tô tải VAN có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 1.500 kg nộp LPTB lần đầu với mức thu bằng 60% mức thu LPTB lần đầu đối với ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống.

b) Ô tô vừa chở người, vừa chở hàng (Ô tô pick-up chở hàng) có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 1.500 kg và có từ 5 chỗ ngồi trở xuống, Ô tô tải VAN có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 1.500 kg nộp LPTB lần hai với mức thu là 2% và áp dụng thống nhất trên toàn quốc.”

Theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 41:2019/BGTVT có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020 (thay thế QCVN 41:2016/BGTVT) thì ô tô pick-up, xe tải VAN có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông dưới 950 kg được xem là xe con (xe pick-up chở hàng, xe tải VAN có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông từ 950 kg trở lên được tính là xe tải). Ngoài ra, theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7271:2003 về phân loại ô tô theo mục đích sử dụng đối với ô tô chở người, ô tô chở hàng và ô tô chuyên

dùng thì: Ô tô pick-up chở hàng và ô tô tải VAN thuộc mục Ô tô chở hàng (ô tô tải), không có quy định về Ô tô vừa chở người, vừa chở hàng.

Việc quy định “Ô tô vừa chở người, vừa chở hàng” tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP là chưa thống nhất với quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7271:2003 và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 41:2019/BGTVT, dẫn đến khó khăn, vướng mắc cho cơ quan thuế trong việc xác định loại xe ô tô pick-up thuộc diện chịu LPTB do loại phương tiện ghi tại Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan đăng kiểm Việt Nam cấp không có loại xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thống nhất với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 41:2019/BGTVT và Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7271:2003.

- Tạo sự đồng bộ giữa công tác quản lý, đăng kiểm phương tiện giao thông đường bộ với công tác triển khai thu LPTB, đảm bảo thuận lợi, rõ ràng cho cơ quan thuế khi căn cứ hồ sơ đăng kiểm để xác định mức thu LPTB đối với ô tô pick-up, xe tải VAN.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(c1) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành.

(c2) Giải pháp 1: Sửa đổi quy định về khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông đối với ô tô pick-up, xe tải VAN từ “nhỏ hơn 1.500kg” thành “nhỏ hơn 950kg”, đồng thời bỏ cụm từ “Ô tô vừa chở người, vừa chở hàng” tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

(d1) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành.

* Tác động tích cực: Không phát sinh nguồn lực nghiên cứu, sửa đổi bổ sung văn bản pháp luật do không thay đổi chính sách.

* Tác động tiêu cực: không thống nhất quy định về ô tô pick-up thuộc mục Ô tô chở hàng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 41:2019/BGTVT và Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7271:2003, dẫn đến khó khăn, vướng mắc cho cơ quan thuế trong việc xác định loại xe ô tô pick-up thuộc diện chịu LPTB do loại phương tiện ghi tại Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan đăng kiểm Việt Nam cấp không có loại xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng.

(d2) Giải pháp 2: Sửa đổi quy định về khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông đối với ô tô pick-up, xe tải VAN từ “nhỏ hơn 1.500kg” thành “nhỏ hơn 950kg”, đồng thời bỏ cụm từ “Ô tô vừa chở người, vừa chở hàng” tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP.

* Tác động tích cực: Thống nhất quy định về ô tô pick-up thuộc mục Ô tô chở hàng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 41:2019/BGTVT và Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7271:2003, tạo thuận lợi cho cơ quan thuế trong triển khai thu LPTB đối với ô tô chở hàng.

* Tác động tiêu cực: Có thể giảm thu NSNN do giảm tiêu chuẩn về khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông đối với ô tô pick-up, xe tải VAN. Tuy nhiên, quy định này là đảm bảo công bằng vì xe pick-up chở hàng, xe tải VAN có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông từ 950 kg trở lên được xác định là xe tải.

đ) Kiến nghị và lựa chọn giải pháp

Từ phân tích tác động tích cực và tiêu cực của từng giải pháp, để đảm bảo tính thống nhất, tránh vướng mắc về việc xác định xe ô tô chở hàng thuộc diện chịu LPTB, đề nghị thực hiện giải pháp 2.

3.2. Về quy định mức thu LPTB đối với xe ô tô điện chạy pin

a) Xác định vấn đề

Ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu đang là vấn đề toàn cầu. Chất lượng môi trường không khí nói chung và tại các đô thị lớn nói riêng chịu ảnh hưởng xấu do phát sinh bụi, khí thải từ các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, giao thông vận tải... Trong đó, khí thải từ các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lượng phát thải gây ô nhiễm môi trường không khí đô thị. Bên cạnh đó, việc gia tăng nhanh chóng số lượng xe ô tô sử dụng nhiên liệu gốc hóa thạch trong những năm gần đây là tác nhân lớn gây ra ô nhiễm không khí ngày càng trầm trọng, đặc biệt tại 02 thành phố lớn là Hà Nội và Hồ Chí Minh (thường được ghi nhận có nhiều ngày trong năm ô nhiễm ở mức báo động và nằm trong danh sách các thành phố ô nhiễm không khí).

Phương tiện chạy bằng nhiên liệu hóa thạch (xăng, dầu) ở Việt Nam ngày càng gia tăng nhanh chóng, thể hiện qua số liệu về tổng số xe ô tô chạy xăng, dầu bán ra tại thị trường Việt Nam các năm gần đây như sau: năm 2017 là 303.000 chiếc, năm 2018 là 352.000 chiếc, năm 2019 là 426.000 chiếc, năm 2020 là 416.000 chiếc (trong đó: xe ô tô sản xuất trong nước năm 2017 là 225.000 chiếc, năm 2018 là 279.000 chiếc, năm 2019 là 293.000 chiếc, năm 2020 là 306.000 chiếc; xe ô tô nhập khẩu chiếm khoảng 25-29% tổng số xe bán ra tại thị trường Việt Nam). *Nguồn số liệu: Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA).*

Trong khi đó ở Việt Nam hiện nay, nhìn chung, các dòng xe ô tô điện chưa phổ biến, trong nước chưa có sản xuất xe ô tô điện và mới bắt đầu có nhập khẩu xe ô tô điện trong vài năm gần đây. Theo Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam tính đến hết năm 2020, số lượng xe ô tô điện chạy pin bán ra trên thị trường khoảng trên 130 chiếc. Như vậy, Việt Nam có thể hứa hẹn là một thị trường tiềm năng cho ngành công nghiệp xe ô tô điện chạy pin nếu có chính sách hỗ trợ ưu đãi phù hợp và có doanh nghiệp đầu tư bài bản, đồng bộ.

Để góp phần bảo vệ môi trường và đón đầu xu thế chung của ngành công nghiệp ô tô, nhiều ý kiến nhận định cho rằng thời điểm hiện nay đối với ngành ô tô điện chạy pin thì xuất phát điểm giữa Việt Nam và các quốc gia ASEAN là gần như tương tự nhau. Vì vậy, cơ hội để thu hút các dự án đầu tư sản xuất, lắp ráp ô tô điện chạy pin của Việt Nam là rất tiềm năng nếu Nhà nước sớm ban hành các chính sách ưu đãi, hỗ trợ hơn nữa cho ngành này phát triển, trong đó có chính sách LPTB.

Kinh nghiệm các nước cho thấy, để khuyến khích việc sản xuất và sử dụng xe ô tô điện chạy pin, một số nước đã thực hiện miễn lệ phí đăng ký phương tiện hoặc thuế phương tiện đối với xe ô tô điện chạy pin như Cộng hòa Síp, Hy Lạp, Hungary, Hà Lan, Ba Lan, Ai Sô Len, Latvia, Tây Ban Nha; một số nước giảm hoặc thu ở mức thấp như Trung Quốc (giảm 50%); Pháp (giảm từ 50% -100% tùy từng địa phương); Phần Lan (thu ở mức thấp 2,7% - xe chạy xăng mức cao nhất là 48,9%), Slovakia (thu ở mức thấp nhất là 33 Euro), Lúc-xăm-bua (thu ở mức thấp nhất là 30 Euro); một số nước chỉ áp dụng dụng chính sách ưu đãi LPTB ở một số địa phương như Bỉ, Úc (một số bang miễn, một số bang thu ở mức thấp); một số nước không áp dụng chính sách ưu đãi LPTB như Áo, Séc, Anh, Colombia, Đan Mạch (Đan Mạch có áp dụng ưu đãi LPTB đối với xe ô tô điện chạy pin trước năm 2020, cụ thể: năm 2017 được giảm 60%, năm 2018 được giảm 35%, năm 2019 được giảm 10%).

Tại khoản 7 Điều 65 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có quy định như sau: *“7. Chính phủ ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích phát triển phương tiện giao thông công cộng, phương tiện giao thông sử dụng năng lượng tái tạo, mức tiêu hao nhiên liệu thấp, phát thải thấp hoặc không phát thải; lộ trình chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường.”*

Tại điểm 3 Thông báo số 135/TB-VPCP ngày 29/5/2021 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại cuộc họp về kiến nghị của Tập đoàn Vingroup về chính sách khuyến khích sản xuất và kích thích người tiêu dùng sử dụng xe ô tô điện thân thiện với môi trường, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái chỉ đạo:

“3. Về kiến nghị trước mắt áp dụng thí điểm chính sách ưu đãi về thuế tiêu thụ đặc biệt (TTDB) và lệ phí trước bạ (LPTB) trong 5 năm theo đề xuất của Vingroup: Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải và VCCI, tiếp thu đầy đủ các ý kiến tại cuộc họp, tổng hợp, hoàn thiện lại nội dung đánh giá về đề xuất của Tập đoàn Vingroup, trong đó cần làm rõ sự cần thiết, đánh giá và hướng xử lý cụ thể phù hợp với thẩm quyền và quy định của pháp luật (các văn bản pháp luật cần ban hành hay sửa đổi, bổ sung, tiến độ thực hiện, thời hạn trình các cấp có thẩm quyền...), báo cáo Thủ tướng Chính phủ”.

Vì vậy, triển khai thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái, nhằm khuyến khích việc sản xuất và sử dụng ô tô điện chạy pin, từ đó góp phần giảm thiểu lượng khí thải của các phương tiện giao thông, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái thì cần thiết nghiên cứu quy định mức LPTB ưu đãi đối với xe ô tô điện chạy pin.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển ngành công nghiệp ô tô, trong đó có phát triển các dòng xe thân thiện môi trường.

- Góp phần thực hiện mục tiêu phát triển xanh, bền vững, đảm bảo phù hợp xu hướng quốc tế.

- Góp phần khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất xe ô tô điện chạy pin, đảm bảo cung ứng xe ô tô chạy pin cho thị trường Việt Nam trong thời gian tới.

- Khuyến khích người tiêu dùng sử dụng xe ô tô điện chạy pin, từ đó góp phần giảm lượng khí thải phát tán ra môi trường của phương tiện giao thông, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(c1) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành.

(c2) Giải pháp 2: Ô tô điện chạy pin nộp LPTB với mức thu lần đầu bằng 0% trong vòng 3 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; Trong vòng 2 năm tiếp theo kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành: nộp LPTB lần đầu với mức thu bằng 50% mức thu đối với ô tô chạy xăng, dầu có cùng số chỗ ngồi.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

(d1) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành (*Ô tô điện chạy pin nộp LPTB bằng mức thu LPTB đối với ô tô cùng loại*)

* Tác động tích cực:

- Không gây tác động đến NSNN. LPTB là nguồn thu 100% ngân sách địa phương. Việc giữ nguyên mức thu như hiện hành thì sẽ góp phần đảm bảo nguồn thu ngân sách địa phương để phục vụ chi cho phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Về sử dụng năng lượng: Thực hiện theo giải pháp này thì sản lượng xe ô tô điện sẽ khó tăng lên đột biến, do đó nhu cầu điện năng phục vụ xe điện sẽ không lớn nên không gây áp lực sản xuất điện năng.

- Về hạ tầng giao thông: Trước mắt sẽ chưa phát sinh nhiều chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông cho xe điện. Nhưng về lâu dài khi xu hướng dùng xe điện thay thế xe truyền thống phát triển dẫn đến nhu cầu xe điện tăng thì vẫn cần thiết bổ sung hạ tầng giao thông giành cho ô tô điện.

* Tác động tiêu cực:

- Chưa góp phần khuyến khích tiêu dùng sử dụng xe ô tô điện chạy pin thay thế ô tô chạy bằng xăng truyền thống, từ đó không thực hiện được góp phần giảm lượng khí thải phát tán ra môi trường của phương tiện giao thông và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Chưa góp phần khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất xe ô tô điện chạy pin.

- Chưa phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển ngành công nghiệp ô-tô, trong đó có phát triển các dòng xe thân thiện môi trường để hướng tới phát triển xanh, bền vững; cũng như không phù hợp với xu hướng của thế giới trong việc khuyến khích phát triển, sử dụng loại xe thân thiện với môi trường.

(d2) Giải pháp 2: Ô tô điện chạy pin nộp LPTB với mức thu lần đầu bằng 0% trong vòng 3 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; Trong vòng

2 năm tiếp theo kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành: nộp LPTB lần đầu với mức thu bằng 50% mức thu đối với ô tô chạy xăng, dầu có cùng số chỗ ngồi.

* Tác động tích cực:

- Đối với người tiêu dùng:

LPTB là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân có tài sản thuộc đối tượng chịu LPTB phải nộp khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và người tiêu dùng là người phải nộp khoản LPTB. Việc quy định ưu đãi mức thu LPTB đối với ô tô điện chạy pin sẽ làm giảm chi phí đăng ký sở hữu xe ô tô, từ đó kích thích người tiêu dùng lựa chọn loại phương tiện này.

- Đối với doanh nghiệp:

Việc quy định ưu đãi mức thu LPTB đối với ô tô điện chạy pin sẽ kích thích người tiêu dùng sử dụng loại phương tiện này, từ đó hỗ trợ các nhà phân phối đẩy mạnh tiêu thụ dòng xe thân thiện với môi trường và góp phần giúp doanh nghiệp yên tâm tiếp tục đầu tư sản xuất, lắp ráp ô tô điện chạy pin.

Đặc biệt, với lĩnh vực sản xuất, lắp ráp ô tô điện chạy pin hiện đang là lĩnh vực mới, còn trong giai đoạn đầu phát triển, việc thực hiện chính sách ưu đãi mức thu LPTB đối với ô tô điện chạy pin sẽ gián tiếp góp phần thúc đẩy ngành sản xuất, lắp ráp ô tô điện chạy pin phát triển, đảm bảo cung ứng xe ô tô chạy pin cho thị trường Việt Nam và xuất khẩu trong thời gian tới.

- Đối với kinh tế - xã hội:

Thông qua việc quy định ưu đãi mức thu LPTB đối với ô tô điện chạy pin sẽ góp phần kích cầu tiêu dùng ô tô điện chạy pin, gián tiếp tạo động lực thúc đẩy phát triển ngành sản xuất, lắp ráp ô tô điện chạy pin trong nước, hướng đến mục tiêu đưa ngành sản xuất ô tô trong nước trở thành ngành kinh tế chủ lực, hướng đến xuất khẩu. Từ đó, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đảm bảo an sinh xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Đối với môi trường:

So với ô tô truyền thống, loại xe ô tô điện chạy pin có ưu điểm vượt trội là không sử dụng nhiên liệu xăng, khí (nhiên liệu hóa thạch) từ đó góp phần làm giảm lượng khí thải phát tán ra môi trường của phương tiện giao thông, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, hướng tới phát triển xanh, bền vững.

- Phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển ngành công nghiệp ô tô, trong đó có phát triển các dòng xe thân thiện môi trường:

Tại khoản 7 Điều 65 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có quy định như sau: *“7. Chính phủ ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích phát triển phương tiện giao thông công cộng, phương tiện giao thông sử dụng năng lượng tái tạo, mức tiêu hao nhiên liệu thấp, phát thải thấp hoặc không phát thải; lộ trình chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường.”*

Tại Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 16/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô-tô Việt Nam đến năm

2025, tầm nhìn đến năm 2035 định hướng tập trung vào phát triển các dòng xe thân thiện môi trường với các giải pháp:

“- Nghiên cứu, rà soát, cải cách các chính sách thuế, phí (thuế nhập khẩu xe nguyên chiếc và linh, phụ kiện; thuế tiêu thụ đặc biệt...) bảo đảm khả thi và ổn định lâu dài, phù hợp với các cam kết quốc tế trong quá trình hội nhập.

- Hoàn thiện đồng bộ các cơ chế, chính sách liên quan nhằm đạt được những mục tiêu phát triển của công nghiệp ô tô, đặc biệt đối với những dự án đầu tư sản xuất thân thiện môi trường.”

Tại Quyết định số 1211/QĐ-TTg ngày 24/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp ô-tô Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã đưa ra giải pháp như sau: *“Rà soát, điều chỉnh chính sách thuế, phí theo hướng tạo điều kiện phát triển ngành công nghiệp ô tô để đáp ứng nhu cầu sử dụng ô tô của nền kinh tế và của người dân, đồng bộ với phát triển của hạ tầng giao thông và yêu cầu bảo vệ môi trường.”*

- Phù hợp với xu hướng của thế giới về phát triển, sử dụng xe ô tô thân thiện với môi trường thay thế ô tô sử dụng nhiên liệu hóa thạch nhằm bảo vệ môi trường.

* Tác động tiêu cực:

- Đối với NSNN: Theo thống kê các năm gần đây thì số thu LPTB đối với ô tô chiếm tỷ trọng cao trong tổng thu LPTB. Tỷ trọng số thu LPTB đối với ô tô trong tổng thu LPTB năm 2020 chiếm khoảng 79%. Trường hợp quy định mức thu LPTB 0% đối với xe ô tô điện chạy pin thì việc người tiêu dùng lựa chọn xe chạy pin thay thế ô tô truyền thống, dẫn đến số thu thuế LPTB đối với các dòng xe ô tô truyền thống sẽ giảm, trong khi lại không thu được từ xe ô tô điện chạy pin, từ đó sẽ gây áp lực cho cân đối NSNN của địa phương. Đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid và phải thực hiện nhiều giải pháp để hỗ trợ nền kinh tế thì việc giảm nguồn thu NSNN sẽ áp lực đối với NSNN để phục vụ phát triển kinh tế, đảm bảo ổn định xã hội là rất khó khăn.

Theo Vinfast, kế hoạch bán xe ô tô điện chạy pin (sản xuất trong nước) năm 2022 là khoảng 9.500 xe với giá bán bình quân khoảng 600 triệu đồng (chưa bao gồm pin). Theo đó, trường hợp thực hiện theo giải pháp này thì dự kiến sản lượng tiêu thụ xe ô tô điện chạy pin là 19.000 xe (gấp đôi kế hoạch của Vinfast), với mức thu LPTB bình quân khoảng 11% thì giảm thu NSNN khoảng 1.254 tỷ đồng/năm trong 3 năm đầu thực hiện chính sách mức thu LPTB 0% đối với xe ô tô điện chạy pin. Theo Bộ Tài chính đánh giá thì việc số lượng xe ô tô điện được tiêu thụ tăng lên cũng có thể khiến doanh số xe ô tô truyền thống giảm tương ứng với mức 19.000 xe với mức giá và mức thu LPTB tương đương, từ đó khiến giảm thu NSNN thêm khoảng 1.254 tỷ đồng (Tổng mức giảm thu NSNN khoảng 2.508 tỷ đồng/năm). Từ năm thứ 4 đến hết năm thứ 5 kể từ ngày Nghị định có hiệu lực thi hành, với việc thực hiện mức thu LPTB bằng 50% mức thu đối với ô tô chạy xăng, dầu có cùng số chỗ ngồi, giả thiết mức tiêu thụ ô tô điện chạy pin và ô tô truyền thống không thay đổi thì tổng mức giảm thu NSNN khoảng 1.881 tỷ đồng/năm.

- Đối với hạ tầng giao thông: Để phát triển xe ô tô điện chạy pin đòi hỏi cần có hệ thống giao thông kèm theo như: mạng lưới trạm sạc điện, điểm đỗ xe tĩnh, quỹ đất để bố trí trạm sạc cho xe ô tô điện chạy pin... Hiện tại, Việt Nam hầu như chưa có hệ thống hạ tầng giao thông đường bộ cho xe ô tô điện chạy pin: thiếu trạm sạc cho xe ô tô điện chạy pin, thiếu điểm đỗ xe tĩnh, quỹ đất để bố trí trạm sạc cho xe điện. Do đó, khi phát triển xe ô tô điện chạy pin thì sẽ cần phải có lộ trình xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông cho xe ô tô điện chạy pin.

- Về xử lý pin xe ô tô điện: Các vật liệu được sử dụng trong pin như lithium, đồng và niken là có hại cho môi trường. Việc khai thác và chế biến các kim loại lithium, đồng và niken đòi hỏi nhiều năng lượng và có thể giải phóng các hợp chất độc hại. Bên cạnh đó, việc thu hồi và xử lý pin xe ô tô điện cũng là một vấn đề cần đặt ra khi phát triển xe ô tô điện chạy pin. Theo đó, cần phải xây dựng các chế tài cụ thể hoặc các quy định về việc xử lý các sản phẩm thải bỏ của xe ô tô điện chạy pin.

đ) Kiến nghị và lựa chọn giải pháp

Trên cơ sở phân tích nêu trên cho thấy các vấn đề cần đặt ra khi thực hiện phát triển ngành công nghiệp ô tô điện tại Việt Nam gồm: xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng giao thông, trạm sạc điện cho ô tô điện; vấn đề tác động đến môi trường từ quá trình sản xuất và sử dụng xe điện; áp lực đến các nhà máy điện trong nước. Ngoài ra, do tính năng của xe ô tô điện chạy pin không được như xe ô tô chạy xăng dầu, cùng với các vấn đề về hạ tầng giao thông, giá cả của xe ô tô điện và các vấn đề về xử lý pin xe ô tô điện sẽ phần nào tác động đến tâm lý e ngại của người dân trong việc sử dụng xe ô tô điện chạy bằng pin.

Do đó, để phát triển ngành sản xuất xe ô tô điện ở Việt Nam thì bên cạnh cách giải pháp ưu đãi về chính sách thuế, phí đối với xe ô tô điện chạy pin (giảm thuế suất thuế TTDB, giảm mức thu LPTB,...) thì cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp khác như: Phát triển cơ sở hạ tầng cho xe điện (trạm sạc điện, hạ tầng giao thông, quỹ đất để bố trí trạm sạc...); Phát triển các nguồn năng lượng tái tạo để cung cấp điện sạch cho các trạm sạc điện; Ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về xe điện, trạm sạc xe điện; Xây dựng các quy định về xử lý các sản phẩm thải bỏ của xe điện để tránh tác động đến môi trường,...

Như vậy, giải pháp giảm mức thu LPTB đối với ô tô điện chạy pin chỉ là 1 trong các giải pháp cần thực hiện để phát triển sản xuất và sử dụng ô tô điện chạy pin. Theo đó, việc lựa chọn giải pháp 2 là hợp lý, đảm bảo phù hợp với mục tiêu giải quyết vấn đề (đảm bảo việc ưu đãi đối với xe ô tô điện chạy pin; tránh ảnh hưởng lớn đến thu NSNN, đặc biệt là ngân sách địa phương).

4. Về miễn LPTB

4.1. Về miễn LPTB đối với tàu thủy, thuyền, tàu thu gom rác

a) Xác định vấn đề

Tại khoản 27 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định miễn LPTB đối với “27. Tàu thủy, thuyền không có động cơ, trọng tải toàn phần đến 15 tấn; tàu thủy, thuyền có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa; tàu thủy,

thuyền có sức chở người đến 12 người; tàu thủy, thuyền chở khách tốc độ cao và tàu thủy, thuyền vận tải công-ten-nơ.”

- Tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06/9/2016 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa có định nghĩa “Tàu khách cao tốc (Tàu cao tốc chở khách)”, như vậy chưa có sự thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật.

- Theo phản ánh của địa phương (thành phố Cần Thơ) thì trên thực tế phát sinh loại phương tiện Tàu thu gom tự động rác nổi trên sông. Tại Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa Cục Đăng kiểm Việt Nam xác định đây thuộc loại “Tàu khác”, được cố định một chỗ, không đảm bảo bị trôi dạt, thu gom rác thải trên đường thủy nội địa. Loại phương tiện này có thể coi là một loại xe chuyên dùng với mục đích chính là thu gom rác thải trên đường thủy nội địa, trong khi các loại xe ô tô chở rác được hưởng chính sách miễn LPTB thì chính sách LPTB hiện hành chưa có quy định. Do đó, chưa có sự công bằng với “xe chở rác”. Theo đó, để phù hợp với thực tế phát sinh, đảm bảo công bằng với các loại xe ô tô chở rác, cần quy định miễn LPTB đối với “Tàu thu gom rác”.

- Ngoài ra, quy định miễn LPTB tại khoản 27 là chỉ nhằm ưu đãi đối với các loại tàu, thuyền nhỏ di chuyển trên đường thủy nội địa do cơ quan quản lý giao thông vận tải cấp huyện, xã cấp đăng ký và việc miễn LPTB đối với tàu khách tốc độ cao, tàu thủy, thuyền vận tải công-ten-nơ là theo quy định tại Quyết định số 45/2015/QĐ-TTg ngày 05/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích giao thông vận tải đường thủy nội địa. Theo đó, tại Thông tư số 301/2016/TT-BTC đã hướng dẫn “Các phương tiện nêu trên được xác định theo quy định của Luật giao thông đường thủy nội địa và các văn bản hướng dẫn thi hành”. Vì vậy, cần bổ sung quy định tại Nghị định để đảm bảo cơ sở pháp lý thực hiện.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất giữa các văn bản QPPL.
- Đảm bảo cơ sở pháp lý, tránh vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.
- Đảm bảo công bằng với đối với các loại phương tiện dùng cho mục đích thu gom rác.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(c1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

(c2) Giải pháp 2: Sửa đổi quy định về miễn LPTB đối với một số loại tàu thủy, thuyền như sau:

“Tàu thủy, thuyền không có động cơ, trọng tải toàn phần đến 15 tấn; tàu thủy, thuyền có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa; tàu thủy, thuyền có sức chở người đến 12 người; ~~tàu thủy, thuyền chở khách tốc độ cao~~ Tàu khách cao tốc (Tàu cao tốc chở khách), tàu thu gom rác và tàu thủy, thuyền vận tải công-ten-nơ. Các phương tiện nêu trên được xác định theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và các văn bản hướng dẫn thi hành

(kể cả vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, thân máy (block) tương ứng lắp thay thế vào các loại phương tiện này).”

d) *Đánh giá tác động của các giải pháp*

(d1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

* Tác động tích cực:

+ Chính sách được ổn định, không phát sinh nguồn lực sửa đổi văn bản pháp luật do không thay đổi chính sách.

+ Không làm giảm thu NSNN.

* Tác động tiêu cực:

Thực hiện theo phương án này thì không giải quyết được vướng mắc hiện hành; Không đồng bộ và phù hợp với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Dễ dẫn đến khó khăn cho cơ quan thuế khi thực hiện do chính sách quy định không rõ ràng.

- Không đảm bảo công bằng giữa các phương tiện có cùng mục đích thu gom rác.

(d2) Giải pháp 2: “Tàu thủy, thuyền không có động cơ, trọng tải toàn phần đến 15 tấn; tàu thủy, thuyền có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa; tàu thủy, thuyền có sức chở người đến 12 người; ~~tàu thủy, thuyền chở khách tốc độ cao~~ Tàu khách cao tốc (Tàu cao tốc chở khách), tàu thu gom rác và tàu thủy, thuyền vận tải công-ten-nơ. Các phương tiện nêu trên được xác định theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và các văn bản hướng dẫn thi hành (kể cả vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, thân máy (block) tương ứng lắp thay thế vào các loại phương tiện này).”

* Tác động tích cực:

- Đảm bảo sự đồng bộ và phù hợp với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, tránh vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện;

- Chính sách minh bạch, rõ ràng sẽ góp phần tạo thuận lợi cho cơ quan quản lý và người nộp thuế thực hiện.

- Đối với xã hội: Đảm bảo công bằng với đối với các loại phương tiện dùng cho mục đích thu gom rác.

* Tác động tiêu cực: Làm giảm thu NSNN nhưng mức giảm không nhiều.

đ) *Kiến nghị và lựa chọn giải pháp*

Sau khi nghiên cứu tác động của các giải pháp đề nghị chọn giải pháp 2.

4.2. Về miễn LPTB đối với tài sản đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng của hộ gia đình

a) *Xác định vấn đề*

Tại điểm c khoản 16 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định miễn LPTB đối với: “c) *Tài sản đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng của hộ gia đình khi phân chia tài sản đó theo quy định của pháp luật cho các thành viên hộ gia đình đăng ký lại.*”

Hiện nay, đối với tài sản của hộ gia đình thì trên hóa đơn không ghi cấp cho hộ gia đình mà ghi tên toàn bộ thành viên gia đình hoặc từng thành viên gia đình. Theo Luật hôn nhân và gia đình chỉ có khái niệm “thành viên gia đình”, không có khái niệm “thành viên hộ gia đình”. Bên cạnh đó, thực tế phát sinh trường hợp vợ chồng sau khi kết hôn có nhu cầu hợp nhất lại tài sản thì chưa có hướng dẫn về miễn LPTB hay không. Đồng thời, chưa có quy định về miễn LPTB đối với trường hợp bất động sản do vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân được xác định là tài sản chung của vợ chồng, khi ly hôn được phân chia theo thỏa thuận hoặc do tòa án phán quyết.

Trong khi đó, pháp luật về thuế TNCN quy định bất động sản do vợ hoặc chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân được xác định là tài sản chung của vợ chồng, khi ly hôn được phân chia theo thỏa thuận hoặc do tòa án phán quyết thì việc phân chia tài sản này thuộc diện được miễn thuế TNCN.

Do đó, để đảm bảo phù hợp với quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, đảm bảo quyền lợi của vợ, chồng hợp nhất tài sản khi kết hôn và phân chia tài sản sau khi ly hôn, tương tự như trường hợp chia, tách, hợp nhất, sát nhập công ty cũng được miễn LPTB, đề nghị sửa đổi quy định tại điểm c khoản 16 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo phù hợp với quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.
- Đảm bảo quyền lợi của vợ, chồng trong việc hợp nhất tài sản khi kết hôn và phân chia tài sản sau khi ly hôn.
- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các chính sách thuế trong hệ thống thuế.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(c1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

(c2) Giải pháp 2: Đề nghị sửa đổi quy định tại điểm c khoản 16 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP như sau: “*c) Tài sản đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng chung của hộ gia đình hoặc của các thành viên gia đình khi phân chia tài sản đó theo quy định của pháp luật cho các thành viên gia đình đăng ký lại; Tài sản hợp nhất của vợ chồng sau khi kết hôn; Tài sản phân chia cho vợ, chồng khi ly hôn theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.*”

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

(d1) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

* Tác động tích cực: Chính sách được ổn định, không phát sinh nguồn lực sửa đổi văn bản pháp luật do không thay đổi chính sách.

* Tác động tiêu cực:

- Thực hiện theo giải pháp này thì chưa đảm bảo phù hợp với quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, gây khó khăn trong

quá trình thực hiện. Đồng thời, chưa đảm bảo quyền lợi của vợ, chồng sau khi ly hôn, không giải quyết được tồn tại như nêu trên.

- Chưa đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các chính sách thuế trong hệ thống thuế.

(d2) Giải pháp 2: Đề nghị sửa đổi quy định tại điểm c khoản 16 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP như sau: “*c) Tài sản đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng chung của hộ gia đình hoặc của các thành viên gia đình khi phân chia tài sản đó theo quy định của pháp luật cho các thành viên gia đình đăng ký lại; Tài sản hợp nhất của vợ chồng sau khi kết hôn; Tài sản phân chia cho vợ, chồng khi ly hôn theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.*”

* Tác động tích cực:

- Đảm bảo phù hợp với quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.

- Đảm bảo quyền lợi của hộ gia đình và quyền lợi của vợ, chồng hợp nhất tài sản khi kết hôn và phân chia tài sản sau khi ly hôn, tương tự như trường hợp chia, tách, hợp nhất, sát nhập công ty cũng được miễn LPTB.

- Đối với hệ thống pháp luật: Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các chính sách thuế trong hệ thống thuế.

- Đối với xã hội: Thực hiện theo phương án này sẽ đảm bảo quyền lợi giữa vợ và chồng như nhau trong việc hợp nhất hay phân chia tài sản trước, sau khi kết hôn nhân và sau khi ly hôn. Từ đó, góp phần hạn chế tranh chấp quyền lợi cá nhân giữa các bên. Do đó, cũng sẽ được sự đồng thuận của xã hội.

- Đánh giá tác động về giới: Chính sách này đảm bảo công bằng về quyền lợi giữa vợ và chồng nên không có sự phân biệt về giới.

* Tác động tiêu cực: Qua đánh giá cho thấy nếu thực hiện theo phương án này sẽ không gây tác động tiêu cực do đây là giải pháp đảm bảo quyền lợi công bằng giữa vợ và chồng, tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện.

đ) Kiến nghị và lựa chọn giải pháp

Sau khi nghiên cứu tác động của các giải pháp đề nghị chọn giải pháp 2.

4.3. Về miễn LPTB đối với tài sản được cấp lại giấy chứng nhận do mất, rách, nát, ố, nhòe, hư hỏng

a) Xác định vấn đề

Tại điểm d khoản 16 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định miễn LPTB đối với tài sản được cấp lại giấy chứng nhận do mất, rách, nát, ố, nhòe, hư hỏng. Cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng cho tổ chức, cá nhân khi có đề nghị.

Thực hiện theo quy định trên thì cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng cho tổ chức, cá nhân khi có đề nghị, theo đó, người sở hữu tài sản không phải thực hiện kê khai và làm các thủ tục để được miễn LPTB vì thực chất đây chỉ là cấp lại giấy chứng nhận, các thông tin liên

quan đến tài sản và chủ sở hữu tài sản là không thay đổi nên không phát sinh nghĩa vụ tài chính khi cấp giấy chứng nhận. Tuy nhiên quy định tại Nghị định số 140/2016/NĐ-CP là chưa rõ ràng nên cơ quan công an vẫn yêu cầu có giấy tờ về LPTB mới cấp lại giấy chứng nhận.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

Rõ ràng, thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện, tránh phiền hà cho người nộp thuế.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(c1) Giải pháp 1: Đề nghị thay quy định “Cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng cho tổ chức, cá nhân khi có đề nghị” bằng quy định “Tổ chức, cá nhân không phải kê khai, làm thủ tục miễn LPTB khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp này.”

(c2) Giải pháp 2: Giữ nguyên như hiện hành.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

(d1) Giải pháp 1: Đề nghị thay quy định “Cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng cho tổ chức, cá nhân khi có đề nghị” bằng quy định “Tổ chức, cá nhân không phải kê khai, làm thủ tục miễn LPTB khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp này.”

** Tác động tích cực:*

Tránh hiểu nhầm là người xin cấp lại giấy chứng nhận phải làm hồ sơ miễn LPTB mới được cấp lại giấy chứng nhận, tạo sự hài lòng cho người dân khi thực hiện các thủ tục hành chính về cấp lại giấy chứng nhận.

* Tác động tiêu cực: Việc quy định rõ ràng sẽ tạo thuận lợi cho người dân và cơ quan thuế nên sẽ không gây tác động tiêu cực cả mặt xã hội hay quản lý.

(d2) Giải pháp 2: Giữ nguyên như hiện hành.

* Tác động tích cực: Việc giữ nguyên như hiện hành tạo cách hiểu khác nên không có tác động tích cực.

** Tác động tiêu cực:*

Gây hiểu nhầm là người xin cấp lại giấy chứng nhận phải làm hồ sơ miễn LPTB mới được cấp lại giấy chứng nhận, chưa tạo thuận lợi cho người dân trong việc đề nghị cấp lại giấy chứng nhận.

đ) Kiến nghị và lựa chọn giải pháp

Để đảm bảo việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với các tài sản này được thuận lợi, tránh gây thủ tục phiền hà cho người nộp thuế phải làm hồ sơ miễn LPTB mới được cấp lại giấy chứng nhận, đề nghị sửa quy định trên như sau:

“d) Tài sản của tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng khi được cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng tài sản do giấy chứng nhận bị mất, rách nát, ố, nhòe, hư hỏng. Tổ chức, cá nhân không phải kê khai, làm thủ tục miễn LPTB khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền

cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp này. Cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng cho tổ chức, cá nhân khi có đề nghị.”

5. Về khai, nộp LPTB

a) Xác định vấn đề

Tại Điều 10 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 20/2016/NĐ-CP) quy định về khai, thu, nộp LPTB.

Các nội dung về khai, nộp LPTB đã được quy định tại pháp luật về quản lý thuế. Bên cạnh đó, trong thời gian vừa qua việc sử dụng dữ liệu nộp LPTB điện tử được Tổng cục Thuế ký số là một trong những căn cứ để giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản như chứng từ bản giấy.

Do đó, cần có quy định việc khai, nộp LPTB sẽ được thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, và bổ sung quy định dữ liệu nộp LPTB điện tử được ký số cũng là căn cứ để giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản như chứng từ giấy để đảm bảo thống nhất thực hiện việc khai, nộp LPTB theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, đảm bảo cơ sở pháp lý của việc sử dụng dữ liệu nộp LPTB điện tử được ký số cũng là căn cứ để giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật về LPTB với pháp luật về quản lý thuế.

- Đảm bảo căn cứ cho việc triển khai, thu, nộp LPTB điện tử.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(c1) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành.

(c2) Giải pháp 2: Sửa đổi quy định việc khai, thu, nộp LPTB sẽ được thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, đồng thời bổ sung quy định ký số và truyền dữ liệu điện tử nộp LPTB như sau:

“Tổ chức, cá nhân khai, nộp LPTB theo quy định của pháp luật về quản lý thuế khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Dữ liệu điện tử nộp LPTB được Tổng cục Thuế ký số có giá trị như chứng từ bản giấy để giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.”

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

(d1) Giải pháp 1: Giữ như hiện hành.

* Tác động tích cực: Không phát sinh nguồn lực cho việc sửa đổi, bổ sung chính sách do chính sách không thay đổi.

* Tác động tiêu cực:

- Không đảm bảo đồng bộ với pháp luật về quản lý thuế.

- Không đảm bảo tính pháp lý cũng như căn cứ để triển khai thu, nộp LPTB điện tử.

(d2) Giải pháp 2: Sửa đổi quy định việc khai, thu, nộp LPTB sẽ được thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, đồng thời bổ sung quy định ký số và truyền dữ liệu điện tử nộp LPTB như sau:

“Tổ chức, cá nhân khai, nộp LPTB theo quy định của pháp luật về quản lý thuế khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Dữ liệu điện tử nộp LPTB được Tổng cục Thuế ký số có giá trị như chứng từ bản giấy để giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.”

* Tác động tích cực:

- Đảm bảo đồng bộ với pháp luật về quản lý thuế.
- Đảm bảo tính pháp lý cũng như căn cứ để triển khai nộp LPTB điện tử.

* Tác động tiêu cực: Qua đánh giá cho thấy thực hiện giải pháp này sẽ không phát sinh tác động tiêu cực.

đ) Kiến nghị và lựa chọn giải pháp

Từ việc phân tích, đánh giá tác động tích cực và tiêu cực của từng giải pháp, đề nghị thực hiện theo giải pháp 2 là sửa đổi quy định việc khai, thu, nộp LPTB sẽ được thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, và bổ sung quy định dữ liệu nộp LPTB điện tử được ký số cũng là căn cứ để giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản như chứng từ giấy.

6. Về trách nhiệm thi hành

a) Xác định vấn đề

Tại Điều 13 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) về trách nhiệm thi hành quy định trách nhiệm Bộ Tài chính và trách nhiệm của một số Bộ: Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Công an. Trong đó, tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 13 quy định:

“b) Kết nối, chia sẻ dữ liệu về thông tin tài sản thuộc đối tượng chịu LPTB theo các tiêu chí tại mẫu Tờ khai LPTB được ban hành kèm theo Nghị định này và quy định về việc liên thông điện tử.

c) Thống nhất chuẩn kết nối dữ liệu và tổ chức triển khai thí điểm khai nộp, trao đổi dữ liệu điện tử LPTB được thực hiện trong năm 2020. Trên cơ sở kết quả triển khai thí điểm sẽ triển khai toàn quốc. Việc trao đổi dữ liệu phải được ký số theo quy định về Luật giao dịch điện tử.”

Luật Quản lý thuế đã quy định Bộ Tài chính xây dựng mẫu tờ khai thuế nói chung, trong đó có Tờ khai LPTB. Hiện Mẫu Tờ khai LPTB đã được quy định tại Thông tư hướng dẫn Luật quản lý thuế chung chuẩn bị ban hành; đồng thời, quy định tại điểm c là quy định về việc thí điểm triển khai thu LPTB điện tử; thực hiện quy định này, Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) đã phối hợp với Bộ Công an (Cục Cảnh sát giao thông) triển khai thống nhất kết nối dữ liệu, thí điểm khai nộp, trao đổi dữ liệu điện tử LPTB ô tô, xe máy trong năm 2020 và triển khai mở rộng toàn quốc nộp điện tử LPTB ô tô, xe máy trong năm 2020; đồng thời, việc trao đổi đã thực hiện ký số theo quy định về Luật giao dịch điện tử.

Ngoài ra, để đảm bảo căn cứ pháp lý cho Tổng cục Thuế thực hiện việc ký số và truyền dữ liệu điện tử cho các cơ quan có liên quan, từ đó đảm bảo thuận lợi trong việc sử dụng dữ liệu nộp LPTB điện tử được ký số là căn cứ để giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, góp phần giảm thủ tục hành chính cho người nộp thuế thì cần bổ sung quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc chỉ đạo Tổng cục Thuế thực hiện việc ký số và truyền dữ liệu điện tử cho các cơ quan có liên quan.

Bên cạnh đó cũng cần bổ sung quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh trong việc ban hành Bảng giá đất theo quy định của pháp luật về đất đai, giá tính LPTB đối với nhà và trách nhiệm trong việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành mức thu LPTB đối với ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống để đảm bảo cơ sở thu LPTB và triển khai Nghị định kịp thời theo quy định.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý thuế.
- Đảm bảo phù hợp với thực tế đã triển khai thực hiện khai nộp và trao đổi dữ liệu giữa cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan.
- Đảm bảo đầy đủ cơ sở để triển khai thực hiện Nghị định kịp thời.
- Đảm bảo căn cứ pháp lý để Tổng cục Thuế thực hiện việc ký số và truyền dữ liệu điện tử cho các cơ quan có liên quan, từ đó đảm bảo thuận lợi trong việc sử dụng dữ liệu nộp LPTB điện tử được ký số là căn cứ để giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, góp phần giảm thủ tục hành chính cho người nộp thuế.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(c1) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành.

(c2) Giải pháp 2:

- Bổ sung trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc “Chỉ đạo Tổng cục Thuế ký số trên dữ liệu điện tử nộp LPTB của tổ chức, cá nhân nộp LPTB qua Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và cung cấp cho tổ chức có thẩm quyền đã kết nối thông tin với cơ quan thuế để giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.”

- Bỏ quy định về triển khai thí điểm điện tử và sửa quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu như sau: “b) Kết nối, chia sẻ dữ liệu về thông tin tài sản thuộc đối tượng chịu LPTB theo các tiêu chí tại mẫu Tờ khai LPTB do Bộ Tài chính ban hành và quy định về việc liên thông điện tử.”

- Bổ sung trách nhiệm của UBND các cấp như sau:

“4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Ban hành Bảng giá đất theo quy định của pháp luật về đất đai và ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà để làm căn cứ tính lệ phí trước bạ theo quy định tại Nghị định này.

b) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức thu tính lệ phí trước bạ đối với xe ô tô từ 9 chỗ ngồi chở xuống tại địa phương theo điểm a khoản 5 Điều 8 Nghị định này.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

(d1) Giải pháp 1: Giữ như hiện hành.

* Tác động tích cực: Không phát sinh nguồn lực cho việc sửa đổi, bổ sung chính sách do chính sách không thay đổi.

* Tác động tiêu cực:

- Không đảm bảo đồng bộ với pháp luật về quản lý thuế.
- Không phù hợp với thực tế triển khai thu, nộp LPTB điện tử.
- Chưa đảm bảo căn cứ pháp lý để Tổng cục Thuế thực hiện việc ký số và truyền dữ liệu điện tử cho các cơ quan có liên quan, từ đó đảm bảo thuận lợi trong việc sử dụng dữ liệu nộp LPTB điện tử được ký số là căn cứ để giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, góp phần giảm thủ tục hành chính cho người nộp thuế.

(d2) Giải pháp 2:

- Bổ sung trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc “Chỉ đạo Tổng cục Thuế ký số trên dữ liệu điện tử nộp LPTB của tổ chức, cá nhân nộp LPTB qua Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và cung cấp cho tổ chức có thẩm quyền đã kết nối thông tin với cơ quan thuế để giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.”

- Bổ quy định về triển khai thí điểm điện tử và sửa quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu như sau: “b) Kết nối, chia sẻ dữ liệu về thông tin tài sản thuộc đối tượng chịu LPTB theo các tiêu chí tại mẫu Tờ khai LPTB do Bộ Tài chính ban hành và quy định về việc liên thông điện tử.”

- Bổ sung trách nhiệm của UBND các cấp như sau:

“4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Ban hành Bảng giá đất theo quy định của pháp luật về đất đai và ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà để làm căn cứ tính lệ phí trước bạ theo quy định tại Nghị định này.

b) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức thu tính lệ phí trước bạ đối với xe ô tô từ 9 chỗ ngồi chở xuống tại địa phương theo điểm a khoản 5 Điều 8 Nghị định này.”

* Tác động tích cực:

- Đảm bảo đồng bộ với pháp luật về quản lý thuế.
- Đảm bảo phù hợp với thực tế đã triển khai thu, nộp LPTB điện tử.
- Đảm bảo đầy đủ cơ sở để triển khai thực hiện Nghị định kịp thời.
- Đảm bảo căn cứ pháp lý để Tổng cục Thuế thực hiện việc ký số và truyền dữ liệu điện tử cho các cơ quan có liên quan, từ đó đảm bảo thuận lợi trong việc sử dụng dữ liệu nộp LPTB điện tử được ký số là căn cứ để giải quyết

thủ tục hành chính về đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, góp phần giảm thủ tục hành chính cho người nộp thuế.

* Tác động tiêu cực: Qua đánh giá cho thấy thực hiện giải pháp này sẽ không phát sinh tác động tiêu cực.

đ) Kiến nghị và lựa chọn giải pháp

Từ việc phân tích, đánh giá tác động tích cực và tiêu cực của từng giải pháp, đề nghị thực hiện theo giải pháp 2.

7. Các nội dung khác

Các nội dung còn lại khác quy định tại Nghị định số 140/2016/NĐ-CP và Nghị định số 20/2019/NĐ-CP trong quá trình triển khai thực hiện không phát sinh vướng mắc như phạm vi điều chỉnh, người nộp thuế, căn cứ tính LPTB, ghi nợ LPTB, một số trường hợp miễn LPTB... Do đó, Bộ Tài chính đề nghị chuyển toàn bộ các nội dung này tại Nghị định số 140/2016/NĐ-CP và Nghị định số 20/2019/NĐ-CP sang dự thảo Nghị định này để đảm bảo tính thống nhất, thuận lợi cho cơ quan nhà nước và người nộp thuế trong việc tra cứu văn bản. Ngoài ra, có một số chỉnh sửa về câu chữ cho phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Do các nội dung này được chuyển từ Nghị định số 140/2016/NĐ-CP và Nghị định số 20/2019/NĐ-CP sang mà không có sửa đổi, bổ sung hoặc chỉ sửa câu chữ cho phù hợp, rõ nghĩa nên không phát sinh nội dung cần đánh giá tác động.

8. Đánh giá tác động thủ tục hành chính và vấn đề bình đẳng giới

Nội dung sửa đổi, bổ sung về giá tính LTBB tại dự thảo Nghị định đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi hơn cho cơ quan thuế và người nộp thuế trong việc triển khai thực hiện, từ đó góp phần cải cách thủ tục hành chính. Tuy nhiên, các nội dung sửa đổi, bổ sung này không phát sinh thủ tục hành chính. Vì vậy, không thuộc đối tượng phải đánh giá tác động thủ tục hành chính theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Đồng thời, các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định không quy định vấn đề gây bất bình đẳng giới. Vì vậy, không cũng thuộc đối tượng phải đánh giá tác động vấn đề bình đẳng giới theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

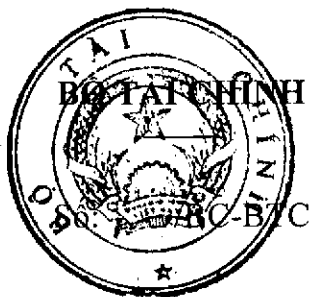
Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của dự án Nghị định của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ PC; TCT; Viện CL&CSTC;
- Lưu: VT, CST (P4).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Vũ Thị Mai



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

***Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện
chính sách thu lệ phí trước bạ hiện hành***

(Kèm theo Tờ trình số 194/TTr-BTC ngày 29/10/2021 của Bộ Tài chính)

Để góp phần tăng cường quản lý tài sản, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người có quyền sở hữu, sử dụng tài sản và huy động nguồn thu cho ngân sách nhà nước, căn cứ quy định của Luật phí và lệ phí, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 về lệ phí trước bạ (LPTB); Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21/2/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ; Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 hướng dẫn về LPTB, Thông tư số 304/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 ban hành Bảng giá tính LPTB đối với xe ô tô, xe máy; Thông tư số 20/2019/TT-BTC ngày 09/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 hướng dẫn về LPTB; Thông tư số 19/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 bãi bỏ Thông tư số 304/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Bảng giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy.

I. CHÍNH SÁCH LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ HIỆN HÀNH

LPTB là một khoản tiền mà người có tài sản phải nộp khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Người tiêu dùng là người chịu LPTB. Nội dung cơ bản của chính sách thu LPTB hiện hành như sau:

1. Đối tượng chịu LPTB

- Nhà, đất.
- Súng săn, súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao.
- Tàu thủy, kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy.
- Thuyền, kể cả du thuyền.
- Tàu bay.
- Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.
- Ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

- Vở, tổng thành khung, tổng thành máy của tài sản nêu trên (trừ nhà, đất, súng săn, súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao) mà phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Người nộp LPTB

Tổ chức, cá nhân có tài sản thuộc đối tượng chịu LPTB phải nộp LPTB khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền

3. Giá tính LPTB

3.1. Giá tính LPTB đối với nhà, đất:

- Giá tính LPTB đối với đất là giá đất tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm kê khai LPTB.

Trường hợp đất thuê của Nhà nước theo hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà thời hạn thuê đất nhỏ hơn thời hạn của loại đất quy định tại Bảng giá thì giá đất của thời hạn thuê đất tính LPTB được xác định theo công thức: (Giá đất tại Bảng giá đất / 70 năm) x Thời hạn thuê đất.

- Giá tính LPTB đối với nhà là giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành theo quy định của pháp luật về xây dựng tại thời điểm kê khai LPTB.

Riêng đối với nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của pháp luật về bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước thì giá tính LPTB là giá bán thực tế ghi trên hóa đơn bán nhà theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Đối với nhà mua theo phương thức đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đấu giá thì giá tính LPTB là giá trúng đấu giá thực tế ghi trên hóa đơn bán hàng.

- Trường hợp giá nhà, đất tại hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất, hợp đồng mua bán nhà cao hơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành thì giá tính LPTB đối với nhà, đất là giá tại hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất, hợp đồng mua bán nhà.

3.2. Giá tính LPTB đối với tài sản khác:

- Đối với tài sản là súng săn, súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao, tàu thủy, kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy, thuyền, kể cả du thuyền, tàu bay; vở, tổng thành khung, tổng thành máy của tài sản; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, thì giá tính LPTB đối với tài sản khác là giá chuyển nhượng tài sản thực tế trên thị trường.

Giá chuyển nhượng tài sản thực tế trên thị trường được căn cứ vào các cơ sở dữ liệu sau:

+ Đối với tài sản mua bán trong nước là giá trên hóa đơn bán hàng hợp pháp, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng (nếu có).

+ Đối với tài sản sản xuất trong nước là giá theo Thông báo của doanh nghiệp sản xuất chính hãng.

+ Đối với tài sản tự sản xuất, chế tạo để tiêu dùng là giá bán tài sản cùng loại hoặc tương đương, bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng (nếu có).

+ Đối với tài sản nhập khẩu (bao gồm cả tài sản nhập khẩu đã qua sử dụng) là trị giá tính thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về hải quan, cộng (+) thuế nhập khẩu (nếu có), cộng (+) thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng (+) thuế giá trị gia tăng (nếu có); hoặc là giá theo Thông báo của doanh nghiệp nhập khẩu được ủy quyền thay mặt doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài. Trường hợp miễn thuế nhập khẩu theo quy định thì giá tính LPTB bao gồm cả thuế nhập khẩu được miễn.

+ Bộ Tài chính ban hành Bảng giá tính LPTB để làm căn cứ tính LPTB đối với nhóm tài sản là ô tô, các loại xe tương tự.

Trường hợp giá chuyển nhượng tài sản thực tế trên thị trường thấp hơn giá tính LPTB do Bộ Tài chính ban hành thì giá tính LPTB là giá do Bộ Tài chính ban hành. Trường hợp phát sinh loại ô tô, xe máy mới mà tại thời điểm nộp tờ khai LPTB chưa có trong Bảng giá tính LPTB thì Cơ quan Thuế căn cứ vào cơ sở dữ liệu quyết định giá tính LPTB của từng loại ô tô, xe máy mới phát sinh (đối với ô tô là theo kiểu loại xe).

Trường hợp phát sinh loại ô tô, xe máy mới chưa có trong Bảng giá hoặc ô tô, xe máy mà giá chuyển nhượng tài sản thực tế trên thị trường có biến động tăng hoặc giảm 5% trở lên so với giá tính LPTB tại Bảng giá tính LPTB thì Cục thuế tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính trước ngày mùng 5 của tháng cuối quý. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính ban hành Quyết định về Bảng giá tính LPTB điều chỉnh, bổ sung trước ngày 25 của tháng cuối quý để áp dụng kể từ ngày đầu của quý tiếp theo.

- Giá tính LPTB đối với tài sản thuộc đối tượng chịu LPTB đã qua sử dụng (trừ nhà, đất và tài sản nhập khẩu đã qua sử dụng) là giá trị còn lại tính theo thời gian sử dụng của tài sản.

- Giá tính LPTB đối với tài sản mua theo phương thức trả góp là giá trả một lần (không bao gồm lãi trả góp) được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 1 Nghị định 20/2019/NĐ-CP bao gồm cả thuế nhập khẩu (nếu có), thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng (nếu có).

- Giá tính LPTB đối với tài sản mua theo phương thức xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân (tài sản tịch thu) là giá trúng đấu giá đối với tài sản mua theo hình thức đấu giá hoặc giá do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với tài sản mua theo hình thức chỉ định hoặc hình thức niêm yết giá, bao gồm cả thuế nhập khẩu (nếu có), thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng (nếu có).

4. Mức thu LPTB

- Nhà, đất mức thu là 0,5%.

- Súng săn, súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao là 2%.

- Tàu thủy, sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy, thuyền, du thuyền, tàu bay mức thu là 1%.

- Xe máy mức thu là 2%. Riêng: Xe máy của tổ chức, cá nhân ở các thành phố trực thuộc Trung ương; thành phố thuộc tỉnh; thị xã nơi Ủy ban nhân dân tỉnh đóng trụ sở nộp LPTB lần đầu với mức là 5%. Đối với xe máy nộp LPTB lần thứ 2 trở đi được áp dụng mức thu là 1%. Trường hợp chủ tài sản đã kê khai, nộp LPTB đối với xe máy là 2%, sau đó chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn quy định tại điểm a khoản này thì nộp LPTB theo mức là 5%.

- Ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự mức thu là 2%.

Riêng:

+ Ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống nộp LPTB lần đầu với mức thu là 10%. Trường hợp cần áp dụng mức thu cao hơn cho phù hợp với điều kiện thực tế tại từng địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định điều chỉnh tăng nhưng tối đa không quá 50% mức quy định chung tại điểm này.

Ô tô vừa chở người, vừa chở hàng (Ô tô pick-up chở hàng) có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 1.500 kg và có từ 5 chỗ ngồi trở xuống, ô tô tải VAN có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 1.500 kg nộp LPTB lần đầu với mức thu bằng 60% mức thu LPTB lần đầu đối với ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống.

+ Ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống, ô tô vừa chở người, vừa chở hàng (Ô tô pick-up chở hàng) có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 1.500 kg và có từ 5 chỗ ngồi trở xuống, ô tô tải VAN có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 1.500 kg nộp LPTB lần thứ 2 trở đi với mức thu là 2% và áp dụng thống nhất trên toàn quốc.

Căn cứ vào loại phương tiện ghi tại Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan đăng kiểm Việt Nam cấp, Cơ quan Thuế xác định mức thu LPTB đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự theo quy định tại khoản này.

- Tổ chức, cá nhân đã được miễn hoặc không phải nộp LPTB khi đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy lần đầu, nếu chuyển nhượng cho các tổ chức, cá nhân khác hoặc chuyển mục đích sử dụng mà không thuộc diện được miễn LPTB theo quy định thì tổ chức, cá nhân đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy nộp LPTB với mức thu lần đầu trên giá trị sử dụng còn lại của tài sản.

- Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng ô tô, xe máy xác lập sở hữu toàn dân (tài sản tịch thu) theo quy định của pháp luật mà ô tô, xe máy xác lập sở hữu toàn dân có đăng ký quyền sở hữu trước đó thì tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng khi đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy nộp LPTB với mức thu lần thứ 2 trở đi.

Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng ô tô, xe máy xác lập sở hữu toàn dân (tài sản tịch thu) theo quy định của pháp luật mà ô tô, xe máy xác lập sở hữu toàn dân không có đăng ký quyền sở hữu trước đó hoặc không có cơ sở để xác định việc đã đăng ký quyền sở hữu trước đó thì tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng khi đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy nộp LPTB với mức thu lần đầu.

Mức thu LPTB đối với các tài sản không chế tối đa là 500 triệu đồng/1 tài sản/1 lần trước bạ, trừ ô tô chở người từ 9 chỗ trở xuống, tàu bay, du thuyền.

5. Ghi nợ LPTB

Ghi nợ LPTB đối với đất và nhà gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được ghi nợ tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai về thu tiền sử dụng đất. Khi thanh toán nợ LPTB thì hộ gia đình, cá nhân phải nộp LPTB tính theo giá nhà, đất do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại thời điểm kê khai LPTB.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ LPTB nếu chuyển nhượng, chuyển đổi, tặng cho quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân khác (trừ trường hợp tặng cho nhà, đất giữa các đối tượng quy định tại khoản 10 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP) thì phải nộp đủ số LPTB còn nợ trước khi chuyển nhượng, chuyển đổi, tặng cho.

Thủ tục ghi nợ LPTB được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP.

6. Miễn LPTB

Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về LPTB, Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21/02/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định miễn LPTB đối với:

- Nhà, đất là trụ sở của cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự, cơ quan Đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc và nhà ở của người đứng đầu cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự, cơ quan Đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam.

- Tài sản (trừ nhà, đất) của tổ chức, cá nhân nước ngoài: Cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự, cơ quan Đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc; Viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự, nhân viên hành chính kỹ thuật của cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự, thành viên cơ quan Đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc và thành viên của gia đình họ không phải là công dân Việt Nam hoặc không thường trú tại Việt Nam được Bộ Ngoại giao Việt Nam cấp chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ; Tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc đối tượng quy định tại điểm a và b khoản này, nhưng được miễn hoặc không phải nộp LPTB theo các cam kết quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Đất được Nhà nước giao hoặc cho thuê theo hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê sử dụng vào các mục đích: Sử dụng vào mục đích

công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai; Thăm dò, khai thác khoáng sản; nghiên cứu khoa học theo giấy phép hoặc xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng (không phân biệt đất trong hay ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất), đầu tư xây dựng nhà để chuyển nhượng, bao gồm cả trường hợp tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng để tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hoặc xây dựng nhà để chuyển nhượng; Đất được Nhà nước giao, cho thuê hoặc công nhận sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và làm muối.

- Đất nông nghiệp chuyển đổi quyền sử dụng giữa các hộ gia đình, cá nhân trong cùng xã, phường, thị trấn để thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật đất đai.

- Đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân tự khai hoang phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, không có tranh chấp mà được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đất thuê của Nhà nước theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm hoặc thuê của tổ chức, cá nhân đã có quyền sử dụng đất hợp pháp.

- Nhà, đất sử dụng vào mục đích cộng đồng của các tổ chức tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng được Nhà nước công nhận hoặc được phép hoạt động.

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa.

- Nhà, đất nhận thừa kế hoặc là quà tặng giữa: Vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; cha vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội, bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh, chị, em ruột với nhau nay được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Nhà ở của hộ gia đình, cá nhân tạo lập thông qua hình thức phát triển nhà ở riêng lẻ theo quy định của Luật nhà ở.

- Tài sản cho thuê tài chính được chuyển quyền sở hữu cho bên thuê khi kết thúc thời hạn thuê thông qua việc nhượng, bán tài sản cho thuê thì bên thuê được miễn nộp LPTB; trường hợp công ty cho thuê tài chính mua tài sản của đơn vị có tài sản đã nộp LPTB sau đó cho chính đơn vị bán tài sản thuê lại thì công ty cho thuê tài chính được miễn nộp LPTB.

- Nhà, đất, tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh.

- Nhà, đất thuộc tài sản nhà nước dùng làm trụ sở cơ quan của cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

- Nhà, đất được bồi thường, tái định cư (kể cả nhà, đất mua bằng tiền được bồi thường, hỗ trợ) khi Nhà nước thu hồi nhà, đất theo quy định của pháp luật.

- Tài sản của tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng khi đăng ký lại quyền sở hữu, sử dụng được miễn nộp LPTB trong những trường hợp: Tài sản đã được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng nay đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng mới mà không thay đổi chủ sở hữu tài sản; Tài sản của doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được cổ phần hóa hoặc các hình thức sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật; Tài sản đã được cấp giấy chứng nhận của hộ gia đình khi phân chia tài sản đó theo quy định của pháp luật cho các thành viên hộ gia đình đăng ký lại; Tài sản của tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận khi được cấp lại giấy chứng nhận do giấy chứng nhận bị mất, rách nát, ố, nhòe, hư hỏng; Trường hợp khi cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có phát sinh chênh lệch diện tích đất tăng thêm nhưng ranh giới của thửa đất không thay đổi thì được miễn nộp LPTB đối với phần diện tích đất tăng thêm; Tổ chức, cá nhân được nhà nước giao đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phải chuyển sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định của Luật đất đai từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; Trường hợp khi đăng ký lại quyền sử dụng đất do được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà không thay đổi người có quyền sử dụng đất và không thuộc đối tượng phải nộp tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất.

- Tài sản của tổ chức, cá nhân đã nộp LPTB (trừ trường hợp được miễn nộp LPTB) chuyển cho tổ chức, cá nhân khác đăng ký quyền sở hữu, sử dụng được miễn nộp LPTB trong những trường hợp: Tổ chức, cá nhân, xã viên hợp tác xã đem tài sản của mình góp vốn vào doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, hợp tác xã hoặc khi doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, hợp tác xã giải thể hoặc phân chia hoặc rút vốn cho tổ chức, cá nhân thành viên tài sản mà tổ chức, cá nhân thành viên đã góp trước đây; Tài sản của doanh nghiệp điều động trong nội bộ của doanh nghiệp đó hoặc cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp điều động tài sản trong nội bộ một cơ quan, đơn vị dự toán theo quyết định của cấp có thẩm quyền; Tài sản của tổ chức, cá nhân đã nộp LPTB được chia hay góp do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, đổi tên tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; Tài sản của tổ chức, cá nhân đã nộp LPTB chuyển đến địa phương nơi sử dụng mà không thay đổi chủ sở hữu.

- Nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, nhà được hỗ trợ mang tính chất nhân đạo, kể cả đất kèm theo nhà được đăng ký sở hữu, sử dụng tên người được tặng.

- Xe cứu hỏa, xe cứu thương, xe chiếu chụp X-quang, xe cứu hộ (bao gồm cả xe kéo xe, xe chở xe); xe chở rác, xe phun nước, xe tưới nước, xe xi téc phun nước, xe quét đường, xe hút bụi, xe hút chất thải; xe chuyên dùng cho thương

binh, bệnh binh, người tàn tật đăng ký quyền sở hữu tên thương binh, bệnh binh, người tàn tật.

- Tàu bay sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách.

- Tàu, thuyền đánh bắt thủy sản, tàu dịch vụ hậu cần khai thác thủy sản xa bờ và vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy của tàu, thuyền đánh bắt thủy sản, tàu dịch vụ hậu cần khai thác thủy sản xa bờ được thay thế mà phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy được thay thế mà phải đăng ký lại trong thời hạn bảo hành.

- Nhà xưởng của cơ sở sản xuất; nhà kho, nhà ăn, nhà để xe của cơ sở sản xuất, kinh doanh. Nhà xưởng theo quy định tại khoản này được xác định theo pháp luật về phân cấp công trình xây dựng.

- Nhà ở, đất ở của hộ nghèo; nhà ở, đất ở của đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã, phường, thị trấn thuộc vùng khó khăn, Tây Nguyên; nhà ở, đất ở của hộ gia đình, cá nhân ở các xã thuộc Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Tàu thủy, thuyền không có động cơ, trọng tải toàn phần đến 15 tấn; tàu thủy, thuyền có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa; tàu thủy, thuyền có sức chở người đến 12 người; tàu thủy, thuyền chở khách tốc độ cao và tàu thủy, thuyền vận tải công-ten-nơ.

- Nhà, đất của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa; thể dục thể thao; môi trường theo quy định của pháp luật đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà phục vụ cho các hoạt động này.

- Nhà, đất của cơ sở ngoài công lập đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà phục vụ cho các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo; y tế; văn hóa; thể dục thể thao; khoa học và công nghệ; môi trường; xã hội; dân số, gia đình, bảo vệ chăm sóc trẻ em theo quy định của pháp luật.

- Nhà, đất của doanh nghiệp khoa học và công nghệ đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

- Phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt sử dụng năng lượng sạch.

7. Chế độ khai, thu, nộp và quản lý LPTB

- LPTB được khai theo từng lần phát sinh. Tổ chức, cá nhân có tài sản thuộc đối tượng chịu LPTB có trách nhiệm kê khai và nộp hồ sơ khai LPTB (gồm cả các trường hợp thuộc diện miễn LPTB theo quy định) cho cơ quan thuế khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Cơ quan thuế ra thông báo nộp LPTB trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc (đối với tài sản là nhà, đất) hoặc 01 (một) ngày làm việc đối với tài sản khác kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Người nộp LPTB thực hiện nộp tiền LPTB vào ngân sách nhà nước tại các cơ quan, tổ chức thu LPTB theo quy định của Luật Quản lý thuế trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký thông báo nộp LPTB của cơ quan thuế.

- Cơ quan thu LPTB nộp 100% (một trăm phần trăm) số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước.

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Qua tổng kết, đánh giá cho thấy chính sách thu LPTB hiện hành đã đạt được kết quả như sau:

1. Góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với tài sản, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người sở hữu, sử dụng tài sản

LPTB là một khoản tiền mà người có tài sản phải nộp khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thông qua việc kê khai LPTB, người có tài sản được công nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản theo quy định của pháp luật. Đồng thời, các dữ liệu về chủ sở hữu, chủ sử dụng tài sản, về đặc điểm, giá trị tài sản trong quá trình kê khai được quản lý và cập nhật kịp thời, đóng góp kho dữ liệu quan trọng cho cơ quan thuế và cơ quan quản lý nhà nước liên quan trong quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước và quản lý xã hội.

2. Góp phần cải cách thủ tục hành chính; đảm bảo sự minh bạch, rõ ràng và thống nhất trong quá trình thực hiện

Cải cách thủ tục hành chính minh bạch, rõ ràng trong quá trình thực hiện là một trong những nội dung cần thiết để cải cách hành chính thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế và cơ quan thuế trong việc quản lý thu, nộp thuế theo yêu cầu tại Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015-2016 và Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước tại Nghị quyết số 19/NQ-CP và Nghị quyết 36a/NQ-CP, từ ngày 01/01/2017, Nghị định số 140/2016/NĐ-CP đã quy định giao Bộ Tài chính ban hành Bảng giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy để áp dụng chung trên toàn quốc, thay thế cho 63 Bảng giá của 63 tỉnh như trước đây¹. Trường hợp giá chuyển nhượng tài sản thực tế trên thị trường thấp hơn giá tính LPTB do Bộ Tài chính ban hành thì giá tính LPTB là giá do Bộ Tài chính ban hành. Quy định này đã tạo thuận lợi cho việc khai, nộp LPTB qua mạng, góp phần hạn chế các thủ tục hành chính không cần thiết, góp phần thực

¹ Trước đây theo Nghị định số 23/2013/NĐ-CP ngày 25/3/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ về LPTB thì giá tính LPTB (bao gồm giá tính LPTB đối với nhóm tài sản là ô tô, xe máy) do UBND cấp tỉnh ban hành.

hiện mục tiêu cải cách hành chính của Chính phủ và tăng cường công tác quản lý thuế, đảm bảo tính minh bạch trong việc xác định khoản thu và giảm công việc thu thập, tổng hợp, nghiên cứu ban hành Bảng giá tính LPTB tại địa phương.

Hình thức khai điện tử LPTB ô tô, xe máy được thực hiện qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế; nộp điện tử LPTB ô tô, xe máy thông qua dịch vụ của các ngân hàng thương mại hay nộp điện tử LPTB nhà đất qua Cổng Dịch vụ công quốc gia... được phổ biến rộng rãi tới người nộp thuế, qua đó góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước. Cụ thể, tại Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015-2016 đã giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan: *“Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin tối thiểu đạt 95% trong nộp tờ khai, nộp thuế, hoàn thuế”*.

Kết quả sau hơn 1 năm triển khai thu LPTB điện tử (từ ngày 12/3/2020 đến ngày 28/6/2021), tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, số lượng giao dịch nộp LPTB điện tử đối với ô tô, xe máy là 23.124 phương tiện (TP.HCM: 7.376 tờ khai; Hà Nội: 15.748 tờ khai); tương ứng với số tiền LPTB đã nộp điện tử là gần 623,3 tỷ đồng (TP.HCM: 77,3 tỷ đồng; Hà Nội: 546 tỷ đồng). Đối với 61 tỉnh thành phố còn lại, sau gần 11 tháng triển khai (tính từ ngày 01/8/2020 đến ngày 28/6/2021) số lượng giao dịch nộp LPTB điện tử đối với ô tô, xe máy là 248.833 phương tiện (tương ứng với số tiền LPTB đã nộp điện tử hơn 1.651 tỷ đồng) trên tổng số 4.871.436 lượt giao dịch nộp ô tô, xe máy (tương ứng với 31.827,3 tỷ đồng).

Việc thực hiện điện tử hóa thủ tục khai, nộp LPTB đối với ô tô, xe máy trên toàn quốc được ước tính giảm chi phí tuân thủ của người nộp thuế là khoảng 1.020 tỷ đồng/năm (tính theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính).

Ngoài ra, Nghị định số 140/2016/NĐ-CP cũng quy định chi tiết các trường hợp được miễn LPTB, ghi nợ LPTB, chế độ khai, thu, nộp LPTB, đảm bảo phù hợp với quy định của các văn bản pháp luật có liên quan (Luật phí và lệ phí, Luật Đất đai, Bộ Luật dân sự, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật...) và đảm bảo phù hợp thực tế phát sinh tại các địa phương. Chính sách về LPTB rõ ràng, minh bạch đã tạo cơ sở cho người nộp thuế và cơ quan thu thuế thực hiện tốt chính sách; hạn chế vướng mắc, khiếu nại của người nộp LPTB, tạo điều kiện thuận tiện cho cơ quan thuế trong việc quản lý thuế, giảm chi phí hành chính.

Bên cạnh đó, các hạn chế, vướng mắc phát sinh trong thời gian thực hiện Nghị định số 140/2016/NĐ-CP được khắc phục, sửa đổi kịp thời tại Nghị định số 20/2019/NĐ-CP. Theo đó, đã hoàn thiện các quy định liên quan đến Bảng giá, giá tính LPTB, mức thu LPTB, đối tượng miễn LPTB và thủ tục khai thu LPTB, đảm bảo phù hợp với thực tế phát sinh và yêu cầu quản lý nhà nước.

3. Góp phần ổn định nguồn thu cho ngân sách nhà nước

Theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước (NSNN) thì LPTB là khoản thu ngân sách địa phương (NSDP) hưởng 100%. Đây là nguồn thu đóng vai trò quan trọng trong tổng thu địa phương, góp phần đảm bảo ngân sách để chính quyền địa phương thực hiện chức năng quản lý. Hàng năm cơ quan thuế địa phương đều tổng kết đánh giá kết quả thực hiện đối với khoản thu này nhằm phát hiện những kẽ hở trong quản lý thu, các vướng mắc, những kinh nghiệm tốt trong công tác quản lý để tiếp tục có giải pháp tăng cường quản lý, chỉ đạo quản lý, khai thác tốt nguồn thu cho ngân sách.

Số thu LPTB giai đoạn 2012-2020 bình quân khoảng 24.740 tỷ đồng/năm, chiếm khoảng 2,1% tổng thu NSNN; 2,9% tổng thu nội địa và 4,8% tổng thu NSDP. Số thu LPTB cũng tăng đều qua các năm với tốc độ tăng trung bình mỗi năm khoảng 16% so với năm trước liền kề. Nếu số thu LPTB năm 2012 chỉ đạt 11.816 tỷ đồng thì đến năm 2019 số thu LPTB tăng lên đạt 40.194 tỷ đồng, tăng 28.378 tỷ đồng, gấp 2,4 lần so với năm 2012.

Cơ cấu thu LPTB theo các nhóm tài sản cũng tăng đều qua các năm, trong đó số thu LPTB đối với ô tô chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng số thu LPTB với tỷ trọng bình quân (tính cho giai đoạn 2017-2020) khoảng 73% tổng số thu LPTB. Số thu LPTB đối với nhà, đất chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 với sự tăng trưởng ổn định qua các năm (giai đoạn 2017-2019, số thu LPTB bình quân đối với nhà, đất đạt khoảng 5.575 tỷ đồng, tăng gấp 2 lần so với bình quân của giai đoạn 2012-2016).

Riêng năm 2020, số thu LPTB giảm 28% so với năm 2019, chỉ đạt 31.295 tỷ đồng (trong đó số thu LPTB đối với ô tô là 24.679 tỷ đồng, đối với nhà, đất là 6.403 tỷ đồng). Nguyên nhân xuất phát từ những ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19, làm hạn chế nhu cầu tiêu dùng của người dân. Tuy nhiên, khi loại bỏ các yếu tố khách quan và bất khả kháng từ dịch bệnh, số thu LPTB luôn có tốc độ tăng ổn định trong các năm, chiếm một phần quan trọng trong tổng thu NSNN và tổng thu NSDP.

(Phụ lục số thu thuế LPTB giai đoạn 2012-2020 kèm theo).

4. Góp phần thực hiện chính sách ưu đãi của nhà nước

Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định chuyển các trường hợp không thu LPTB trước đây sang miễn LPTB để đảm bảo phù hợp với Luật phí và lệ phí về thẩm quyền của Chính phủ trong quy định miễn LPTB (không quy định trường hợp không thu LPTB). Trong đó, quy định miễn LPTB đối với đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối, đất nông nghiệp do được khai hoang; nhà, đất của doanh nghiệp khoa học công nghệ, của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo... Đồng thời, quy định bổ sung miễn LPTB đối với tàu thủy, thuyền chở khách tốc độ cao, tàu thủy, thuyền vận tải công-ten-nơ và phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt sử dụng năng lượng sạch. Các quy định này đã góp phần thực hiện các chính sách

hỗ trợ, khuyến khích của Nhà nước trong các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; nghiên cứu khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo; phát triển giao thông vận tải.

Mặt khác, chính sách cho phép ghi nợ LPTB đối với đất và nhà gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được ghi nợ tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất (như trường hợp hộ gia đình, cá nhân được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu hoặc nhà nước giao đất tái định cư mà chưa có khả năng tài chính để nộp tiền sử dụng đất, hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo theo quy định). Từ đó, góp phần giải quyết khó khăn cho hộ gia đình, cá nhân nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa.

Ngoài ra, trong năm 2020, nhằm hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19 đối với ngành sản xuất ô tô trong nước, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 70/2020/NĐ-CP ngày 28/6/2020, theo đó quy định giảm 50% LPTB đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước. Nghị định số 70/2020/NĐ-CP đã cụ thể hóa chủ trương của Chính phủ tại Nghị quyết số 84/NQ-CP về các nhiệm vụ giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh dịch Covid-19. Cụ thể, tại điểm 1 Mục II Nghị quyết số 84/NQ-CP có đưa ra giải pháp: giảm 50% LPTB khi đăng ký ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước tới hết năm 2020 nhằm kích thích tiêu dùng trong nước. Đánh giá, tổng kết việc thực hiện Nghị định số 70/2020/NĐ-CP cho thấy chính sách đã góp phần tháo gỡ khó khăn cho ngành sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước, kích thích nhu cầu mua xe ô tô của các tổ chức, cá nhân, đồng thời góp phần ổn định nền kinh tế trong bối cảnh dịch Covid-19.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ.

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, chính sách thu LPTB vẫn còn những tồn tại, hạn chế cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, cụ thể:

1. Về đối tượng chịu LPTB

1.1. Về đối tượng chịu LPTB đối với tàu thủy

Tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định đối tượng chịu LPTB đối với:

“3. Tàu thủy, kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy.”

Khoản 7 Điều 3 Luật Giao thông đường thủy nội địa quy định:

“7. Phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi là phương tiện) là tàu, thuyền và các cấu trúc nổi khác, có động cơ hoặc không có động cơ, chuyên hoạt động trên đường thủy nội địa”.

Khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 4 Bộ luật Hàng hải Việt Nam quy định về giải thích từ ngữ đối với tàu thuyền, tàu ngầm, tàu lặn như sau:

“1. Tàu thuyền là phương tiện hoạt động trên mặt nước hoặc dưới mặt nước bao gồm cả tàu, thuyền và các phương tiện khác hoạt động có động cơ

hoặc không có động cơ.

...3. Tàu ngầm là phương tiện có khả năng hoạt động độc lập trên mặt nước và dưới mặt nước.

4. Tàu lặn là phương tiện có khả năng hoạt động dưới mặt nước phụ thuộc vào sự hỗ trợ của các phương tiện, thiết bị trên mặt nước hoặc trên bờ.”

Điều 13 Bộ luật Hàng hải Việt Nam quy định: “Tàu biển là phương tiện nổi di động chuyên dùng hoạt động trên biển. Tàu biển quy định trong Bộ luật này không bao gồm tàu quân sự, tàu công vụ, tàu cá, phương tiện thủy nội địa, tàu ngầm, tàu lặn, thủy phi cơ, kho chứa nổi, giàn di động, ụ nổi.”

Điều 14 Bộ luật Hàng hải Việt Nam quy định: “Tàu biển Việt Nam là tàu biển đã được đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam hoặc đã được cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài cấp giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam.”

Điều 27 Bộ luật Hàng hải Việt Nam về đăng ký tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động quy định: “Tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động được đăng ký theo quy định tại Mục này.”

Theo Thông tư số 55/2019/TT-BGTVT ngày 31/12/2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về danh mục giấy chứng nhận và tài liệu của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động Việt Nam thì tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động thuộc trường hợp phải đăng ký giấy chứng nhận đăng ký theo quy định tại Bộ luật Hàng hải Việt Nam.

Căn cứ theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật về hàng hải thì:

- Tàu thuyền là phương tiện hoạt động trên mặt nước hoặc dưới mặt nước bao gồm cả tàu, thuyền và các phương tiện khác hoạt động có động cơ hoặc không có động cơ.

- Tàu biển (bao gồm cả tàu biển công vụ), tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động phải đăng ký cấp giấy chứng nhận theo quy định.

Theo đó, việc sử dụng cụm từ “tàu thủy” tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP là chưa phù hợp với pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật về hàng hải. Do đó, cần phải sửa đổi lại quy định về đối tượng chịu LPTB đối với tàu thủy để vừa phù hợp với pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật về hàng hải.

Ngoài ra, thực tế phát sinh trường hợp đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với “Tàu lặn phục vụ chở khách du lịch” để hoạt động trong vùng biển Việt Nam, chưa có quy định thuộc đối tượng chịu LPTB. Tại pháp luật về hàng hải nêu trên có quy định tàu ngầm, tàu lặn thuộc trường hợp phải đăng ký cấp Giấy đăng ký theo quy định. Do đó, cần nghiên cứu bổ sung thêm tàu ngầm, tàu lặn vào đối tượng chịu LPTB. Theo đó, cần nghiên cứu bổ sung

quy định về giá tính LPTB và mức thu LPTB đối với tàu ngầm, tàu lặn.

- Đối với ụ nổi, kho chứa nổi và giàn di động là các cấu trúc nổi chuyên dùng để phục vụ cho hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí trên biển phải đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký theo quy định của pháp luật về hàng hải. Tuy nhiên, tại Điều 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP chưa quy định cụ thể ụ nổi, kho chứa nổi và giàn di động có thuộc đối tượng chịu LPTB. Tại điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định miễn LPTB đối với *“Đất được Nhà nước giao hoặc cho thuê sử dụng vào các mục đích thăm dò, khai thác khoáng sản”*. Do đó, để đảm bảo thống nhất về chính sách LPTB đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, cần nghiên cứu loại trừ *“ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động”* ra khỏi đối tượng chịu LPTB.

1.2. Về đối tượng chịu LPTB đối với xe tương tự

Tại khoản 6, khoản 7 Điều 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định đối tượng chịu LPTB đối với:

“6. Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

7. Ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.”

Tại khoản 18 Điều 3 Luật giao thông đường bộ quy định: *“18. Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi là xe cơ giới) gồm xe ô tô; máy kéo; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô, máy kéo; xe mô tô hai bánh; xe mô tô ba bánh; xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự.”*

Theo quy định tại Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định có chỉ quy định các loại xe tương tự xe ô tô, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy. Trong đó, các loại xe tương tự xe ô tô là loại phương tiện giao thông đường bộ chạy bằng động cơ có từ hai trục, bốn bánh xe trở lên, có phần động cơ và thùng hàng (nếu có) lắp trên cùng một trục xi (kể cả loại xe 4 bánh chạy bằng năng lượng điện).

Như vậy, để phù hợp với quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, tránh vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, cần nghiên cứu quy định rõ đối tượng chịu LPTB đối với các loại xe tương tự quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP là các loại xe tương tự xe ô tô và các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy.

1.3. Về vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy

Tại khoản 8 Điều 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định đối tượng chịu LPTB đối với vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy của tài sản mà phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Theo Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 của Bộ Công an thì trường hợp thay thế thân máy (block) xe phải đăng ký cấp lại biển số xe. Do vậy

cần nghiên cứu bổ sung thân máy (block) vào đối tượng chịu LPTB như đối với vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy quy định tại khoản 8 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP để đảm bảo tính bao quát, phù hợp với quy định của pháp luật về cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện.

2. Về giá tính LPTB

2.1. Về giá tính LPTB đối với đất, nhà trong một số trường hợp đặc biệt

Tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định một số trường hợp giá tính LPTB đối với nhà như sau:

“- Giá tính LPTB đối với nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của pháp luật về bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước là giá bán thực tế ghi trên hoá đơn bán nhà theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Giá tính LPTB đối với nhà mua theo phương thức đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đấu giá là giá trúng đấu giá thực tế ghi trên hoá đơn bán hàng.”

Tại Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về LPTB có hướng dẫn giá tính LPTB đối với đất kèm theo nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê, nhà chung cư, đất mua theo phương thức đấu giá, đấu thầu. Các nội dung này quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính là chưa đảm bảo tính pháp lý.

Tại Nghị định số 53/2011/NĐ-CP ngày 01/7/2011 của Chính phủ về thuế SDDPNN sử dụng cụm từ “đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư”, không sử dụng cụm từ “nhà chung cư”.

Qua rà soát pháp luật về hóa đơn, chứng từ đã thay đổi và có rất nhiều loại hóa đơn, chứng từ như hóa đơn điện tử, hóa đơn VAT, hóa đơn bán hàng,...

Để đảm bảo tính pháp lý và thống nhất trong việc xác định giá tính LPTB đối với nhà, đất mua theo phương thức đấu giá, đấu thầu, giá tính LPTB đối với nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê (bao gồm cả đất kèm theo); đảm bảo tính pháp lý và thống nhất trong hệ thống thuế về tên gọi đối với nhà chung cư, cũng như thống nhất với các quy định pháp luật về hóa đơn, chứng từ, cần nghiên cứu thay quy định về giá tính LPTB đối với nhà trong một số trường hợp đặc biệt bằng quy định về giá tính LPTB đối với nhà, đất trong một số trường hợp đặc biệt.

2.2. Về giá tính LPTB đối với các tài sản khác (trừ nhà, đất)

Tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định:

- Giá tính LPTB đối với các tài sản là súng săn, súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao; tàu thủy, thuyền; vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy của các tài sản trên và ô tô, xe máy; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô là giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường của từng loại tài sản.

- Giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường của từng loại tài sản được căn cứ vào các cơ sở dữ liệu như giá trên hóa đơn bán hàng hợp pháp, giá theo thông báo của doanh nghiệp sản xuất chính hãng, giá bán tài sản cùng loại hoặc tương đương, trị giá tính thuế nhập khẩu; thông báo của doanh nghiệp nhập khẩu được ủy quyền thay mặt doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài; giá trên ứng dụng quản lý trước bạ của cơ quan thuế.

Tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định:

- Giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy, bao gồm cả xe ô tô chuyên dùng và xe máy chuyên dùng (trừ rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô) là giá tại Quyết định về Bảng giá tính LPTB do Bộ Tài chính ban hành. Giá tính LPTB tại Bảng giá tính LPTB được xác định theo nguyên tắc đảm bảo phù hợp với giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường tại thời điểm xây dựng Bảng giá tính LPTB (đối với ô tô là theo kiểu loại xe).

- Đồng thời, quy định giá tính LPTB đối với trường hợp phát sinh loại ô tô, xe máy mới mà tại thời điểm nộp tờ khai LPTB chưa có trong Bảng giá tính LPTB và nguyên tắc đề Bộ Tài chính ban hành Quyết định về Bảng giá tính LPTB điều chỉnh, bổ sung.

Trong quá trình triển khai thực hiện đã phát sinh một số vướng mắc như sau:

(i) Qua rà soát pháp luật về hóa đơn, chứng từ đã thay đổi và có rất nhiều loại hóa đơn, chứng từ như hóa đơn điện tử, hóa đơn VAT, hóa đơn bán hàng,... nên nếu chỉ quy định căn cứ vào giá trên hóa đơn bán hàng hợp pháp để xác định giá chuyển nhượng trên thị trường của tài sản mua bán trong nước là chưa phù hợp với pháp luật về hóa đơn, chứng từ, gây khó khăn cho cơ quan thuế và người nộp thuế. Do đó, cần nghiên cứu sửa đổi quy định về cơ sở dữ liệu đối với tài sản sản xuất trong nước tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP cho phù hợp với quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ.

(ii) Thực tế phát sinh trường hợp tài sản của tổ chức, cá nhân mua nguyên vật liệu rồi thuê một đơn vị khác gia công thành tài sản thuộc đối tượng chịu LPTB như tàu, thuyền... sau đó bàn giao lại cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng. Tài sản thuê gia công này lần đầu tiên xuất hiện trên thị trường, chưa có tài sản cùng loại hoặc tương đương trên thị trường nên không có căn cứ để xác định giá tính LPTB. Do đó, để đảm bảo căn cứ pháp lý, cần nghiên cứu bổ sung cơ sở dữ liệu đối với tài sản thuê sản xuất, chế tạo tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP.

(iii) Trong quá trình xác định giá tính LPTB đối với xe máy nhập khẩu, cơ quan thuế có tiếp nhận Thông báo của doanh nghiệp nhập khẩu được ủy quyền thay mặt doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp xe máy nước ngoài như công ty Honda Việt Nam, Công ty Chu Lai - Trường Hải... Tại Nghị định số 20/2019/NĐ-CP chỉ quy định căn cứ vào Thông báo của doanh nghiệp nhập khẩu được ủy quyền thay mặt doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài. Do đó, để đảm bảo căn cứ pháp lý cho việc xác định giá chuyển nhượng trên thị trường đối với xe máy nhập khẩu, đảm bảo bao quát, cần bổ cụm từ “ô tô” tại quy định về cơ sở dữ liệu

là “..Thông báo của doanh nghiệp nhập khẩu được ủy quyền thay mặt doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài” để xác định giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường đối với tài sản nhập khẩu tại gạch đầu dòng thứ tư khoản 2 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP.

(iv) Thực tế có nhiều loại ô tô chuyên dùng, xe máy chuyên dùng được đặt hàng sản xuất, chế tạo cho nhiều mục đích chuyên dùng của từng cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh, dẫn đến khó khăn cho Bộ Tài chính trong việc ban hành kịp thời, chính xác Bảng giá giá tính LPTB đối với các loại xe này, từ đó kéo dài thời gian chờ đợi của người nộp LPTB, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong khi giá trị tài sản giữa bảng giá và giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường chênh lệch không đáng kể. Do đó, cần nghiên cứu quy định giá tính LPTB đối với xe ô tô chuyên dùng, xe máy chuyên dùng là giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường (hiện hành đang quy định giá tính LPTB đối với các loại xe này là giá tại Bảng giá do Bộ Tài chính ban hành).

(v) Hiện nay nguyên tắc xây dựng giá tính LPTB đối với ô tô là căn cứ vào kiểu loại xe. Thực tế, do đặc thù đăng kiểm của xe tải, xe khách thường xuyên thay đổi mẫu mã, kiểu xe, đổi tên đăng kiểm do được cải hoán, nâng cấp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh vận tải, hành khách, nên nếu chỉ căn cứ vào kiểu loại xe như các loại ô tô khác để xây dựng giá tính LPTB chi tiết cho từng kiểu xe sẽ làm tăng thời gian chờ đợi không cần thiết của người nộp thuế, từ đó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, tạo thuận lợi cho cơ quan thuế và người nộp LPTB trong việc xác định giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy, tạo thuận lợi cho Bộ Tài chính ban hành Bảng giá tính LPTB kịp thời, cần nghiên cứu bổ sung quy định xác định giá tính LPTB đối với xe tải, xe khách theo khung tiêu chí kỹ thuật cho phù hợp.

2.3. Về giá tính LPTB đối với tài sản đã qua sử dụng

Theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định:

“4. Giá tính LPTB đối với tài sản thuộc đối tượng chịu LPTB đã qua sử dụng (trừ nhà, đất và tài sản nhập khẩu đã qua sử dụng) là giá trị còn lại tính theo thời gian sử dụng của tài sản.

Đối với ô tô, xe máy đã qua sử dụng mà chưa có trong Bảng giá tính LPTB thì giá tính LPTB là giá trị sử dụng còn lại của kiểu loại xe tương đương có giá tính LPTB trong nhóm kiểu loại xe đã có trong Bảng giá tính LPTB.”

Quy định nêu trên sẽ dẫn đến hiểu nhầm là phải ban hành Bảng giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy đã qua sử dụng và chỉ được xác định giá tính LPTB theo giá của kiểu loại xe tương đương trong bảng giá. Do đó, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2.4. Về giá tính LPTB đối với tài sản mua theo phương thức xác lập tài sản thuộc sở hữu toàn dân

Theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý và sử dụng tài sản công thì việc bán đấu giá, chỉ định hoặc niêm yết giá trong quá trình xử lý tài sản công đều phải xuất hóa đơn bán tài sản công theo quy định. Do vậy, cần nghiên cứu sửa đổi quy định về giá tính LPTB đối với tài sản mua theo phương thức xác lập tài sản thuộc sở hữu toàn dân quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được bổ sung Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) cho phù hợp.

3. Về mức thu LPTB

3.1. Về mức thu LPTB đối với xe con pick-up

Tại điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định về mức thu LPTB lần đầu đối với ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống nộp LPTB.

Theo TCVN 7271:2003 và Tiêu chuẩn quốc gia sửa đổi 2:2010 TCVN 7271:2003 về Phương tiện giao thông đường bộ-ô tô-phân loại theo mục đích sử dụng thì ô tô pick-up được phân thành 2 loại: (i) Ô tô pick-up chở hàng; (ii) ô tô pick-up chở người và là xe ô tô con. Đối với ô tô pick-up chở người và là xe ô tô con: Trên Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và BVMT sẽ ghi là ô tô con hoặc ô tô con pick-up. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP thì mức thu LPTB lần đầu đối với loại xe này trong khung 10-15%. Tuy nhiên, do tại điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP chưa quy định cụ thể mức thu đối với loại xe này nên trong quá trình triển khai thực hiện gặp vướng mắc, khiếu nại của người dân. Do đó, cần nghiên cứu bổ sung mức thu LPTB đối với loại xe ô tô này để đảm bảo căn cứ pháp lý, rõ ràng trong thực hiện.

3.2. Về mức thu LPTB đối với ô tô pick-up, xe tải VAN

Tại điểm b, điểm c khoản 5 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định: *“Mức thu LPTB lần đầu đối với ô tô vừa chở người, vừa chở hàng (Ô tô pick-up chở hàng) có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 1.500 kg và có từ 5 chỗ ngồi trở xuống, Ô tô tải VAN có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 1.500 kg bằng 60% mức thu LPTB lần đầu đối với ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống, mức thu LPTB từ lần thứ 2 trở đi là 2% và áp dụng thống nhất trên toàn quốc.”*

Quy định này được xây dựng để đồng bộ với quy định của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7271:2003 về phân loại ô tô theo mục đích sử dụng và quy định “ô tô pick-up, xe tải VAN được xem là xe con” theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ - QCVN 41:2016/BGTVT (ban hành theo Thông tư số 06/2016/TT-BGTVT ngày 08/4/2016 của Bộ GTVT), từ đó đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật về đăng kiểm, quản lý phương tiện giao thông đường bộ với công tác triển khai thu LPTB của cơ quan thuế.

Từ ngày 01/7/2020, khi Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 41:2019/BGTVT có hiệu lực thi hành (thay thế QCVN 41:2016/BGTVT) đã

thay đổi, theo đó, ô tô pick-up, xe tải VAN có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông dưới 950 kg mới được xem là xe con (xe pick-up, xe tải VAN có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông từ 950 kg trở lên được tính là xe tải). Ngoài ra, theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7271:2003 về phân loại ô tô theo mục đích sử dụng thì không có “Ô tô vừa chở người, vừa chở hàng”.

Do đó, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về ô tô pick-up, xe tải VAN tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP để đảm bảo thống nhất với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 41:2019/BGTVT và Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7271:2003, tạo sự đồng bộ giữa công tác quản lý, đăng kiểm phương tiện giao thông đường bộ với công tác triển khai thu LPTB, đảm bảo thuận lợi, rõ ràng cho cơ quan thuế khi căn cứ hồ sơ đăng kiểm để xác định mức thu LPTB đối với ô tô pick-up, xe tải VAN.

3.3. *Mức thu LPTB đối với xe ô tô điện chạy pin*

Ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu đang là vấn đề toàn cầu. Chất lượng môi trường không khí nói chung và tại các đô thị lớn nói riêng chịu ảnh hưởng xấu do phát sinh bụi, khí thải từ các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, giao thông vận tải... Trong đó, khí thải từ các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lượng phát thải gây ô nhiễm môi trường không khí đô thị. Bên cạnh đó, việc gia tăng nhanh chóng số lượng xe ô tô sử dụng nhiên liệu gốc hóa thạch trong những năm gần đây là tác nhân lớn gây ra ô nhiễm không khí ngày càng trầm trọng, đặc biệt tại 02 thành phố lớn là Hà Nội và Hồ Chí Minh (thường được ghi nhận có nhiều ngày trong năm ô nhiễm ở mức báo động và nằm trong danh sách các thành phố ô nhiễm không khí).

Phương tiện chạy bằng nhiên liệu hóa thạch (xăng, dầu) ở Việt Nam ngày càng gia tăng nhanh chóng, thể hiện qua số liệu về tổng số xe ô tô chạy xăng, dầu bán ra tại thị trường Việt Nam các năm gần đây như sau: năm 2017 là 303.000 chiếc, năm 2018 là 352.000 chiếc, năm 2019 là 426.000 chiếc, năm 2020 là 416.000 chiếc (trong đó: xe ô tô sản xuất trong nước năm 2017 là 225.000 chiếc, năm 2018 là 279.000 chiếc, năm 2019 là 293.000 chiếc, năm 2020 là 306.000 chiếc; xe ô tô nhập khẩu chiếm khoảng 25-29% tổng số xe bán ra tại thị trường Việt Nam). *Nguồn số liệu: Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA).*

Trong khi đó ở Việt Nam hiện nay, nhìn chung, các dòng xe ô tô điện chưa phổ biến, trong nước chưa có sản xuất xe ô tô điện và mới bắt đầu có nhập khẩu xe ô tô điện trong vài năm gần đây. Theo Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam tính đến hết năm 2020, số lượng xe ô tô điện chạy pin bán ra trên thị trường khoảng trên 130 chiếc. Như vậy, Việt Nam có thể hứa hẹn là một thị trường tiềm năng cho ngành công nghiệp xe ô tô điện chạy pin nếu có chính sách hỗ trợ ưu đãi phù hợp và có doanh nghiệp đầu tư bài bản, đồng bộ.

Để góp phần bảo vệ môi trường và đón đầu xu thế chung của ngành công nghiệp ô tô, nhiều ý kiến nhận định cho rằng thời điểm hiện nay đối với ngành ô tô điện chạy pin thì xuất phát điểm giữa Việt Nam và các quốc gia ASEAN là

gần như tương tự nhau. Vì vậy, cơ hội để thu hút các dự án đầu tư sản xuất, lắp ráp ô tô điện chạy pin của Việt Nam là rất tiềm năng nếu Nhà nước sớm ban hành các chính sách ưu đãi, hỗ trợ hơn nữa cho ngành này phát triển, trong đó có chính sách LPTB.

Kinh nghiệm các nước cho thấy, để khuyến khích việc sản xuất và sử dụng xe ô tô điện chạy pin, một số nước đã thực hiện miễn lệ phí đăng ký phương tiện hoặc thuế phương tiện đối với xe ô tô điện chạy pin như Cộng hòa Síp, Hy Lạp, Hungary, Hà Lan, Ba Lan, Ai Sô Len, Látvia, Tây Ban Nha; một số nước giảm hoặc thu ở mức thấp như Trung Quốc (giảm 50%); Pháp (giảm từ 50%-100% tùy từng địa phương); Phần Lan (thu ở mức thấp 2,7% - xe chạy xăng mức cao nhất là 48,9%), Slovakia (thu ở mức thấp nhất là 33 Euro), Lúcxăm-bua (thu ở mức thấp nhất là 30 Euro); một số nước chỉ áp dụng chính sách ưu đãi LPTB ở một số địa phương như Bỉ, Úc (một số bang miễn, một số bang thu ở mức thấp); một số nước không áp dụng chính sách ưu đãi LPTB như Áo, Séc, Anh, Colombia, Đan Mạch (Đan Mạch có áp dụng ưu đãi LPTB đối với xe ô tô điện chạy pin trước năm 2020, cụ thể: năm 2017 được giảm 60%, năm 2018 được giảm 35%, năm 2019 được giảm 10%).

Tại khoản 7 Điều 65 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có quy định như sau: *“7. Chính phủ ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích phát triển phương tiện giao thông công cộng, phương tiện giao thông sử dụng năng lượng tái tạo, mức tiêu hao nhiên liệu thấp, phát thải thấp hoặc không phát thải; lộ trình chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường.”*

Tại điểm 3 Thông báo số 135/TB-VPCP ngày 29/5/2021 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại cuộc họp về kiến nghị của Tập đoàn Vingroup về chính sách khuyến khích sản xuất và kích thích người tiêu dùng sử dụng xe ô tô điện thân thiện với môi trường, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái chỉ đạo:

“3. Về kiến nghị trước mắt áp dụng thí điểm chính sách ưu đãi về thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) và lệ phí trước bạ (LPTB) trong 5 năm theo đề xuất của Vingroup: Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải và VCCI, tiếp thu đầy đủ các ý kiến tại cuộc họp, tổng hợp, hoàn thiện lại nội dung đánh giá về đề xuất của Tập đoàn Vingroup, trong đó cần làm rõ sự cần thiết, đánh giá và hướng xử lý cụ thể phù hợp với thẩm quyền và quy định của pháp luật (các văn bản pháp luật cần ban hành hay sửa đổi, bổ sung, tiến độ thực hiện, thời hạn trình các cấp có thẩm quyền...), báo cáo Thủ tướng Chính phủ”.

Do đó, để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất xe ô tô điện chạy pin, đảm bảo cung ứng xe ô tô chạy pin cho thị trường Việt Nam trong thời gian tới; khuyến khích người tiêu dùng sử dụng xe ô tô điện chạy pin, từ đó góp phần giảm lượng khí thải phát tán ra môi trường của phương tiện giao thông, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái; căn cứ ưu điểm vượt trội của loại xe ô tô điện chạy pin (không sử dụng nhiên liệu xăng, khí để hạn chế tối đa ô nhiễm

môi trường); đồng thời tránh gây áp lực cho cân đối NSNN, đặc biệt là ngân sách địa phương, cần nghiên cứu quy định ưu đãi về mức thu LPTB ô tô điện chạy pin cho phù hợp.

4. Về miễn LPTB

4.1. Về miễn LPTB đối với tài sản đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng của hộ gia đình

Tại điểm c khoản 16 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định miễn LPTB đối với: “c) Tài sản đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng của hộ gia đình khi phân chia tài sản đó theo quy định của pháp luật cho các thành viên hộ gia đình đăng ký lại.”

Hiện nay, đối với tài sản của hộ gia đình thì trên hóa đơn không ghi cấp cho hộ gia đình mà ghi tên toàn bộ thành viên gia đình hoặc từng thành viên gia đình. Theo Luật hôn nhân và gia đình chỉ có khái niệm “thành viên gia đình”, không có khái niệm “thành viên hộ gia đình”. Bên cạnh đó, thực tế phát sinh trường hợp vợ chồng sau khi kết hôn có nhu cầu hợp nhất tài sản và tài sản do vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân được xác định là tài sản chung của vợ chồng, khi ly hôn được phân chia quyết định của Tòa án.

Pháp luật về thuế thu nhập cá nhân (TNCN) quy định bất động sản do vợ hoặc chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân được xác định là tài sản chung của vợ chồng, khi ly hôn được phân chia theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì việc phân chia tài sản này thuộc diện được miễn thuế TNCN.

Do đó, để phù hợp với quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, đảm bảo quyền lợi của vợ, chồng hợp nhất tài sản khi kết hôn và phân chia tài sản sau khi ly hôn, tương tự như trường hợp chia, tách, hợp nhất, sát nhập công ty cũng được miễn LPTB, cần nghiên cứu bổ sung miễn LPTB đối với tài sản hợp nhất của vợ chồng sau khi kết hôn hoặc phân chia cho vợ, chồng khi ly hôn theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án vào điểm c khoản 16 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP cho phù hợp.

4.2. Về miễn LPTB đối với tài sản được cấp lại giấy chứng nhận do mất, rách, nát, ố, nhòe, hư hỏng

Tại điểm d khoản 16 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) quy định miễn LPTB đối với: “d) Tài sản của tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng khi được cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng tài sản do giấy chứng nhận bị mất, rách nát, ố, nhòe, hư hỏng. Cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng cho tổ chức, cá nhân khi có đề nghị.”

Thực tế việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với các tài sản này còn nhiều thủ tục cho người nộp thuế, trong đó có việc người nộp thuế có cần làm thủ tục để miễn LPTB khi đăng ký cấp lại giấy chứng nhận

quyền sở hữu, quyền sử dụng hay không. Do vậy, để việc đăng ký cấp lại giấy chứng nhận được thuận lợi, tránh gây thủ tục phiền hà cho người nộp thuế, cần nghiên cứu bổ sung quy định trong trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng do mất, rách, nát, ố, nhòe, hư hỏng không phải kê khai, làm thủ tục miễn LPTB.

4.3. Về miễn LPTB đối với tàu thủy, thuyền

Tại khoản 27 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định miễn LPTB đối với “27. Tàu thủy, thuyền không có động cơ, trọng tải toàn phần đến 15 tấn; tàu thủy, thuyền có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa; tàu thủy, thuyền có sức chở người đến 12 người; tàu thủy, thuyền chở khách tốc độ cao và tàu thủy, thuyền vận tải công-ten-nơ.”

- Tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06/9/2016 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa chỉ có định nghĩa “Tàu khách cao tốc (Tàu cao tốc chở khách)”, như vậy, chưa có sự thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật.

- Thực tế phát sinh loại phương tiện “Tàu thu gom tự động rác nổi trên sông”. Tại Quyết định số 890/QĐ-TTg ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý tiếp nhận khoản viện trợ phi dự án “*Thu gom tự động rác nổi trên sông tại thành phố Cần Thơ*” do Tổ chức “*Làm sạch biển*” (TOC) của Hà Lan viện trợ không hoàn lại. Tại Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa Cục Đăng kiểm Việt Nam xác định đây thuộc loại “Tàu khác”, được cố định một chỗ, không đảm bảo bị trôi dạt, thu gom rác thải trên đường thủy nội địa.

- Ngoài ra, quy định miễn LPTB tại khoản 27 là chỉ nhằm ưu đãi đối với các loại tàu, thuyền nhỏ di chuyển trên đường thủy nội địa do cơ quan quản lý giao thông vận tải cấp huyện, xã cấp đăng ký và việc miễn LPTB đối với tàu khách tốc độ cao, tàu thủy, thuyền vận tải công-ten-nơ là theo quy định tại Quyết định số 45/2015/QĐ-TTg ngày 05/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích giao thông vận tải đường thủy nội địa. Theo đó, tại Thông tư số 301/2016/TT-BTC đã hướng dẫn “*Các phương tiện nêu trên được xác định theo quy định của Luật giao thông đường thủy nội địa và các văn bản hướng dẫn thi hành*”.

Do đó, cần nghiên cứu sửa đổi quy định tại khoản 27 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP cho phù hợp với pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và đảm bảo phù hợp.

5. Về khai, nộp LPTB

Tại Điều 10 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 20/2016/NĐ-CP) quy định về khai, thu, nộp LPTB.

Các nội dung về khai, nộp LPTB đã được quy định tại pháp luật về quản lý thuế. Bên cạnh đó, trong thời gian vừa qua việc sử dụng dữ liệu nộp LPTB

điện tử được Tổng cục Thuế ký số là một trong những căn cứ để giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản như chứng từ bản giấy.

Do đó, để đảm bảo thống nhất thực hiện việc khai, nộp LPTB theo quy định của pháp luật về quản lý thuế; đảm bảo cơ sở pháp lý của việc sử dụng dữ liệu nộp LPTB điện tử được ký số cũng là căn cứ để giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, cần nghiên cứu sửa đổi Điều 10 cho phù hợp.

6. Về trách nhiệm thi hành

Tại Điều 13 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 20/2019/NĐ-CP) về trách nhiệm thi hành quy định trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Công an như sau:

“b) Kết nối, chia sẻ dữ liệu về thông tin tài sản thuộc đối tượng chịu LPTB theo các tiêu chí tại mẫu Tờ khai LPTB được ban hành kèm theo Nghị định này và quy định về việc liên thông điện tử.

c) Thống nhất chuẩn kết nối dữ liệu và tổ chức triển khai thí điểm khai nộp, trao đổi dữ liệu điện tử LPTB được thực hiện trong năm 2020. Trên cơ sở kết quả triển khai thí điểm sẽ triển khai toàn quốc. Việc trao đổi dữ liệu phải được ký số theo quy định về Luật giao dịch điện tử.”

Luật quản lý thuế đã quy định Bộ Tài chính xây dựng mẫu tờ khai thuế nói chung, trong đó có Tờ khai LPTB. Hiện Mẫu Tờ khai LPTB đã được quy định tại Thông tư hướng dẫn Luật quản lý thuế chung chuẩn bị ban hành; đồng thời, quy định tại điểm c là quy định về việc thí điểm triển khai thu LPTB điện tử; thực hiện quy định này, Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) đã phối hợp với Bộ Công an (Cục Cảnh sát giao thông) triển khai thống nhất kết nối dữ liệu, thí điểm khai nộp, trao đổi dữ liệu điện tử LPTB ô tô, xe máy trong năm 2020 và triển khai mở rộng toàn quốc nộp điện tử LPTB ô tô, xe máy trong năm 2020; đồng thời, việc trao đổi đã thực hiện ký số theo quy định về Luật Giao dịch điện tử. Do đó, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Điều 13 cho phù hợp.

Ngoài ra, cần nghiên cứu để bổ sung trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc chỉ đạo Tổng cục Thuế trong việc ký số và truyền dữ liệu điện tử cho các cơ quan có liên quan để đảm bảo căn cứ pháp lý cho Tổng cục Thuế thực hiện việc ký số và truyền dữ liệu điện tử cho các cơ quan có liên quan, từ đó đảm bảo thuận lợi trong việc sử dụng dữ liệu nộp LPTB điện tử được ký số là căn cứ để giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, góp phần giảm thủ tục hành chính cho người nộp thuế.

IV. ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 140/2016/NĐ-CP

Từ những đánh giá nêu trên, đề nghị rà soát Nghị định số 140/2016/NĐ-CP, từ đó có những kiến nghị điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp nhằm

đảm bảo các mục tiêu, yêu cầu sau:

1. Đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất của chính sách thu LPTB; Tháo gỡ vướng mắc của chính sách thu LPTB hiện hành.

2. Góp phần khuyến khích việc sản xuất và sử dụng ô tô điện chạy pin, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường; Thực hiện chính sách ưu đãi của Nhà nước và tăng cường quản lý Nhà nước đối với việc sở hữu, sử dụng tài sản.

3. Đảm bảo tính công bằng, khả thi, phù hợp với pháp luật về quản lý thuế, pháp luật khác có liên quan và phù hợp với tình hình thực tế cũng như xu hướng quốc tế.

4. Đảm bảo chính sách công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Trên đây là Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách thu LPTB hiện hành./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ PC; Tổng cục Thuế; Viện CL&CSTC;
- Lưu: VT, CST (P4).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Vũ Thị Mai

PHỤ LỤC
Số thu thuế LPTB giai đoạn 2012-2020

(Đơn vị: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
1	Tổng thu NSNN	744.305	827.224	986.373	966.870	1.099.003	1.382.980	1.387.292	1.691.147	1.654.098
2	Tổng thu nội địa	477.106	567.403	593.560	740.932	829.000	1.039.192	1.155.293	1.274.738	1.291.017
3	Tổng thu NSDP	336.937	368.833	377.707	450.977	544.425	565.366	643.895	711.262	726.739
4	Tổng thu LPTB	11.816	13.595	16.090	22.405	27.304	27.613	32.409	40.194	31.295
	Tăng thu so với năm trước		13%	16%	28%	18%	1%	15%	19%	-28%
	Trong đó:									
	Thu LPTB từ nhà, đất	1.454	1.605	2.131	2.793	3.095	4.594	5.464	5.838	6.403
	Thu LPTB từ ô tô						19.049	22.591	29.982	24.679
	Thu LPTB từ xe máy						3.814	4.215	4.220	3.564
	Thu LPTB từ tàu thủy, thuyền						142	128	142	171
	Thu LPTB từ tàu bay						0	0	0	0
	Thu LPTB từ tài sản khác						3.970	4.354	4.374	213
5	Tỷ lệ % so với tổng thu NSNN	1,59%	1,64%	1,63%	2,32%	2,48%	2,00%	2,34%	2,38%	1,89%
6	Tỷ lệ % so với thu nội địa	2,48%	2,40%	2,71%	3,02%	3,29%	2,66%	2,81%	3,15%	2,42%
7	Tỷ lệ % so với thu NSDP	3,51%	3,69%	4,26%	4,97%	5,02%	4,88%	5,03%	5,65%	4,31%

(Nguồn: Tổng cục Thuế)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định của Chính phủ về LPTB

(Kèm theo Tờ trình số 196/TTr-BTC ngày 29/10/2021 của Bộ Tài chính)

Thực hiện soạn thảo Nghị định của Chính phủ về LPTB (LPTB), thay thế Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 và Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21/02/2019, Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định theo các nội dung sau đây:

1. Danh mục các văn bản rà soát

Các văn bản có liên quan đến dự thảo Nghị định của Chính phủ về LPTB thay thế Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 và Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21/02/2019 được rà soát bao gồm:

a) Các luật có liên quan

- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.
- Bộ Luật dân sự năm 2015.
- Bộ Luật Hàng hải Việt Nam năm 2015.
- Luật Quản lý thuế năm 2019.
- Luật Phí và lệ phí năm 2015.
- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.
- Luật Hải quan năm 2014.
- Luật Nhà ở năm 2014.
- Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004
- Luật sửa đổi, bổ sung năm Luật Giao thông đường thủy nội địa 2014.
- Luật giao thông đường bộ năm 2008.
- Luật Đất đai năm 2013.
- Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2007, được sửa đổi, bổ sung năm 2012.
- Luật đất thầu năm 2013.
- Luật xây dựng năm 2014, được sửa đổi, bổ sung năm 2020.

- Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017

b) Các Nghị định có liên quan

- Nghị định 53/2011/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 quy định về giá đất và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

- Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

- Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa.

- Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 về LPTB và Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21/02/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 về LPTB.

- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/08/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

- Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các nghị định quy định về thuế và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân.

- Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính và cơ cấu của Bộ Tài chính.

- Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Xây dựng và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng.

- Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/2/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Giao thông vận tải.

- Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 4/4/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ TNMT.

- Nghị định số 01/NĐ-CP ngày 06/8/2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an.

- Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

- Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế năm 2019.

- Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/2/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

c) Các văn bản khác có liên quan

- Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa.

- Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về LPTB và Thông tư số 20/2019/TT-BTC ngày 09/04/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 hướng dẫn về LPTB.

- Thông tư số 55/2019/TT-BGTVT ngày 31/12/2019 quy định về danh mục giấy chứng nhận và tài liệu của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động Việt Nam.

- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7271:2003 về phương tiện giao thông đường bộ - ô tô - phân loại theo mục đích sử dụng do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 41:2019/BGTVT về Báo hiệu đường bộ.

2. Kết quả rà soát

Trên cơ sở hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến dự thảo Nghị định của Chính phủ về LPTB, có thể đưa ra một số nhận định như sau:

- Các nội dung quy định tại dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp, đồng bộ với Luật Phí và lệ phí, pháp luật về thuế và pháp luật chuyên ngành có liên quan đến tài sản thuộc đối tượng chịu LPTB.

- Các nội dung sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Nghị định đảm bảo tính rõ ràng, phù hợp với thực tiễn sở hữu, sử dụng tài sản; đáp ứng yêu cầu quản lý thu của cơ quan thuế và tháo gỡ vướng mắc phát sinh trên thực tiễn, đảm bảo quyền lợi cho người sở hữu, sử dụng tài sản. Các quy định còn gây mâu thuẫn, bất cập đã được nghiên cứu, tiếp thu để sửa đổi, bổ sung các quy định tại dự thảo Nghị định đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống các VBQPPL.

3. Kiến nghị

Bộ Tài chính đã soạn thảo Nghị định của Chính phủ về LPTB thay thế Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 và Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21/02/2019 trên cơ sở kết quả rà soát, đảm bảo phù hợp, đồng bộ với Luật Phí và lệ phí và một số văn bản pháp luật chuyên ngành khác có liên quan.

(Kèm theo kết quả rà soát cụ thể nội dung dự thảo Nghị định)./.

BẢNG RÀ SOÁT CÁC VĂN BẢN QPPL LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

(Kèm theo Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định của Chính phủ về LPTB thay thế Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 và Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21/02/2019)

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
1	Căn cứ ban hành	Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;	1. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019. 2. Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019. 3. Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015.	Căn cứ ban hành Nghị định số 140/2016/NĐ-CP và Nghị định số 20/2019/NĐ-CP là Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Quản lý thuế đã có Luật sửa đổi, bổ sung và Luật thay thế năm 2019. Vì vậy, căn cứ ban hành Nghị định theo các văn bản mới này là phù hợp.
2	Điều 1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định về đối tượng chịu LPTB, người nộp LPTB, căn cứ tính LPTB, ghi nợ, miễn LPTB, chế độ khai, thu, nộp và quản lý LPTB.	1. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. 2. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020. 3. Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015.	Phạm vi điều chỉnh của Nghị định là phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015.
3	Điều 2	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Người nộp LPTB. 2. Cơ quan thuế. 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.	1. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. 2. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.	Đối tượng áp dụng của Nghị định là phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
4	Điều 3	Điều 3. Đối tượng chịu LPTB 1. Nhà, đất.	1. Tại Điều 27 Bộ Luật Hàng hải Việt Nam quy định: tàu ngầm, tàu lặn, kho	- Bổ sung quy định tàu lặn, tàu ngầm vào đối tượng chịu LPTB khi

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
		2. Súng săn, súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao. 3. <u>Tàu theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật về hàng hải (sau đây gọi là tàu thủy)</u>, kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy, tàu ngàm, tàu lặn, <u>trừ u nổi, kho chứa nổi và giàn di động.</u> 4. Thuyền, kể cả du thuyền. 5. Tàu bay. 6. Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự <u>xe mô tô, xe gắn máy</u> phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (sau đây gọi chung là xe máy). 7. Ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự <u>xe ô tô</u> phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. 8. Vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, <u>thần máy (block)</u> của tài sản quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này được thay thế mà phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. <u>Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.</u>	chứa nổi và giàn di động được đăng ký theo quy định tại Mục này. 2. Tại Điều 3 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định: Tổ chức, cá nhân có tài sản thuộc đối tượng chịu LPTB quy định tại Điều 2 Nghị định này phải nộp LPTB khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ các trường hợp thuộc diện miễn LPTB theo quy định tại Điều 9 Nghị định này. 3. Điều 4, Điều 13, Điều 14, Điều 27 Bộ Luật hàng hải Việt Nam. 4. Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định quản lý hoạt động đường thủy nội địa. 5. Khoản 3 Điều 18 Luật Phí và lệ phí giao Chính phủ quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng LPTB. 6. Luật Giao thông đường thủy nội địa và Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định quản lý hoạt động đường thủy nội địa. 7. Tại điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định	đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng là phù hợp với Điều 27 Bộ Luật hàng hải Việt Nam và thống nhất với Điều 3 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP. - Đề nghị sửa đổi cụm từ “tàu thủy” thành “tàu theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật về hàng hải (sau đây gọi là tàu thủy)” là phù hợp với pháp luật về hàng hải, pháp luật về giao thông đường thủy, và vừa phân biệt với phương tiện giao thông đường sắt. - Việc loại trừ “ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động” ra khỏi đối tượng chịu LPTB là để đảm bảo thống nhất về chính sách LPTB đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản. - Việc quy định rõ đối tượng chịu LPTB đối với các loại xe tương tự để phù hợp với quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, tránh vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. - Việc bổ sung thần máy (block) vào đối tượng chịu LPTB như đối

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
			miễn LPTB đối với “Đất được Nhà nước giao hoặc cho thuê sử dụng vào các mục đích thăm dò, khai thác khoáng sản”. 8. Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định các loại xe tương tự xe ô tô, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy.	với vô, tổng, thành khung, tổng thành máy để đảm bảo tính bao quát, phù hợp với quy định của Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 của Bộ Công an về cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện.
5	Điều 7	“Điều 7. Giá tính LPTB 1. Giá tính LPTB đối với nhà, đất: a) Giá tính LPTB đối với đất là giá đất tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm kê khai LPTB. Trường hợp đất thuê của Nhà nước theo hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà thời hạn thuê đất nhỏ hơn thời hạn của loại đất quy định tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành thì giá đất của thời hạn thuê đất tính LPTB được xác định như sau: $\text{Giá đất của thời hạn thuê đất} = \frac{\text{Giá đất tại Bảng giá đất}}{70 \text{ năm}} \times \text{Thời hạn thuê đất tính LPTB.}$ b) Giá tính LPTB đối với nhà là giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành	1. Khoản 3 Điều 18 Luật Phí và lệ phí giao Chính phủ quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng LPTB. 2. Điều 114 Luật Đất đai quy định Bảng giá đất và giá đất cụ thể; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. 3. Luật Nhà ở; Bộ Luật Dân sự. 4. Quy định về trị giá hải quan tại Điều 86 Luật Hải quan và Mục 3 Chương III Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP. 5. Điều 1 Luật đấu thầu năm 2013 không quy định về bán nhà thông qua hình thức đấu thầu. 6. Luật giao thông đường bộ năm	- Quy định giá tính LPTB tại dự thảo Nghị định phù hợp với Bộ Luật dân sự, Luật Đất đai, Luật Nhà ở, pháp luật về hải quan, pháp luật về đấu thầu, pháp luật về thuế và các pháp luật khác có liên quan; thuộc thẩm quyền quy định LPTB của Chính phủ theo Luật Phí và lệ phí. - Các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định để đảm bảo tính rõ ràng, phù hợp với thực tiễn sở hữu, sử dụng tài sản; yêu cầu quản lý thu của cơ quan thuế, đảm bảo kịp thời, nhanh chóng, thuận lợi cho người nộp thuế và cơ quan thuế trong việc xác định giá tính LPTB đối với các trường hợp phát sinh mới.

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
		theo quy định của pháp luật về xây dựng tại thời điểm kê khai LPTB. Riêng <u>c) Giá tính LPTB đối với nhà, đất trong một số trường hợp đặc biệt:</u> - <u>Giá tính LPTB đối với nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của pháp luật về bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, bao gồm cả đất kèm theo là giá bán thực tế ghi trên hoá đơn theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</u> - <u>Giá tính LPTB đối với nhà, đất mua theo phương thức đấu giá, đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu giá, đấu thầu là giá trúng đấu giá, đấu thầu thực tế ghi trên hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật hoặc giá trúng đấu giá, đấu thầu thực tế theo biên bản trúng đấu giá, đấu thầu hoặc theo văn bản phê duyệt kết quả đấu giá, đấu thầu (nếu có) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</u> - <u>Giá tính LPTB đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư bao gồm cả giá trị đất được phân bổ, giá trị đất được phân bổ được xác định bằng giá đất tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành nhân với hệ số phân bổ. Hệ số phân bổ được xác định theo quy định tại Nghị định 53/2011/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế sử dụng đất phi nông</u>	2008 7. Điều 1 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/2/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư chỉ quy định phạm vi điều chỉnh đối với dự án đầu tư có sử dụng đất. 8. Khoản 2 Điều 4 Nghị định 53/2011/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp quy định cụ thể hệ số phân bổ khi tính thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. 9. Điều 3 Thông tư 301/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về LPTB. 10. Thông tư 20/2019/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 hướng dẫn về LPTB. 11. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. 12. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020. 13. Luật Quản lý thuế năm 2019. 14. Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.	Đánh giá - Việc quy định về giá tính LPTB đối với đất kèm theo nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê (nâng quy định từ thông tư lên nghị định) để đảm bảo tính pháp lý trong quá trình thực hiện. - Việc bổ nội dung quy định giá tính LPTB đối với nhà mua theo phương thức đấu giá và bổ sung thêm 1 điểm quy định chung về giá tính LPTB đối với nhà, đất mua theo phương thức đấu giá, đấu thầu đảm bảo tính thống nhất và tính pháp lý với pháp luật về đấu thầu trong quá trình thực hiện. - Việc bổ sung giá tính LPTB đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư là nhằm đảm bảo tính pháp lý giá tính LPTB đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư và đảm bảo thống nhất trong hệ thống thuế về tên gọi đối với nhà chung cư. - Việc bổ sung hoàn thiện một số nội dung về cơ sở dữ liệu để xác định giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường, giá tính LPTB đối với xe ô tô chuyên dùng, xe máy

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
		<i>ngành và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung (nếu có).</i> d) Trường hợp giá nhà, đất tại hợp đồng mua bán nhà, hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất cao hơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành thì giá tính LPTB đối với nhà, đất là giá tại hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất, hợp đồng mua bán nhà. 2. Giá tính LPTB đối với tài sản là súng săn, súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao, tàu thủy, kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy, <u>tàu ngầm, tàu lặn, thuyền</u>, kể cả du thuyền, tàu bay quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 3 Nghị định này; vô, tổng thành khung, tổng thành máy của tài sản quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 3 Nghị định này; rô moóc hoặc sơ mi rô moóc được kéo bởi ô tô, <u>xe ô tô chuyên dùng, xe máy chuyên dùng</u> là giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường của từng loại tài sản. Giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường của từng loại tài sản <u>quy định tại khoản này được xác định</u> căn cứ vào <u>một trong</u> các cơ sở dữ liệu sau: - Đối với tài sản mua bán trong nước là giá trên hóa đơn, <u>chứng từ bán hàng hợp pháp theo quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ</u>, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng (nếu có). - Đối với tài sản sản xuất trong nước là giá theo Thông báo của doanh nghiệp sản xuất chính hãng.		chuyên dùng, hình thức để cơ quan thuế gửi báo cáo giá tính LPTB qua hình thức điện tử, cũng như sửa đổi, bổ sung nguyên tắc để Bộ Tài chính làm căn cứ ban hành Bảng giá sửa đổi, bổ sung là nhằm đảm bảo kịp thời, nhanh chóng, thuận lợi cho người nộp thuế và cơ quan thuế trong việc xác định giá tính LPTB; tạo điều kiện cho việc mở rộng triển khai khai điện tử, qua đó hỗ trợ tốt nhất cho người dân, doanh nghiệp làm thủ tục hành chính về đăng ký trước bạ, đăng ký xe; đồng thời tạo thuận lợi cho cơ quan thuế trong việc báo cáo giá tính LPTB đối với trường hợp phát sinh mới, cũng tạo thuận lợi cho Bộ Tài chính ban hành Bảng giá tính LPTB điều chỉnh, bổ sung kịp thời, nhanh chóng, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. - Kỹ thuật soạn thảo là phù hợp với Luật ban hành văn bản QPPL.

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
		- Đối với tài sản tự sản xuất, chế tạo để tiêu dùng hoặc <u>thuế sản xuất, chế tạo</u> là giá bán tài sản cùng loại hoặc tương đương, bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng (nếu có). <u>Trường hợp tài sản tự sản xuất, chế tạo hoặc thuế sản xuất, chế tạo mà không có giá bán của tài sản cùng loại hoặc tương đương là giá thành sản phẩm, cộng (+) thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng (+) thuế giá trị gia tăng (nếu có).</u> - Đối với tài sản nhập khẩu (bao gồm cả tài sản <u>đã qua sử dụng</u> nhập khẩu đã qua sử dụng) là trị giá tính thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về hải quan, cộng (+) thuế nhập khẩu (nếu có), cộng (+) thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng (+) thuế giá trị gia tăng (nếu có); hoặc là giá theo Thông báo của doanh nghiệp nhập khẩu được ủy quyền thay mặt doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô-tô nước ngoài. Trường hợp miễn thuế nhập khẩu theo quy định thì giá tính LPTB bao gồm cả thuế nhập khẩu được miễn. - Giá <u>tính LPTB</u> trên ứng dụng quản lý trước bạ của cơ quan thuế; giá bán tài sản cùng loại hoặc tương đương, bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng (nếu có). 3. Giá tính LPTB đối với tài sản là ô tô, các loại xe tương tự xe <u>ô tô</u> (sau đây gọi chung là ô tô) và xe máy quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 3 Nghị định này (trừ rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, xe ô tô chuyên dùng, xe máy chuyên dùng) là giá tại		

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
		Quyết định về Bảng giá tính LPTB do Bộ Tài chính ban hành. a) Giá tính LPTB tại Bảng giá tính LPTB được xác định theo nguyên tắc đảm bảo phù hợp với giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường tại thời điểm xây dựng Bảng giá tính LPTB. Giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường của từng loại ô tô, xe máy (đối với xe ô tô, <u>xe máy</u> là theo kiểu loại xe; <u>đối với xe tải là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông; đối với xe khách là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, số người cho vào các cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 2 Điều này.</u> b) Trường hợp phát sinh loại ô tô, xe máy mới mà tại thời điểm nộp tờ khai LPTB chưa có trong Bảng giá tính LPTB thì Cơ quan thuế căn cứ vào cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 2 Điều này quyết định giá tính LPTB của từng loại ô tô, xe máy mới phát sinh (đối với xe ô tô, <u>xe máy</u> là theo kiểu loại xe; <u>đối với xe tải là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông; đối với xe khách là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, số người cho phép chở kể cả lái xe).</u> c) Trường hợp phát sinh loại ô tô, xe máy mới chưa có trong Bảng giá tính LPTB hoặc ô tô, xe máy có trong Bảng giá tính LPTB mà giá chuyển nhượng ô tô, xe máy trên thị trường tăng hoặc giảm từ 5% trở lên so		

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
		với giá tại Bảng giá tính LPTB thì Cục thuế tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính trước ngày mùng 5 của tháng cuối quý. Bộ Tài chính ban hành Quyết định về Bảng giá tính LPTB điều chỉnh, bổ sung trước ngày 25 của tháng cuối quý để áp dụng kể từ ngày đầu của quý tiếp theo. Bảng giá tính LPTB điều chỉnh, bổ sung được ban hành theo quy định về ban hành Bảng giá tính LPTB quy định tại điểm a khoản này hoặc căn cứ vào trung bình cộng giá tính LPTB của cơ quan thuế các địa phương. 4. Giá tính LPTB đối với tài sản thuộc đối tượng chịu LPTB <u>đã qua sử dụng</u> (trừ nhà, đất; <u>tài sản đã qua sử dụng nhập khẩu; tài sản mua theo phương thức xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân đã qua sử dụng</u>) là giá trị còn lại tính theo thời gian sử dụng của tài sản. Đối với ô tô, xe máy đã qua sử dụng mà chưa có trong Bảng giá tính LPTB thì giá tính LPTB là giá trị sử dụng còn lại của ô tô, xe máy mới có cùng kiểu loại xe có giá tính LPTB tương đương trong nhóm kiểu loại xe đã có trong Bảng giá tính LPTB. <u>Trường hợp chưa có giá tính LPTB của ô tô, xe máy mới có cùng kiểu loại trong Bảng giá tính LPTB thì giá tính LPTB của ô tô, xe máy đã qua sử dụng là giá trị còn lại của kiểu loại xe tương đương đã có giá tính LPTB trong Bảng giá tính LPTB.</u> 5. Giá tính LPTB đối với một số trường hợp đặc biệt: a) Giá tính LPTB đối với tài sản mua theo phương		

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
		thức trả góp là giá trả một lần (không bao gồm lãi trả góp) được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này, bao gồm cả thuế nhập khẩu (nếu có), thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng (nếu có). b) Giá tính LPTB đối với tài sản mua theo phương thức xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân (<u>tài sản tịch thu</u>) là <u>giá trên hóa đơn bán tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công giá trừ thuế giá đối với tài sản mua theo hình thức đấu giá hoặc giá do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với tài sản mua theo hình thức chỉ định hoặc hình thức niêm yết giá, bao gồm cả thuế nhập khẩu (nếu có), thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng (nếu có).</u> <u>Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.</u>		
6	Điều 8	“Điều 8. Mức thu LPTB theo tỷ lệ (%) 1. Nhà, đất mức thu là 0,5%. 2. Súng săn, súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao là 2%. 3. Tàu thủy, sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy, <u>tàu ngầm, tàu lặn</u>, thuyền, du thuyền, tàu bay mức thu là 1%. 4. Xe máy mức thu là 2%. Riêng: a) Xe máy của tổ chức, cá nhân ở các thành phố trực thuộc trung ương; thành phố thuộc tỉnh; thị xã nơi Ủy ban nhân dân tỉnh đóng trụ sở nộp LPTB lần đầu với mức là 5%.	1. Điều 27 Bộ Luật Hàng hải Việt Nam. 2. Điều 3 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP. 3. Khoản 3 Điều 18 Luật Phí và lệ phí giao Chính phủ quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng LPTB. 4. Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7271:2003 về phương tiện giao thông đường bộ - ô tô - phân loại theo mục đích sử dụng do Bộ Khoa học và Công	- Bổ sung mức thu LPTB đối với tàu lặn, tàu ngầm để đồng bộ với quy định bổ sung tàu lặn, tàu ngầm vào đối tượng chịu LPTB tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định; đảm bảo đầy đủ cơ sở thực hiện khi Nghị định được ký ban hành. - Việc sửa đổi, bổ sung quy định về ô tô pick-up, xe tải VAN tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP để đảm bảo thống nhất với Quy chuẩn kỹ thuật

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
		b) Đối với xe máy nộp lệ phí trước bạ lần thứ 2 trở đi được áp dụng mức thu là 1%. Trường hợp chủ tài sản đã kê khai, nộp lệ phí trước bạ đối với xe máy là 2%, sau đó chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn quy định tại điểm a khoản này thì nộp lệ phí trước bạ với mức thu là 5%. 5. Ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự <u>xe ô tô</u> mức thu là 2%. Riêng: a) Ô tô chờ người từ 09 chỗ ngồi trở xuống (<u>bao gồm cả xe con pick-up</u>), nộp LPTB lần đầu với mức thu là 10%. Trường hợp cần áp dụng mức thu cao hơn cho phù hợp với điều kiện thực tế tại từng địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định điều chỉnh tăng nhưng tối đa không quá 50% mức quy định chung tại điểm này. b) Ô tô vừa chở người, vừa chở hàng (Ô tô pick-up chờ hàng) có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn <u>950 kg</u> 4-500-kg và có từ 5 chỗ ngồi trở xuống, Ô tô tải VAN có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn <u>950 kg</u> 4-500-kg nộp LPTB lần đầu với mức thu bằng 60% mức thu LPTB lần đầu đối với ô tô chờ người từ 09 chỗ ngồi trở xuống. c) <u>Ô tô điện chạy pin</u>: - Trong vòng 3 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành: <u>nộp LPTB lần đầu với mức thu là 0%.</u> - Trong vòng 2 năm tiếp theo: <u>nộp LPTB lần đầu với</u>	nghệ ban hành. 5. Điều 3 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 41:2019/BGTVT về Giải thích từ ngữ 6. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. 7. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.	Quốc gia QCVN 41:2019/BGTVT và Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7271:2003, tạo sự đồng bộ giữa công tác quản lý, đăng kiểm phương tiện giao thông đường bộ với công tác triển khai thu LPTB, đảm bảo thuận lợi, rõ ràng cho cơ quan thuế khi căn cứ hồ sơ đăng kiểm để xác định mức thu LPTB đối với ô tô pick-up, xe tải VAN. - Bổ sung mức thu LPTB đối với ô tô điện chạy pin tại dự thảo Nghị định để khuyến khích việc sản xuất và sử dụng xe ô tô điện chạy pin thân thiện với môi trường, phù hợp với xu hướng của thế giới. - Kỹ thuật soạn thảo là phù hợp với Luật ban hành văn bản QPPL.

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
		mức thu bằng 50% mức thu đối với ô tô chạy xăng, đầu có cùng số chỗ ngồi. e) <u>d) Các loại ô tô quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này: Ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống (bao gồm cả xe con pick-up), Ô tô vừa chở người, vừa chở hàng (Ô tô pick-up chở hàng) có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 1.500 kg và có từ 5 chỗ ngồi trở xuống, Ô tô tải VAN có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 1.500 kg, nộp lệ phí trước bạ lần thứ 2 trở đi với mức thu là 2% và áp dụng thống nhất trên toàn quốc.</u> Căn cứ vào loại phương tiện ghi tại Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan đăng kiểm Việt Nam cấp, cơ quan thuế xác định mức thu LPTB đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự theo quy định tại Khoản này”. 6. Đối với vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, <u>thân máy (block)</u> quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định này được thay thế mà phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì áp dụng mức thu LPTB tương ứng của từng loại tài sản. 7. Tổ chức, cá nhân đã được miễn hoặc không phải nộp LPTB khi đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy lần đầu, nếu chuyển nhượng cho các tổ chức, cá nhân khác hoặc chuyển mục đích sử dụng mà không thuộc diện được miễn LPTB theo quy định thì tổ chức, cá nhân		

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
		đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy nộp LPTB với mức thu lần đầu trên giá trị sử dụng còn lại của tài sản. 8. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng ô tô, xe máy xác lập sở hữu toàn dân (tài sản tịch thu) theo quy định của pháp luật mà ô tô, xe máy xác lập sở hữu toàn dân có đăng ký quyền sở hữu trước đó thì tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng khi đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy nộp LPTB với mức thu lần thứ 2 trở đi. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng ô tô, xe máy xác lập sở hữu toàn dân (tài sản tịch thu) theo quy định của pháp luật mà ô tô, xe máy xác lập sở hữu toàn dân không có đăng ký quyền sở hữu trước đó hoặc không có cơ sở để xác định việc đã đăng ký quyền sở hữu trước đó thì tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng khi đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy nộp LPTB với mức thu lần đầu”. Mức thu LPTB đối với tài sản quy định tại Điều này không chế tối đa là 500 triệu đồng/1 tài sản/1 lần trước bạ, trừ ô tô chờ người từ 9 chỗ trở xuống, tàu bay, du thuyền, <u>tàu ngầm, tàu lặn</u>. <u>Bổ Tài chính quy định chi tiết Điều này.”</u>		
7	Điều 9	Điều 9. Ghi nợ LPTB 1. Ghi nợ LPTB đối với đất và nhà gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được ghi nợ tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai về thu tiền sử dụng đất. Khi thanh toán nợ LPTB thì hộ gia đình, cá nhân phải nộp LPTB tính theo giá nhà, đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1. Luật Quản lý thuế năm 2019. 2. Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế năm 2019.	Việc sửa đổi quy định về khai, nộp LPTB đối với trường hợp được ghi nợ LPTB là phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
		quy định tại thời điểm kê khai LPTB. 2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ LPTB theo quy định tại khoản 1 Điều này nếu chuyển nhượng, chuyển đổi, tặng cho quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân khác (trừ trường hợp tặng cho nhà, đất giữa các đối tượng quy định tại khoản 10 Điều 9 Nghị định này) thì phải nộp đủ số LPTB còn nợ trước khi chuyển nhượng, chuyển đổi, tặng cho. 3. Thủ tục ghi nợ LPTB a) Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được ghi nợ LPTB nhà, đất nêu tại khoản 1 Điều này thực hiện khai LPTB và nộp hồ sơ khai LPTB <i>theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.</i> (trong đó có giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được ghi nợ LPTB nêu tại khoản 1 Điều này) theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 10 Nghị định này. b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất kiểm tra hồ sơ, nếu xác định đúng đối tượng được ghi nợ LPTB nhà, đất nêu tại khoản 1 Điều này thì ghi vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất: “Nợ LPTB” trước khi cấp cho chủ sở hữu, sử dụng nhà, đất. c) Trường hợp nhận được hồ sơ làm thủ tục chuyển nhượng, chuyển đổi, tặng cho quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân còn ghi nợ LPTB, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận		

Số TT	Dự thảo Nghị định		Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết	
		quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất có trách nhiệm chuyển hồ sơ, kèm theo “Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai” sang cho Cơ quan Thuế để tính và thông báo để hộ gia đình, cá nhân có nhà, đất nộp đủ số tiền LPTB còn nợ trước khi làm thủ tục chuyển nhượng, chuyển đổi, tặng cho.	
8	Điều 10	”Điều 10. Miễn LPTB 1. Nhà, đất là trụ sở của cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự, cơ quan Đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc và nhà ở của người đứng đầu cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự, cơ quan Đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam. 2. Tài sản (trừ nhà, đất) của tổ chức, cá nhân nước ngoài sau đây: a) Cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự, cơ quan Đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc. b) Viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự, nhân viên hành chính kỹ thuật của cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự, thành viên cơ quan Đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc và thành viên của gia đình họ không phải là công dân Việt Nam hoặc không thường trú tại Việt Nam được Bộ Ngoại giao Việt Nam cấp chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ. c) Tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc đối tượng	- Quy định miễn LPTB tại dự thảo Nghị định thuộc thẩm quyền của Chính phủ, quy định phù hợp với Luật Phí và lệ phí, Bộ Luật dân sự, Luật Hôn nhân gia đình, Luật Đất đai, Luật Nhà ở và các Luật khác có liên quan đến đăng ký sở hữu, sử dụng tài sản. - Các nội dung sửa tại dự thảo Nghị định để tháo gỡ vướng mắc phát sinh trên thực tiễn, đảm bảo quyền lợi cho người sở hữu, sử dụng tài sản; của hộ gia đình và quyền lợi của vợ, chồng hợp nhất tài sản khi kết hôn và phân chia tài sản sau khi ly hôn theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án. - Trên thực tế phát sinh loại phương tiện Tàu thu gom tự động rác nổi trên sông. Tại Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương
		1. Khoản 3 Điều 18 Luật Phí và lệ phí giao Chính phủ quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng LPTB. 2. Bộ Luật dân sự (quy định về quyền sở hữu, thừa kế, tài sản chung của thành viên hộ gia đình,...). 3. Luật Hôn nhân gia đình. 4. Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Xây dựng và các Luật khác có liên quan đến đăng ký sở hữu, sử dụng tài sản, giao đất, cho thuê đất, nhà đất tái định cư,... 5. Tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT quy định: “Tàu khách cao tốc (tàu cao tốc chở khách) là tàu khách được cơ quan Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra chứng nhận phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu thủy cao tốc; tàu khách hoạt động ở chế độ lướt mà	

Số TT	Dự thảo Nghị định		Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết	
		quy định tại điểm a và b khoản này, nhưng được miễn hoặc không phải nộp LPTB theo các cam kết quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. 3. Đất được Nhà nước giao hoặc cho thuê theo hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê sử dụng vào các mục đích sau đây: a) Sử dụng vào mục đích công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai. b) Thăm dò, khai thác khoáng sản; nghiên cứu khoa học theo giấy phép hoặc xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. c) Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng (không phân biệt đất trong hay ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất), đầu tư xây dựng nhà để chuyển nhượng, bao gồm cả trường hợp tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng để tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hoặc xây dựng nhà để chuyển nhượng. Các trường hợp này nếu đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng để cho thuê hoặc tự sử dụng thì phải nộp LPTB. 4. Đất được Nhà nước giao, cho thuê hoặc công nhận sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và làm muối. 5. Đất nông nghiệp chuyển đổi quyền sử dụng giữa các hộ gia đình, cá nhân trong cùng xã, phường, thị trấn để thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật đất đai. 6. Đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân tự khai hoang phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ	Quy định của các văn bản QPPL liên quan thân tàu tách hoàn toàn khỏi mặt nước do lực nâng khí động học tạo ra bởi hiệu ứng bề mặt có tốc độ lớn nhất từ 30 km/giờ trở lên ở trạng thái toàn tải.” 6. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. 7. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020. Đánh giá tiện thủy nội địa Cục Đăng kiểm Việt Nam xác định đây thuộc loại “Tàu khác”, được cố định một chỗ, không đảm bảo bị trôi dạt, thu gom rác thải trên đường thủy nội địa. Theo đó, đề nghị sửa đổi, bổ sung “Tàu thu gom rác” vào đối tượng miễn LPTB là phù hợp với thực tế phát sinh, đảm bảo công bằng với chính sách miễn LPTB đối với các loại xe ô tô chở rác. - Kỹ thuật soạn thảo là phù hợp với Luật ban hành văn bản QPPL.

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
		quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, không có tranh chấp mà được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. 7. Đất thuê của Nhà nước theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm hoặc thuê của tổ chức, cá nhân đã có quyền sử dụng đất hợp pháp. 8. Nhà, đất sử dụng vào mục đích cộng đồng của các tổ chức tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng được Nhà nước công nhận hoặc được phép hoạt động. 9. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa. 10. Nhà, đất nhận thừa kế hoặc là quà tặng giữa: Vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; cha vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội, bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh, chị, em ruột với nhau nay được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. 11. Nhà ở của hộ gia đình, cá nhân tạo lập thông qua hình thức phát triển nhà ở riêng lẻ theo quy định của Luật nhà ở. 12. Tài sản cho thuê tài chính được chuyển quyền sở hữu cho bên thuê khi kết thúc thời hạn thuê thông qua việc nhượng, bán tài sản cho thuê thì bên thuê được miễn nộp LPTB; trường hợp công ty cho thuê tài chính mua tài sản của đơn vị có tài sản đã nộp LPTB sau đó cho chính đơn vị bán tài sản thuê lại thì công ty cho thuê tài chính được miễn nộp LPTB.		

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
		13. Nhà, đất, tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh. 14. Nhà, đất thuộc tài sản nhà nước dùng làm trụ sở cơ quan của cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp. 15. Nhà, đất được bồi thường, tái định cư (kể cả nhà, đất mua bằng tiền được bồi thường, hỗ trợ) khi Nhà nước thu hồi nhà, đất theo quy định của pháp luật. Việc miễn LPTB quy định tại khoản này được áp dụng đối với đối tượng bị thu hồi nhà, đất. 16. Tài sản của tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng khi đăng ký lại quyền sở hữu, sử dụng được miễn nộp LPTB trong những trường hợp sau đây: a) Tài sản đã được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng nay đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng mới mà không thay đổi chủ sở hữu tài sản. b) Tài sản của doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được cổ phần hóa thành công ty cổ phần hoặc các hình thức sắp xếp lại doanh nghiệp nhà		

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
		nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật. c) Tài sản đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng <i>chung</i> của hộ gia đình <i>hoặc của các thành viên gia đình</i> khi phân chia tài sản đó theo quy định của pháp luật cho các thành viên hộ gia đình đăng ký lại; <i>Tài sản hợp nhất của vợ chồng sau khi kết hôn hoặc phân chia cho vợ, chồng khi ly hôn theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.</i> d) Tài sản của tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng khi được cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng tài sản do giấy chứng nhận bị mất, rách nát, ố, nhòe, hư hỏng. <i>Tổ chức, cá nhân không phải kê khai, làm thủ tục miễn lệ phí trước bạ khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp này.</i> Cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng cho tổ chức, cá nhân khi có đề nghị. đ) Trường hợp khi cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có phát sinh chênh lệch diện tích đất tăng thêm nhưng ranh giới của thửa đất không thay đổi thì được miễn nộp LPTB đối với phần diện tích đất tăng thêm. e) Tổ chức, cá nhân được nhà nước giao đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phải chuyển sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định của Luật đất đai từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.		

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
		f) Trường hợp khi đăng ký lại quyền sử dụng đất do được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà không thay đổi người có quyền sử dụng đất và không thuộc đối tượng phải nộp tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất. 17. Tài sản của tổ chức, cá nhân đã nộp LPTB (trừ trường hợp được miễn nộp LPTB) chuyển cho tổ chức, cá nhân khác đăng ký quyền sở hữu, sử dụng được miễn nộp LPTB trong những trường hợp sau đây: a) Tổ chức, cá nhân, xã viên hợp tác xã đem tài sản của mình góp vốn vào doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, hợp tác xã hoặc khi doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, hợp tác xã giải thể hoặc phân chia hoặc rút vốn cho tổ chức, cá nhân thành viên tài sản mà tổ chức, cá nhân thành viên đã góp trước đây. b) Tài sản của doanh nghiệp điều động trong nội bộ của doanh nghiệp đó hoặc cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp điều động tài sản trong nội bộ một cơ quan, đơn vị dự toán theo quyết định của cấp có thẩm quyền. 18. Tài sản của tổ chức, cá nhân đã nộp LPTB được chia hay góp do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, đổi tên tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. 19. Tài sản của tổ chức, cá nhân đã nộp LPTB chuyển đến địa phương nơi sử dụng mà không thay đổi chủ sở hữu. 20. Nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, nhà được hỗ trợ mang tính chất nhân đạo, kể cả đất kèm theo nhà được		

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
		đăng ký sở hữu, sử dụng tên người được tặng. 21. Xe cứu hỏa, xe cứu thương, xe chiếu chụp X-quang, xe cứu hộ (bao gồm cả xe kéo xe, xe chở xe); xe chở rác, xe phun nước, xe tưới nước, xe xi téc phun nước, xe quét đường, xe hút bụi, xe hút chất thải; xe chuyên dùng cho thương binh, bệnh binh, người tàn tật đăng ký quyền sở hữu tên thương binh, bệnh binh, người tàn tật. 22. Tàu bay sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách. 23. Tàu, thuyền đánh bắt thủy sản, tàu dịch vụ hậu cần khai thác thủy sản xa bờ và vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, <i>thân máy (block)</i> của tàu, thuyền đánh bắt thủy sản, tàu dịch vụ hậu cần khai thác thủy sản xa bờ được thay thế mà phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 24. Vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, <i>thân máy (block)</i> quy định tại khoản 8 Điều 2 Nghị định này được thay thế mà phải đăng ký lại trong thời hạn bảo hành. 25. Nhà xưởng của cơ sở sản xuất; nhà kho, nhà ăn, nhà để xe của cơ sở sản xuất, kinh doanh. Nhà xưởng theo quy định tại khoản này được xác định theo pháp luật về phân cấp công trình xây dựng. 26. Nhà ở, đất ở của hộ nghèo; nhà ở, đất ở của đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã, phường, thị trấn thuộc vùng khó khăn, Tây Nguyên; nhà ở, đất ở của hộ gia đình, cá nhân ở các xã thuộc Chương trình phát triển		

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
		kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. 27. Tàu thủy, thuyền không có động cơ, trọng tải toàn phần đến 15 tấn; tàu thủy, thuyền có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa; tàu thủy, thuyền có sức chở người đến 12 người; tàu thủy, thuyền chở khách-tổ-độ-eo <u>Tàu khách cao tốc (Tàu cao tốc chở khách), tàu thu gom rác và tàu thủy, thuyền vận tải công-ten-nơ.</u> <u>Các phương tiện nêu trên được xác định theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và các văn bản hướng dẫn thi hành (kể cả vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, thân máy (block) tương ứng lắp thay thế vào các loại phương tiện này).</u> 28. Nhà, đất của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa; thể dục thể thao; môi trường theo quy định của pháp luật đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà phục vụ cho các hoạt động này. 29. Nhà, đất của cơ sở ngoài công lập đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà phục vụ cho các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo; y tế; văn hóa; thể dục thể thao; khoa học và công nghệ; môi trường; xã hội; dân số, gia đình, bảo vệ chăm sóc trẻ em theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 28 Điều này. 30. Nhà, đất của doanh nghiệp khoa học và công nghệ đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo		

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
		quy định của pháp luật. 31. Phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt sử dụng năng lượng sạch. <u>Bổ Tàì chính quy ãnh chỉ tiết Điều này. ”</u>		
9	Điều 11	<u>Điều 11. Khai, nộp lệ phí trước bạ</u> <u>Tổ chức, cá nhân khai, nộp lệ phí trước bạ ãợc thuế hiện theo quy ãnh của pháp luật về quản lý thuế khi ãăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Dữ liệu ãien từ nộp lệ phí trước bạ ãợc Tổng cục Thuế ký số có giá trị như chứng từ bản giấy ãể giải quyết thủ tục hành chính liên quan ãến việc ãăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.</u>	- Luật quản lý thuế năm 2019 và các văn bản hướng ããn thi hành. - Điều 3, Điều 4 Nghị ãịnh số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy ãnh về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước. - Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 của Bộ Công an quy ãnh quy trình cấp, thu hồi ãăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới ãường bộ.	- Pháp luật về quản lý thuế hiện hành ãã quy ãnh cụ thể việc khai, tính và nộp LPTB. Bên cạnh ãó, trong thời gian vừa qua việc sử dụng dữ liệu nộp LPTB ãiện từ ãược Tổng cục Thuế ký số là một trong những căn cứ ãể giải quyết thủ tục hành chính liên quan ãến việc ãăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản như chứng từ bản giấy. Do ãó, việc sửa ãổi Điều 10 về khai, thu, nộp LPTB ãể ãảm bảo tính thống nhất theo quy ãịnh của pháp luật về quản lý thuế; ãảm bảo cơ sở pháp lý của việc sử dụng dữ liệu nộp LPTB ãiện từ ãược ký số cũng là căn cứ ãể giải quyết thủ tục hành chính về ãăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.
10	Điều 12	“Điều 12. Quản lý LPTB Cơ quan thu LPTB nộp 100% số tiền LPTB thu ãược vào ngân sách nhà nước theo quy ãịnh của pháp luật.”	1. Luật Phí và lệ phí năm 2015. 2. Luật ngân sách nhà nước năm 2015 3. Luật quản lý thuế năm 2019.	Việc cơ quan thu LPTB nộp 100% số tiền LPTB thu ãược vào ngân sách nhà nước là phù hợp với quy ãịnh của Luật phí và lệ phí, Luật

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
11	Điều 13	Điều 13. Trách nhiệm thi hành 1. Bộ Tài chính có trách nhiệm: a) Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng quy trình phối hợp liên thông điện tử trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ quy định tại Điều 3 Nghị định này. b) Xây dựng, ban hành Quyết định về Bảng giá tính lệ phí trước bạ, Bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung và quy định chi tiết các nội dung được giao theo quy định tại Nghị định này. c) <u>Chi đạo Tổng cục Thuế ký số trên dữ liệu điện tử nộp lệ phí trước bạ của tổ chức, cá nhân nộp lệ phí trước bạ qua Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và cung cấp cho tổ chức có thẩm quyền đã kết nối thông tin với cơ quan thuế để giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.</u> 2. Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Công an có trách nhiệm: a) Xây dựng hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu để giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký tài sản;	- Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính đã quy định Bộ Tài chính là cơ quan của Chính phủ, có chức năng quản lý nhà nước về thuế, phí, lệ phí. - Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Xây dựng đã quy định Bộ Xây dựng là cơ quan của Chính phủ, có chức năng quản lý nhà nước về nhà ở. - Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/2/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Giao thông vận tải đã quy định Bộ Giao thông vận tải là cơ quan của Chính phủ, có chức năng quản lý nhà nước về giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ công theo quy định của pháp luật. - Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 4/4/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ TNMT đã quy	ngân sách nhà nước và Luật quản lý thuế. - Quy định về trách nhiệm của Bộ Tài chính, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Công an là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ. - Bổ sung trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc: <u>Quy định chi tiết các nội dung được giao theo quy định tại Nghị định</u> và <u>“Chi đạo Tổng cục Thuế ký số trên dữ liệu điện tử nộp LPTB của tổ chức, cá nhân nộp LPTB qua Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và cung cấp cho tổ chức có thẩm quyền đã kết nối thông tin với cơ quan thuế để giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản” để đảm bảo căn cứ pháp lý cho Tổng cục Thuế thực hiện việc ký số và truyền dữ liệu điện tử cho các cơ quan có liên quan, góp phần giảm thủ tục hành</u>

Số TT	Dự thảo Nghị định		Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết	
		b) Kết nối, chia sẻ dữ liệu về thông tin tài sản thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ theo các tiêu chí tại mẫu Tờ khai lệ phí trước bạ được ban hành kèm theo Nghị định này do Bộ Tài chính ban hành và quy định về việc liên thông điện tử. e) Thống nhất chuẩn kết nối dữ liệu và tổ chức triển khai thí điểm khai nộp, trao đổi dữ liệu điện tử lệ phí trước bạ được thực hiện trong năm 2020. Trên cơ sở kết quả triển khai thí điểm sẽ triển khai toàn quốc. Việc trao đổi dữ liệu phải được ký số theo quy định về Luật giao dịch điện tử. 3. Bộ Giao thông vận tải (Cục Đăng kiểm Việt Nam) có trách nhiệm phân loại phương tiện giao thông làm cơ sở cho việc thu lệ phí trước bạ theo quy định. 4. <u>Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:</u> a) Ban hành Bảng giá đất theo quy định của pháp luật về đất đai và ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà để làm căn cứ tính lệ phí trước bạ theo quy định tại Nghị định này. b) <u>Trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức thu tính lệ phí trước bạ đối với xe ô tô từ 9 chỗ ngồi chờ xuống tại địa phương theo điểm a khoản 5 Điều 8 Nghị định này.</u> 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các	chính cho người nộp thuế. - Bổ sung trách nhiệm của UBND cấp tỉnh trong việc ban hành Bảng giá đất theo quy định của pháp luật về đất đai, giá tính LPTB đối với nhà và trách nhiệm trong việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành mức thu LPTB đối với ô tô từ 9 chỗ ngồi chờ xuống để đảm bảo cơ sở thu LPTB kịp thời theo quy định.
		định Bộ TNMT là cơ quan của Chính phủ, có chức năng quản lý nhà nước về đất đai. - Nghị định số 01/NĐ-CP, ngày 06/8/2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an.	Quy định của các văn bản QPPL liên quan

Số TT	Dự thảo Nghị định		Quy định của các văn bản QPPL liên quan	Đánh giá
	Điều	Nội dung chi tiết		
		tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.		
12	Điều 14	“Điều 14. Điều khoản thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2. Nghị định này bãi bỏ: a) Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về LPTB. b) Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về LPTB./.	Điều 151 Luật Ban hành văn bản QPPL quy định thời điểm có hiệu lực của văn bản QPPL.	Nghị định có hiệu lực không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày ký ban hành, đảm bảo phù hợp với Điều 151 Luật Ban hành văn bản QPPL.